



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

NÔNG DÂN LÀM GIÀU



**NHA XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**NÔNG DÂN
LÀM GIÀU**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

NÔNG DÂN LÀM GIÀU

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

Biên soạn:

- **Nguyễn Văn Tâm:** Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
- **Nguyễn Thị Má:** Trưởng ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân
- **Lê Huy Dáng:** Phó Chánh Văn phòng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
- **Lê Văn Khôi:** Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Nông vận, Hội Nông dân Việt Nam
- **Ngô Văn Hùng:** Phó Ban biên tập Bản tin Khoa học với nhà nông

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đề ra định hướng lớn: Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững. Trong đó, phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy ưu thế của nền nông nghiệp nhiệt đới gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn. Khuyến khích tập trung ruộng đất, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, mở rộng xuất khẩu. Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Như vậy, vấn đề nông nghiệp và nông thôn được Đảng ta đặc biệt quan tâm và coi đó là một khâu quan trọng để phát triển đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Cuốn sách *Nông dân làm giàu* nêu một số kinh nghiệm nông dân làm giàu trên các loại hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... và những

tấm gương tiêu biểu của người nông dân vượt qua mọi khó khăn vươn lên làm giàu chính đáng. Với 109 câu hỏi và trả lời về những vấn đề như tiêu chuẩn VietGAP, chính sách thuế, hỗ trợ vốn vay mua máy móc, thiết bị,...; về Quỹ hỗ trợ nông dân, tổ tiết kiệm và vay vốn; về một số chương trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách; về chính sách vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội... đó là những vấn đề bức thiết mà người nông dân hết sức quan tâm.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần thứ nhất

KINH NGHIỆM LÀM GIÀU CỦA NHÀ NÔNG

I- KINH NGHIỆM LÀM GIÀU TỪ TRANG TRẠI TỔNG HỢP

XÂY DỰNG THÀNH CÔNG TRANG TRẠI Ở VÙNG KINH TẾ MỚI*

Anh Trương Nuôi, thôn Thạch Bi II, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi thành công nhờ kết hợp trồng trọt và vật nuôi đặc sản. Gia đình anh đã có của ăn, của để, các con được đến trường học hành đầy đủ. Anh có điều kiện giúp đỡ bà con trong vùng thi đua phát triển sản xuất, trao đổi kinh nghiệm của mình và giúp đỡ hàng trăm cây giống mỗi năm cho bà con, đó là nhờ việc quyết tâm thực hiện chính sách của địa phương, di dân đi vùng kinh tế mới Tân An, bàn với vợ, quyết tâm tìm lối thoát cái nghèo.

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Hà Nội, 2010, tr. 145.

Vào năm 1997, vùng kinh tế mới Tân An lúc bấy giờ là một thung lũng nhỏ lọt thỏm dưới chân núi, cách khu dân cư gần 10 km, điện nước không có, đường đi lại thì gập ghềnh khó khăn. Chính vì điều đó đã không ít gia đình nản chí, trở về nơi ở cũ. Được sự ủng hộ của vợ, gia đình anh đã che tạm một ngôi nhà nhỏ gần bờ suối, xung quanh có những thửa đất bằng nhờ dòng suối bồi pha để trồng các loại cây ngắn ngày làm cơ sở phát triển ban đầu. Nghĩ thì dễ vậy, nhưng từ nhỏ, hai vợ chồng chỉ biết làm ngư nghiệp, biết con cá, con tôm, chợ búa, chứ nào có biết làm rừng, làm rẫy, trồng cây, chăn nuôi gì, do đó gia đình anh gặp hết khó khăn này đến khó khăn khác. Lúc thì chăn nuôi gặp dịch, lúc thì trồng cây không cho quả, sâu bệnh... và cơ bản nhất là chưa tìm ra được cây trồng, vật nuôi thích hợp. Cứ như thế, cuộc sống ở vùng kinh tế mới của gia đình anh vẫn khó khăn kéo dài.

Đến năm 2002, qua một lần đến Hội Nông dân xã để nghe hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, đọc được thông tin từ báo *Nông thôn ngày nay*, anh Trương Nuôi biết được hiệu quả của mô hình trồng cây quýt đường ở Long Thành (Đồng Nai). Nhận thấy đất đai ở Tân An cũng có thể trồng được, anh quyết định đến tận Long Thành mua 20 cây quýt giống Thái Lan về trồng thử. Nhờ kiên trì chăm sóc, số quýt anh trồng đã sinh

trưởng, phát triển tốt, cây sai trĩu quả. Thành công ban đầu khiến vợ chồng anh vui mừng như được đón nhận một món quà quý - món quà sẽ làm thay đổi cuộc sống của gia đình anh. Anh quyết tâm vào lại Long Thành một lần nữa và lần này anh mua tận 1.200 gốc quýt về trồng ra khắp khu vườn của mình. Thời gian đầu, do chưa có kinh nghiệm, hằng năm anh chỉ thu được 3 - 4 tấn quả, quýt chua và trái nhỏ, hình thức không đẹp nên không cạnh tranh được với các loại quýt trên thị trường. Sau mỗi vụ, anh lại đúc rút kinh nghiệm và nghiên cứu, học hỏi ở các kênh thông tin để chăm sóc, bón phân cho cây quýt hợp lý hơn. Càng ngày, vườn quýt của anh càng sai quả, chất lượng không thua kém gì quýt Thái Lan trên thị trường. Anh lại tiếp tục mua thêm cây giống về trồng. Hiện với 1.400 gốc quýt, mỗi năm cho gần 15 tấn quả, anh thu về được trên 130 triệu đồng. Anh còn ươm cây giống để cung cấp cho các hộ nông dân trong và ngoài tỉnh, số tiền thu được mỗi năm cũng trên 20 triệu đồng.

Số tiền thu được từ cây quýt, anh tiếp tục thực hiện ý tưởng phát triển trang trại của mình bằng cách trồng rừng. Anh trồng keo lai và xen trong đó là các loại cây sao đen và lim xanh. Đến nay anh đã trồng được 24 ha cây lâm nghiệp và thu hoạch được gần 10 ha keo lai. Những cây lim

xanh và sao đen của anh cũng có độ tuổi 4 - 6 năm, hứa hẹn những mùa bội thu.

Cũng chính từ cây quýt, năm 2009 anh đã được một chủ trang trại nuôi lợn rừng lai quy mô lớn trong tỉnh trao đổi cây, con giống và phương thức làm ăn. Anh đã nhận về 9 con lợn nái và 1 con lợn đực trị giá gần 70 triệu đồng rồi đầu tư chuồng trại dọc bên bờ suối để chăn nuôi. Nhờ sự hướng dẫn tận tình của đối tác, đến nay đàn lợn của gia đình anh đã có trên 100 con. Mới đây, trong lần xuất chuồng lứa đầu tiên gồm 18 con lợn thịt và lợn giống đã mang về cho gia đình anh 80 triệu đồng.

Ngoài ra, tận dụng những hố xung quanh bờ suối, anh đào ba ao nuôi cá vừa để cải thiện đời sống, vừa để dự trữ nước tưới cho quýt trong mùa khô. Xung quanh các vườn trồng quýt, anh còn trồng 2.000 gốc mây nếp vừa để làm bờ rào bảo vệ vườn và tương lai có thể khai thác mây xuất khẩu.

Thành tích đáng nể của gia đình anh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tặng Bằng khen trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi giai đoạn 2005-2008 và mới đây là Bằng khen giai đoạn 2000-2010. Anh vinh dự được Hội Nông dân tỉnh cử làm thành viên trong Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ sản xuất kinh doanh giỏi của tỉnh.

“ĐỊA CHỈ ĐỎ” CHO NHỮNG GIẤC MƠ LÀM GIÀU*

Ngôi trong ngôi nhà ba tầng khang trang với đầy đủ những tiện nghi sinh hoạt đất tiền, anh Ngô Đình Chiến (thôn Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên) bật mí với chúng tôi: toàn bộ tài sản trên là từ đàn vịt hơn 8.000 con mà có đấy. Trong câu chuyện cởi mở giữa chủ và khách, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về kinh nghiệm làm giàu của anh.

Vào những năm 90 thế kỷ XX, dù ở nông thôn nhưng vợ chồng anh Chiến chẳng có một tấc đất cắm dùi. Làm thuê, làm mướn hết trong Nam ngoài Bắc nhưng cũng chẳng đủ ăn, cuộc sống gia đình thiếu thốn trăm bề... Anh nghĩ, để thoát nghèo và tiến tới làm giàu, trước hết bản thân phải nỗ lực hết sức mình, xác định được một hướng đi đúng đắn và khai thác được những lợi thế từ tiềm năng sẵn có. Do vậy, năm 2000 anh quyết định thuê khu đất trống bỏ hoang quanh năm ngập nước của thôn để xây dựng trang trại nuôi vịt, thả cá. Hàng trăm mét khối đất được đắp lên, đồng nghĩa với những giọt mồ hôi của hai vợ chồng thi nhau nhỏ xuống. Ban đầu, anh

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 121 và báo hungyen.org.vn.

nuôi 1.000 con vịt sinh sản chuyên cung cấp vịt giống cho nhân dân trong vùng. Khi có vốn trong tay, anh quyết định đầu thầu thêm ruộng của người dân trong thôn để mở rộng diện tích chăn nuôi, đến nay tổng diện tích trang trại của gia đình lên đến 18.000 m². Khu đất trũng ngày nào được vợ chồng anh be bờ, đào ao, nay đã thành chuồng trại và những vườn cây trái xum xuê...

Hiện nay, trong chuồng, đàn vịt sinh sản của gia đình luôn dao động từ 3.000 đến 4.000 con, có thời điểm lên đến 8.000 con. Thu nhập từ sản xuất vịt giống của gia đình hàng năm lãi từ 300 đến 400 triệu đồng. Để tận dụng thức ăn là những quả trứng ấp kém chất lượng, những con vịt con chất lượng thấp, dị tật... anh nuôi một đàn cá sấu sinh sản gồm 8 con. Đến nay số cá sấu này đã cho những lứa con đầu tiên, anh vừa xuất bán, thu được gần 100 triệu đồng. Anh cho rằng, những con vịt phẩm cấp thấp hay những quả trứng ấp bị hỏng thường bỏ đi rất nhiều, gây ô nhiễm môi trường lại thiệt hại về kinh tế. Giờ đây những thứ đó lại trở thành nguồn thức ăn quan trọng của cá sấu, vừa giúp nâng cao hiệu quả kinh tế lại không gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển kinh tế phải gắn với nhu cầu thị trường, đặc biệt là đầu ra cho sản phẩm. Năm bắt được thị hiếu của người dân, năm 2005-2006 anh quyết định nuôi một số giống cá cảnh mà nhu cầu thị trường hiện rất cần như cá Rồng,

Hoàng Long, Thanh Long, cá chép Nhật... Đặc biệt, những ao nuôi cá rô phi đơn tính vừa mang lại hiệu quả kinh tế, vừa cải tạo môi trường nước vì phân từ vịt thải ra làm thức ăn cho cá. Từ các đối tượng này cũng cho anh thêm nguồn thu lên tới hơn trăm triệu đồng mỗi năm. Anh luôn tìm tòi học hỏi những cái mới, những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt là công tác phòng trừ dịch bệnh cho các đối tượng nuôi luôn được anh đặt lên hàng đầu. Công tác vệ sinh chuồng trại của gia đình luôn được duy trì thường xuyên. Có thể thấy được qua những đợt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm vừa qua như dịch cúm gia cầm H5N1, nhưng đàn vịt hơn 4.000 con của gia đình anh do được phòng trừ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật nên vẫn khỏe mạnh và tiếp tục sinh sản.

Việc phát triển kinh tế trang trại không chỉ đem lại thu nhập cho gia đình mà còn tạo việc làm cho người dân địa phương. Vào mùa vịt giống (từ tháng 3 đến tháng 8) gia đình anh luôn có từ 8 đến 10 lao động, thu nhập trung bình hằng tháng từ 1,5 đến 2,5 triệu đồng/người. Ngoài những diện tích đất cho chăn nuôi, anh còn trồng 300 đến 500 cây nhãn chín muộn, vừa giúp cải tạo cảnh quan môi trường mát mẻ, trong lành; đồng thời tăng thu nhập đáng kể. Khác hẳn với những trang trại chăn nuôi khác, điều đặc biệt ở đây là, dù nuôi đến hàng nghìn con vịt, song

không thấy bất cứ mùi ô nhiễm nào từ vệt thải ra. Anh nói, có được môi trường như vậy là do gia đình áp dụng cách xử lý chất thải bằng công nghệ khí sinh học (biogas). Bên cạnh đó, sử dụng công nghệ khí sinh học còn mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Nhờ chạy máy phát điện bằng khí sinh học, mỗi tháng gia đình anh tiết kiệm được trên 10 triệu đồng chi phí tiền điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Tiếng lành đồn xa, từ những năm gần đây gia đình anh luôn là “địa chỉ đỏ” của những hộ nông dân ở các địa phương như Hà Nội, Phú Thọ, Hà Nam... đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Cũng từ mô hình phát triển kinh tế trang trại này, 5 năm liên tục (2005-2010) anh vinh dự được cử đi dự Hội nghị báo cáo điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế trang trại của địa phương và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen.

ANH NÔNG DÂN THỦ ĐÔ TIÊU BIỂU*

Anh Vũ Hồng Sơn, xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên đã trở thành người đi đầu trong phong trào làm kinh tế trang trại ở xã. Hiện thu nhập từ mô hình trang trại và lĩnh vực xây dựng của anh mỗi năm lên đến

* Nguồn: www.hanoi.gov.vn.

300 triệu đồng. Thành tích này đã được Hội Nông dân thành phố Hà Nội bầu anh là một trong 10 gương mặt nông dân tiêu biểu của phong trào sản xuất kinh doanh giỏi trong 5 năm (2005-2010).

Sau 13 năm tham gia quân ngũ và làm công nhân, trở về địa phương, anh Sơn thấy rõ cái khó, cái nghèo của làng quê và luôn trăn trở rất nhiều. Đầu năm 1993, xã Tri Trung chủ trương cho đấu thầu khu bờ Nùng với diện tích 3 ha. Anh đã trúng thầu khu đất này. Gọi là trúng thầu cho oai chứ khu đất này vừa là ruộng, vừa là mương trũng, vừa là gò đồng, rất khó khăn cho sản xuất nên có mời cũng không ai dám mạo hiểm nhận thầu.

Thầu được ruộng rồi, nhưng bài toán đặt ra đối với anh lúc đó là trồng cây gì, nuôi con gì, quy hoạch thế nào, vốn liếng ở đâu... Vốn là người siêng năng lao động, anh quyết tâm vay mượn anh em, bạn bè gần 100 triệu đồng để đắp bờ, mua cây giống, cá giống về làm như các mô hình anh đã được tham quan. Năm đầu, nơi trũng cấy lúa một vụ và thả cá; gò đồng chưa biết làm gì nên thu nhập rất thấp. Anh đã đề nghị Hợp tác xã và Ủy ban nhân dân xã cho khai thác đất gò đồng làm vật liệu xây dựng. Được chính quyền địa phương đồng ý, anh vừa lấy đất đóng gạch, vừa gom góp vốn liếng để mở rộng sản xuất. Anh kể lại: “Do chưa có kinh nghiệm nên những năm

đầu, tôi đã gặp nhiều rủi ro, thua thiệt, tưởng chừng không đứng dậy được. Nhưng nghị lực và ý chí làm giàu chính đáng đã thôi thúc tôi không nản. Nghe tin ở đâu có mô hình trang trại làm ăn có hiệu quả là tôi đến tận nơi đó học tập, từ Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Nam Hà...”. Đến năm 1998, mô hình trang trại của anh đã dần hoàn thiện với 2 ha nuôi thả cá; 0,5 ha nuôi cá giống; diện tích còn lại anh xây dựng khu chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Sau khi đã quy hoạch ổn định, anh có điều kiện thâm canh, mở rộng sản xuất. Từ năm 2006 đến nay, bình quân mỗi năm anh cho xuất chuồng 27 tấn lợn thịt (300 con); thu bán 60 - 65 vạn quả trứng gà, vịt; 16 - 17 tấn cá và nhiều sản phẩm từ ruộng canh tác, cây ăn quả. Sau khi trừ chi phí, thu nhập từ sản xuất trang trại đã đem về cho gia đình anh 160 triệu đồng/năm. Ngoài ra, trang trại cũng thu hút khoảng 20 lao động với thu nhập từ 1,5 đến 2 triệu đồng/người/tháng.

Không chỉ làm kinh tế trang trại, anh còn tham gia phát triển nghề mộc truyền thống, tham gia lĩnh vực đầu tư xây dựng, ký hợp đồng trùng tu, tôn tạo đình chùa ở Hà Nội và nhiều nơi như Nam Định, Hưng Yên... Trung bình mỗi năm, thu nhập từ lĩnh vực này cũng mang về cho anh 140 triệu đồng và tạo việc làm thường xuyên cho 30 lao động địa phương với mức lương từ 2,5 đến 3 triệu đồng/tháng.

Anh đã phổ biến kiến thức, kỹ thuật cho hơn 50 người ở địa phương đến học hỏi kinh nghiệm. Từ mô hình trang trại của anh Sơn, đến nay toàn xã Tri Trung đã có 34 hộ có trang trại với tổng diện tích 45 ha trên các cánh đồng. Những năm gần đây, các trang trại cho thu nhập bình quân từ 55 đến 70 triệu đồng/ha/năm.

LÀM GIÀU TRÊN VÙNG CÁT TRẮNG*

Nhờ kết hợp hài hòa, mô hình kinh tế trang trại tổng hợp trên vùng cát tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình của anh Võ Đại Nghĩa đạt doanh thu hằng năm hơn 30 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân 3 - 4 tỷ đồng.

Khu trang trại của anh với diện tích 34,5 ha, trong đó có 30 hồ nuôi tôm; trại lợn có 150 con lợn nái, gần 1.000 con lợn thịt; trại gà có hơn 6.000 con gà đẻ Ai Cập, 10.000 con gà giống và hơn 10 ha rừng xanh ngắt. Đây là trang trại tổng hợp vào loại lớn nhất tỉnh Quảng Bình, là một địa chỉ tham quan quen thuộc của nông dân trong và ngoài tỉnh. Có được kết quả này là cả một quá trình cố gắng, nỗ lực không ngừng của vợ chồng anh Nghĩa.

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 103 và cand.com.vn.

Anh nhớ lại, vào một ngày đẹp trời đầu năm 2002, anh bắt đầu động thổ, dựng lều, xây dựng trang trại trên động cát bay. Miệng cười tươi rói, nhưng bụng anh lo ngay ngáy. Hàng năm trời ngập hụp trong cát, đôi vai anh sưng tấy, mặt bao lần ngã dụi xuống cát. Mỗi lần như thế anh như muốn kiệt sức phải bỏ cuộc. Nhưng anh nghĩ, bỏ ngang thế này thì vợ con bầu vú vào đâu, cát cũng là đất, mà đất đâu phụ người... Ở vùng cát, khốn khổ nhất là nạn cát bay, cát nhảy. Việc làm đầu tiên của anh là trồng keo lai chắn cát. Khi keo lai đã bén rễ, anh thực hiện các kế hoạch tiếp theo, nào là trồng rau sạch, nuôi gà, lợn nái, lợn thịt, bò sinh sản... Năm đầu lỗ vốn, năm tiếp theo hoà, đến năm thứ ba, anh bắt đầu thu được số lãi gần 150 triệu đồng.

Năm 2005, sau khi đi nhiều nơi, tham quan nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả, anh bắt đầu đầu tư phát triển kinh tế tổng hợp theo hướng ứng dụng công nghệ sinh học vào nuôi trồng thủy sản, phát triển chăn nuôi, trồng rừng trên cát, tạo nên một trang trại sinh thái bền vững. Nhờ vậy, trang trại của anh cho hiệu quả rất cao. Thành công lớn nhất của anh là trong lĩnh vực thủy sản. Hiện tại, sản phẩm tôm nuôi chính của anh là tôm thẻ chân trắng, diện tích 15 ha với 30 hồ nuôi, đạt sản lượng từ 330 - 350 tấn mỗi năm. Anh thực hiện phương thức nuôi luân canh nhằm cung cấp đủ cho thị trường tất cả các mùa

trong năm, đặc biệt là vào vụ đông. Bên cạnh đó, anh đã phối hợp cùng Trường Đại học Nha Trang, tiến hành tiếp nhận và thực thi đề án “Sinh sản giống nhân tạo cá Đối Mực” với diện tích 5 ha, có 9 ao ương nuôi giống cá này. Đây là một loài cá có giá trị kinh tế cao, dễ nuôi. Dự án cho đến thời điểm cuối năm 2009 đã thành công hơn mong đợi, mở ra một hướng đi mới cho các hộ dân chuyên nuôi trồng thủy sản trong cả nước.

Trang trại tổng hợp của anh sản xuất khép kín, tận dụng hết diện tích đất và các sản phẩm dư thừa như: sử dụng nguồn phân gia súc để sản xuất khí sinh học, tạo nguồn năng lượng mới phục vụ sản xuất và đời sống; trồng các loại rau, củ, quả để chăn nuôi lợn,... Nhờ biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, lựa chọn đối tượng nuôi phù hợp nên trang trại đã mở rộng dần và phát triển thuận lợi, vừa thu được hiệu quả kinh tế cao, vừa có tác động tích cực đến môi trường. Từ một vùng đất cát hoang sơ, trang trại đã biến thành vùng sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng nội địa và tiến tới xuất khẩu. Bình quân thu được từ 100 đến 150 triệu đồng trên mỗi ha một năm. Trang trại tạo việc làm ổn định cho gần 100 lao động, thu nhập bình quân 2,5 - 3 triệu đồng/người/tháng.

Dựa vào tiềm năng sẵn có cùng thế mạnh về nguồn nhân lực, vật chất,... anh Nghĩa dự tính đến năm 2015 sẽ thiết lập, phát triển thành khu du lịch sinh thái ven biển. Đây là hình thức du

lịch mang tính quảng bá các sản phẩm rừng và biển mang hương vị đặc trưng của Quảng Bình quê anh.

NỮ CHỦ TRANG TRẠI NĂNG ĐỘNG*

Với quy mô 10.000 con gà đẻ, 3.000 con gà thịt mỗi lứa, ngoài ra còn 12 heo nái và 50 heo thịt, thả cá trên diện tích hồ 12.000 m², mỗi năm trang trại cho thu nhập lãi ròng từ 400 - 500 triệu đồng. Thật bất ngờ khi chủ trang trại lại là một phụ nữ - chị Trần Thị Tỵ ở thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sinh ra và lớn lên trên vùng đất thuần nông, quanh năm chỉ trông cây lúa, do hoàn cảnh gia đình, chị Tỵ chỉ học đến lớp 10 rồi phải ở nhà phụ giúp cha mẹ làm ruộng. Chính khó khăn đó đã giúp chị thấu hiểu nỗi khó nhọc của người nông dân. Nông dân trồng lúa để đủ ăn, nuôi sống gia đình đã khó, nói gì đến chuyện làm giàu. Vì vậy, sau khi lấy chồng, chị quyết định không theo nghề của cha mẹ và đã đi học nghề thú y, sau đó lập nghiệp bằng nghề chăn nuôi. Năm 1995, chị bắt đầu nuôi gà quy mô nhỏ dưới 1.000 con. Vừa làm vừa học, chị đã đi tham quan, học hỏi

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 112.

các trang trại lớn ở miền Nam. Thành công bước đầu, đến năm 2001, chị thuê đất của huyện Hương Trà để xây dựng trang trại với quy mô 3.000 con gà đẻ trứng và 4.000 con gà thịt. Sản xuất đang thuận lợi, nhưng may mắn không đến với chị. Năm 2003, trang trại của chị nằm trong vùng bị dịch cúm gia cầm buộc phải tiêu hủy, chị bị thiệt hại khoảng 200 triệu đồng. Thời điểm đó, mất một số tiền như vậy là quá lớn đối với chị, nhưng khó khăn cũng không làm chị nản lòng.

Năm 2004, Nhà nước cho nuôi lại gia cầm, chị đã được Hội Nông dân huyện tín chấp cho vay 100 triệu đồng. Chị mạnh dạn mua 2.000 con gà đẻ và 1.000 con gà thịt về để tái sản xuất. Cuối năm 2004, khi tỉnh có chủ trương không được nuôi gia cầm trong nội thành, nội thị, chị buộc phải di dời trang trại về vùng Rú Cát, huyện Quảng Điền, cách nhà 20 km. Tuy gặp nhiều khó khăn và thiệt hại dồn dập, nhưng gia đình chị không nản chí, vẫn tiếp tục xây dựng và mở rộng trang trại với quy mô ngày càng lớn hơn. Năm 2005-2006, trang trại của gia đình chị lúc này đã ổn định sản xuất với quy mô 3.000 con gà đẻ và nuôi 3.000 - 4.000 con gà thịt mỗi lứa, thường xuyên có 3 công nhân làm việc với mức lương từ 1,2 - 1,5 triệu đồng/người/tháng. Được Chi cục thú y tỉnh và Trạm thú y huyện Quảng Điền quan tâm giúp đỡ việc phòng chống dịch bệnh, cùng với việc chị đã áp dụng triệt để các quy trình chăn nuôi nên mặc dù

ở những thời điểm rất nhạy cảm với dịch bệnh nhưng trang trại của chị vẫn hoạt động rất tốt. Cũng trong thời gian này, thị trường rất thiếu sản phẩm gia cầm, trong khi đó trang trại được sự kiểm soát chặt chẽ của ngành thú y, nên các sản phẩm được nhiều người tiêu dùng tin cậy, đặc biệt các khách sạn và siêu thị của thành phố Huế đã có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ổn định. Trên đà thắng lợi, năm 2007-2008, trang trại của chị đã mở rộng quy mô sản xuất với 6.000 con gà đẻ và 2.000 - 3.000 con gà thịt mỗi lứa. Chị nuôi thêm 12 heo nái và 50 heo thịt, thả cá trên diện tích hồ 8.000 m² để góp phần tăng thu nhập của trang trại. Đặc biệt, năm 2007, trang trại của chị đã làm mô hình chăn nuôi gà “an toàn sinh học” do Chi cục thú y tỉnh thực hiện, sau khi triển khai thành công mô hình, chị đã áp dụng cho đến nay và nó đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Năm 2009-2010, sau khi đã tích lũy vốn, chị xây dựng thêm trang trại đưa đàn gà đẻ lên quy mô 10.000 con và thường xuyên duy trì đàn gà thịt 3.000 con mỗi lứa; mở rộng diện tích nuôi cá lên 12.000 m². Mỗi năm, trang trại của chị cho thu nhập lãi ròng từ 400 - 500 triệu đồng. Trang trại thường xuyên có 6 công nhân với mức lương từ 1,5 đến 2 triệu đồng/người/tháng. Do trang trại xa nhà và thành phố, việc đi lại, giao hàng hóa gặp nhiều khó khăn, nhất là mùa mưa, hơn nữa chồng chị là cán bộ nhà nước, chỉ giúp chị những

ngày nghỉ nên chị đã quyết tâm đi học lái xe ô tô và mua xe bán tải, trực tiếp lái xe đi giao dịch với khách hàng, từ đó rất thuận lợi cho công việc.

Trong hơn chục năm làm nghề chăn nuôi gà, chị đã truyền đạt và chia sẻ kinh nghiệm cho nhiều bà con nông dân của hai huyện Hương Trà và Quảng Điền đến học hỏi kinh nghiệm. Một số nông dân gặp khó khăn, chị đã tạo điều kiện bằng cách bán nợ con giống và bao tiêu sản phẩm cho họ. Đã có 10 gia trại, trang trại nhỏ thành công với mô hình nuôi gà, một số trang trại trở thành vệ tinh với trang trại của chị.

Bên cạnh bận bịu công việc của trang trại, chị luôn luôn ý thức trách nhiệm đảm đương công việc của gia đình và cùng chồng nuôi dạy con cái. Hiện nay hai con của chị đã vào đại học, các cháu đều ngoan ngoãn và chăm chỉ học tập. Chị luôn luôn chấp hành tốt những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gương mẫu tham gia ủng hộ các quỹ xã hội, thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Năm 2008, chị được bầu vào Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII nhiệm kỳ 2008-2013. Với trách nhiệm mới, chị càng phấn đấu hơn để giữ vững danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp Trung ương Hội; đồng thời, hết sức quan tâm giúp đỡ các gia đình khó khăn có cùng chí hướng chăn nuôi gà để giúp họ vươn lên làm giàu chính đáng.

CỰU CHIẾN BINH LÀM KINH TẾ GIỎI*

Sau nhiều năm lao động sản xuất, ông Quế Phi Hùng, thương binh 1/4 ở xóm Đào Nguyên, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ tỉnh Nghệ An đã tạo dựng cho gia đình một trang trại quy mô với 2.000 cây ăn quả, trên 200 con lợn rừng, cùng ao nuôi cá, ba ba. Chỉ tính riêng nguồn thu từ việc bán lợn giống, hằng năm gia đình ông đã thu về trên 1 tỷ đồng.

Trở về từ chiến trường với thương tật đầy mình, sức khoẻ yếu do vết thương chiến tranh thường xuyên tái phát, nhưng ông Hùng vẫn hăng say lao động sản xuất. Năm 1999, với quyết tâm thoát nghèo, làm giàu trên mảnh đất quê hương, ông đã đầu tư mua 5 ha đất để làm kinh tế. Nhìn mảnh đất gồ ghề, cằn cỗi ấy, ai cũng lắc đầu bảo vợ chồng ông “hâm”, chẳng thể trồng cây gì cho hiệu quả được. Được sự ủng hộ của vợ, ông đã thuê máy ủi, máy xúc về làm việc hàng tháng trời với không biết bao nhiêu mồ hôi, công sức của vợ chồng ông bỏ xuống. Ông đã tính toán chia đất thành từng khu phù hợp để trồng cây gì và nuôi con gì. Để có được vườn cây thẳng hàng thẳng lối, ông phải vẽ sơ đồ trang trại trước, sau đó mới bắt tay vào trồng cây. Ông đã biến vùng đất cằn cỗi ngày nào ở xóm Đào Nguyên

* Nguồn: congannghean.vn.

trở thành một mô hình kinh tế VAC tổng hợp với hàng trăm cây ăn quả các loại và cải tạo hơn 2.000 m² mặt nước để nuôi cá. Với 500 gốc vải thiều, mỗi mùa vợ chồng ông thu về hơn 400 triệu đồng tiền lãi; chưa kể 300 gốc xoài, 400 gốc chanh, ổi... đang chuẩn bị thu hoạch. Mỗi năm, thu nhập từ cây ăn quả, gia đình ông cũng thu về trên 500 triệu đồng.

Năm 2008, sau khi đi tham quan thực tế tại một số mô hình chăn nuôi lợn rừng ở các tỉnh phía Bắc, nhận thấy lợn rừng là loài động vật dễ nuôi, sức đề kháng tốt, dễ thích nghi với điều kiện thực tế ở địa phương nên ông đã mua một cặp lợn giống về nuôi thử nghiệm. Để chăm sóc và thuần dưỡng loài vật này, ông đã phải đi nhiều nơi, học hỏi kinh nghiệm, tìm hiểu các kiến thức khoa học kỹ thuật về cách chăm sóc và thuần dưỡng lợn rừng. Tận dụng diện tích vườn cây ăn quả, ông đã đầu tư hơn 20 triệu đồng để xây bờ tường bao bọc xung quanh, vừa tạo môi trường gần giống với môi trường tự nhiên; đồng thời, không để đàn lợn ra ngoài phá hoại hoa màu của người dân trong vùng. Nhờ áp dụng đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi mà từ cặp lợn giống ban đầu, đến nay ông đã mở rộng quy mô lên 15 con nái sinh sản. Bình quân mỗi năm ông cho xuất chuồng khoảng 400 con lợn giống. Với giá thị trường 2,5 - 3 triệu đồng/con, hằng

năm gia đình ông thu về trên 1 tỷ đồng từ tiền bán lợn giống.

Không chỉ tạo thu nhập riêng cho gia đình, mô hình trang trại của vợ chồng ông Hùng còn tạo việc làm thường xuyên cho 5 lao động với mức thu nhập ổn định. Ông nhiệt tình hướng dẫn kinh nghiệm sản xuất của gia đình cho những bà con trong vùng muốn thay đổi phương thức sản xuất cũ. Giờ đây, trang trại của gia đình ông Hùng đang trở thành mô hình điểm giúp nông dân trong và ngoài tỉnh tìm đến tham quan, học tập.

NGƯỜI NÔNG DÂN DÂN TỘC KĐONG LÀM KINH TẾ GIỎI*

Ông tên là Thao Thượng Ác, người dân tộc thiểu số KĐong, làng IÊk, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Từ những khát khao xóa nghèo, mong muốn làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương mình, ông luôn trăn trở tại sao trên đài, báo, tivi nhiều người đã tự làm giàu trên đất, trên ruộng mà mình thì không làm được. Xuất phát từ những ý nghĩ đó, ông đã mạnh dạn bắt tay vào thực hiện ước mơ của mình. Và chỉ trong khoảng

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 169.

thời gian 5 năm, từ năm 2007 đến nay gia đình ông đã thực sự thoát nghèo vươn lên làm giàu với mức thu nhập mỗi năm hàng trăm triệu đồng và ngày càng tăng.

Từ những lần tham dự các lớp tập huấn về cây trồng, vật nuôi do Phòng Nông nghiệp huyện Ngọc Hồi tổ chức, rồi được Hội Nông dân huyện tổ chức đi tham quan học tập kinh nghiệm một số mô hình làm kinh tế giỏi, ông Thao Thượng Ác nhận ra rằng, muốn làm giàu thì phải thay đổi tập quán canh tác và quyết tâm dồn hết sức lao động vào sản xuất. Từ đó, ông định ra hướng đi phù hợp với phương thức canh tác của gia đình và bắt tay vào làm nông nghiệp một cách khoa học.

Tính thì tính vậy, nhưng lúc đó do chưa có vốn liếng nên quanh đi quẩn lại ông cũng chỉ biết trồng cây ngô, cây sắn. Với phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, đầu tiên, ông thay thế giống sắn của địa phương bằng giống sắn cao sản, đồng thời vẫn tiếp tục duy trì diện tích lúa rẫy và lúa nước. Có vốn đến đâu, ông thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến đó. Năm 2007, ông tiến hành trồng 2 ha cà phê và 6 ha cao su tiểu điền xen canh với cây sắn. Từ nguồn thu của cây sắn xen canh, ông tiếp tục đầu tư cho vườn cao su và một phần để tích lũy. Ngoài trồng trọt, gia đình ông còn mạnh dạn mua một số bò cái vàng địa phương có vóc dáng to đẹp để phát triển chăn nuôi, đào 2 sào ao nuôi cá, vừa tăng thêm thu

nhập, vừa tận dụng nguồn phân chuồng để chăm bón cho vườn cây. Năm 2009, ông mua thêm 3 ha đất và tiếp tục đầu tư trồng cao su. Hiện nay, gia đình ông có hơn 12 ha đất canh tác, trong đó diện tích cao su chiếm ưu thế. Các loại cây công nghiệp của ông đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản, nên thu nhập bình quân của gia đình ông mới chỉ đạt gần 100 triệu đồng/năm. Trong vài năm tới, khi vườn cây bắt đầu cho thu hoạch, dự tính thu nhập của gia đình ông lên đến vài trăm triệu đồng.

Vừa qua, ông đã xây được ngôi nhà mới khang trang với diện tích 130 m², mua sắm đầy đủ các tiện nghi phục vụ sinh hoạt gia đình; các loại dụng cụ sản xuất. Từ khi kinh tế gia đình vững vàng, ông đã tập trung lo cho các con ăn học đàng hoàng. Ông có 5 người con thì 3 người con lớn đã học đại học và đi làm. Không chỉ làm giàu cho bản thân, ông luôn tuyên truyền, vận động bà con không sống du canh du cư mà thay vào đó là sản xuất thâm canh, xen canh... Ông còn giúp đỡ các hộ nghèo trong làng vay vốn không tính lãi. Gia đình ông đã giải quyết việc làm thường xuyên cho 5 lao động và 20 lao động thời vụ khi đến mùa thu hoạch. Ông sẵn lòng chia sẻ những kinh nghiệm, kiến thức tích lũy được với bà con trong làng, động viên mọi người bớt uống rượu, chăm chỉ làm ăn, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo.

Cùng với sự nỗ lực và phấn đấu của gia đình trong xây dựng và phát triển kinh tế, ông luôn gương mẫu thực hiện tốt các quy định của địa phương, đấu tranh chống lại cái xấu, vận động bà con không được làm những việc mà Đảng và Nhà nước cấm, thực hiện nếp sống mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội. Trong 5 năm qua, ông đã có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và được Đoàn Biên phòng huyện khen tặng; ông còn được nhận nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp, các ngành trong huyện. Vừa qua, ông là một trong những nông dân tiêu biểu được báo cáo thành tích tại Hội nghị Nông dân điển hình tiên tiến tỉnh Kon Tum lần thứ I và được vinh dự ra Hà Nội dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức năm 2010.

NGƯỜI HỘI VIÊN NÔNG DÂN KIÊN TRÌ VƯỢT KHÓ*

Ông là Nguyễn Văn Sơn, 55 tuổi, ở thôn Tả Giang 2, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Nhận thấy việc phát triển kinh tế

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 47.*

nông thôn ở vùng quê nghèo Tây Sơn rất phù hợp với mô hình kinh tế trang trại, gia đình ông đã không quản ngại để bắt tay vào công việc ngay từ việc khai khẩn đất hoang hóa tại địa phương, để rồi bàn tay con người “phù phép” những diện tích hoang hóa đó thành một trang trại tổng hợp có quy mô.

Khởi đầu từ năm 1996, ông Sơn và gia đình tự khai hoang với diện tích 2 ha chủ yếu để trồng mía, trồng mì, kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm. Thời đó, gia đình rất khó khăn, phương tiện xe cộ không có, cày đất bằng bò, lao động thủ công là chính. Tuy nhiên với quyết tâm và lòng kiên trì bám đất, bám rừng, lấy ngắn nuôi dài, trang trại đã được hình thành, từng bước ổn định với một vài cơ sở vật chất cơ bản phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Từ khi trang trại được cấp giấy chứng nhận, được tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ như vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ tín dụng, Dự án giải quyết việc làm ở địa phương, mỗi đợt vay như vậy từ 5 triệu đến 20 triệu đồng, rồi mượn thêm của anh em, bà con 5 - 7 triệu đồng. Mặc dù các khoản tiền không lớn nhưng tạo cho gia đình một nguồn vốn để đầu tư dần dần vào trang trại, mở rộng diện tích lên cả thảy được 13 ha. Đặc biệt gần đây ông vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội được 200 triệu đồng, với số tiền lớn đó, ông có điều kiện thâm canh nâng cao năng suất

cây trồng, vật nuôi. Với lợi thế địa hình đất đai đa dạng, ông bố trí trồng 9 ha rừng cây bạch đàn, 2 ha cây điều, 2 ha cây xoài. Khi cây ăn quả còn nhỏ ông trồng xen các loại rau đậu, cây ngắn ngày. Ngoài ra, ông còn nuôi 10 con bò lai; nuôi lợn một năm 3 lứa, mỗi lứa 10 con và nuôi vài trăm gia cầm; đồng thời sản xuất 2 vụ lúa mỗi năm. Các sản phẩm làm ra được tiêu thụ trong và ngoài địa phương. Sau khi trừ chi phí, mỗi năm trang trại cho gia đình có thu nhập bình quân gần 100 triệu đồng. Dự định cho những năm tới, ông sẽ đầu tư đào ao hồ để nuôi cá, các loại thủy sản để đa dạng hóa sản phẩm của trang trại, nâng cấp chuồng trại nuôi lợn, nuôi bò, xây dựng hệ thống công nghệ khí sinh học để phát huy hiệu quả của trang trại. Đến thăm trang trại của gia đình ông Sơn, ông Võ Đình Bảy - Chi hội trưởng Chi hội nông dân thôn Tả Giang nhận xét: ông Sơn là một hội viên tham gia sinh hoạt ở Chi hội nông dân thôn, nhiều năm liền là hộ sản xuất giỏi có nhiều đóng góp xây dựng Hội. Ngày trước gia đình ông Sơn thuộc diện khó khăn, nhờ kiên trì làm trang trại, biết khai thác tiềm năng đất đai, áp dụng khoa học kỹ thuật và quản lý trong hạch toán kinh tế phù hợp với thị trường nên đã có những kết quả thật đáng mừng. Chi hội đã giới thiệu nhiều hộ nông dân đến tham quan học tập nhằm nhân rộng mô hình làm kinh tế trang trại ở địa phương.

Là một điển hình về nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, gia đình ông luôn được vinh dự đón nhận những lời động viên của mọi người, những phần thưởng vinh danh của chính quyền địa phương và các cấp hội.

NGƯỜI NÔNG DÂN SẢN XUẤT KINH DOANH GIỎI GIÀU LÒNG NHÂN ÁI*

Đến xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, không ai không biết đến ông Ngử (Phạm Văn Ngử), trú tại ấp Bạch Lâm. Mọi người biết đến ông không chỉ vì ông nổi tiếng là một người nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, biết làm giàu từ hai bàn tay trắng, mà người ta biết đến ông là một người giàu lòng nhân ái, luôn luôn mong ước được nhường cơm sẻ áo với những người nghèo khổ, những mảnh đời bất hạnh, éo le.

Là một người nông dân gốc tỉnh Nam Định, ông Ngử đã chọn Đồng Nai là quê hương thứ hai của mình để vươn lên làm giàu. Được sự hỗ trợ nhiều mặt của cấp ủy, chính quyền địa phương, Hội Nông dân cơ sở, sự hỗ trợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cộng với

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 173, dongnai.gov.vn và agroviet.gov.vn.

sự động viên, khuyến khích của gia đình, người thân và quyết tâm làm giàu chấy bỏng, năm 2005, ông đã bắt tay thực hiện kế hoạch, ước mơ của mình.

Ban đầu, vốn ít, ông đầu tư vào việc đào ao thả cá, kết hợp với chăn nuôi theo mô hình VAC, lấy ngắn nuôi dài, tái đầu tư nguồn vốn, mở rộng quy mô. Nhận thấy con cá sấu đem lại hiệu quả cao, dễ nuôi, dễ tiêu thụ, ông đã mạnh dạn đầu tư chuồng trại để phát triển loại cá này. Kết hợp với Trường Đại học Nông - Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển giao công nghệ ấp trứng bằng máy, cung cấp giống cho trang trại của ông, đến nay số lượng cá sấu ông đang nuôi lên đến 7.000 con. Với chu kỳ chăn nuôi cá sấu 2 năm, để tránh tồn đọng vốn, ổn định nguồn thu, lấy ngắn nuôi dài, ông Ngữ đã khôn khéo chia làm ba đợt xuất bán trong năm.

Không để cho nguồn vốn tồn đọng, ông tái đầu tư vào xây dựng chuồng trại nuôi lợn nái, lợn con, lợn thịt. Áp dụng phương pháp chăn nuôi công nghiệp, phòng trừ dịch bệnh, tách làm nhiều khu chuồng trại riêng biệt, chủ động kết hợp với cán bộ thú y phòng ngừa dịch bệnh. Nay, trang trại của ông có 300 con lợn nái và 2.000 con lợn thịt.

Tận dụng, khai thác triệt để những gì mình có. Trên tổng diện tích 130 ha, ông trồng rừng sao, dầu, xà cừ... Dưới bóng mát của tán cây, ông

thả nhiều lợn rừng, gà đồi, gà sao... kết hợp duy trì đàn bò ăn cỏ tự nhiên để không cần phải trừ diệt cỏ. Nhờ biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, kết hợp với việc theo sát nhu cầu, biến động thị trường nông sản, ông đã liên tiếp gạt hái thành công này đến thành công khác. Trang trại ngày càng phát triển, quy mô ngày càng mở rộng.

Với phương châm hạn chế chi phí đầu vào, tận dụng tất cả những gì mình có, nhất là nguồn lao động sẵn có tại địa phương, nhận thấy việc cần thiết phải có máy móc phục vụ cho công việc, ông mạnh dạn đầu tư xưởng cơ khí sửa chữa máy nông nghiệp, thu nhận một số người không có việc làm vào học nghề, mượn những thợ giỏi về để dạy nghề và đào tạo việc sử dụng, sửa chữa máy móc. Từ số lượng ban đầu chỉ có 5 công nhân, đến nay xưởng cơ khí của gia đình ông đã có 30 công nhân lành nghề, thu nhập bình quân 3,5 triệu đồng/tháng. Nhiều người sau khi thạo nghề, ông động viên tách mở xưởng riêng, tự làm chủ, nay đã khá giả, tạo nhiều việc làm cho nhiều người ở địa phương. Tổng nguồn thu nhập của gia đình ông từ các loại mô hình một năm đạt từ 600 - 900 triệu đồng.

Xuất thân từ một gia đình nghèo, bản thân đã từng bị bệnh nằm liệt giường 5 năm, ông luôn có sự đồng cảm với những người nghèo và có hoàn cảnh bất hạnh. Hiện ông đang nuôi 30 người mù,

bị liệt. Mỗi ngày nấu 200 suất cơm cho những điểm nuôi người già và bệnh viện đa khoa Dầu Tây. Mỗi năm đóng cấp học bổng cho từ 30 - 40 học sinh nghèo vượt khó, mỗi suất 800.000 đồng/năm. Tặng hàng nghìn tập vở cho các em học sinh nghèo xã Gia Kiệm, tặng xe đạp cho con em vùng sâu, vùng xa để có phương tiện đến trường. Mỗi dịp lễ, tết, ông đều tặng từ 5 - 7 tấn gạo cho bà con nghèo người dân tộc thiểu số, tham gia đóng góp xây nhà cho người nghèo. Các chương trình từ thiện ở địa phương ông đều hăng hái tham gia.

Với những thành tích đã đạt được trong sản xuất nông nghiệp, với những “bát cơm”, “manh áo” nặng nghĩa, nặng tình, ông đã có được sự kính trọng, nể phục của bà con lối xóm, của chính quyền địa phương. Nhiều năm liền gia đình ông nhận được bằng khen của chính quyền, các ban ngành như Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh... Thành tích gần đây nhất mà ông Ngử đạt được là một trong những gương nông dân điển hình tiên tiến được tôn vinh tại Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tại Hà Nội năm 2010.

NGƯỜI NỮ HỘI VIÊN NÔNG DÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỎI*

Chị là Văn Thị Ngạn, hội viên nông dân Chi hội Đông Phong, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Với nguồn vốn ban đầu là 100 triệu đồng, trong đó gia đình có 25 triệu, vay anh em, bạn bè 25 triệu và vay ngân hàng 50 triệu, chị mạnh dạn đầu tư 14.460 m² đầm nước mặn để nuôi tôm, cua, rau câu; đấu thầu lại một số diện tích ruộng của bà con xã viên để xây dựng trang trại nuôi trâu, bò, lợn, dê, cá với tổng diện tích 18.000 m².

Sau một năm đầu biết bao vất vả, cực nhọc, năm đầu tiên gia đình chị Ngạn thu được 154 triệu đồng, trừ hết chi phí ban đầu được lãi 54 triệu đồng. Một thành công bước đầu làm tăng sự khích lệ động viên đối với bản thân chị và các thành viên trong gia đình.

Tiếp tục tái đầu tư, chị mua 10 con bò (3 con bò đực lai giống) trị giá 15 triệu đồng, 10 cặp dê dê trị giá 10 triệu đồng, số còn lại chị đầu tư tôm, cua giống. Cứ như vậy, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, trung bình mỗi năm chị thu lãi

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 67.

từ 200 đến 400 triệu đồng. Mở rộng quy mô sản xuất chăn nuôi, thuê thêm diện tích đất ruộng vùng trũng của bà con nông dân hết 153 triệu đồng. Từ năm 2007 gia đình chị đã có một mô hình trang trại lớn, quy mô đầu tư lên đến 2 tỷ đồng, chị còn mua thêm ô tô làm dịch vụ chuyên chở nguyên vật liệu. Hiện chị đang xây dựng mô hình trang trại gà quy mô 5.000 con/lứa.

Hằng năm, tổng doanh thu của gia đình chị đạt khoảng 2,790 tỷ đồng; lợi nhuận sau trừ chi phí đạt 766 triệu đồng/năm. Gia đình chị đã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 7 lao động trong vùng, với mức lương từ 1,5 - 1,7 triệu đồng/người/tháng. Còn lao động thời vụ lên đến 30 người. Hằng năm, gia đình chị ủng hộ các chương trình của quận, phường tổ chức 5 - 7 triệu đồng/năm; và giúp 2 hộ nông dân thoát nghèo. Chị còn giúp đỡ cho 50 hộ trong vùng bằng cách cho vay 50 con lợn giống, 500 kg cá giống, 10 con bò, cho hội viên Hội Nông dân trong vùng vay 100 triệu đồng không tính lãi.

Từ những thành tích đạt được, gia đình chị xứng đáng được đón nhận những phần thưởng danh hiệu cao quý của các cấp chính quyền địa phương:

- 2 Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng năm 2008, năm 2009.

- 1 Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2009.

- 5 Giấy khen của huyện Kiến Thụy từ năm 1999 đến năm 2003.

- 1 Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (khen giai đoạn 3 năm 2002-2004).

- 1 Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (khen giai đoạn 5 năm 2001-2005).

Năm 2010, chị được dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tại Hà Nội.

MỘT NÔNG DÂN LÀM KINH TẾ GIỎI

Đó là mô hình sản xuất kinh tế của gia đình anh Nguyễn Văn Lắm ở thôn 2, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Gia đình anh hiện giờ có 4 ha cao su, trên 3.000 m² diện tích lúa nước, hai ao cá diện tích khoảng 2.000 m², 3.000 m² diện tích cây cà phê, đàn bò khoảng 10 con. Đó là nguồn thu nhập chính của gia đình anh hằng năm, từ 300 triệu đến 400 triệu đồng sau khi trừ hết các khoản chi phí đầu tư ban đầu. Đây là kết quả của anh sau một quá trình học hỏi với ý chí, nghị lực và quyết tâm thoát nghèo và anh đã làm được điều đó.

Với diện tích đất sẵn có, anh Lắm dành khoảng 3.000 m² để trồng lúa nước, với việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác để tăng năng suất và chất lượng lúa, đặc biệt là khâu

chọn giống, xuống giống và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng theo chỉ dẫn của cán bộ khuyến nông. Một năm hai vụ lúa, trừ chi phí gia đình anh thu được 40 triệu đồng từ việc bán lúa. Diện tích đất còn lại thuận lợi cho việc đào ao thả cá, anh mạnh dạn thuê thêm 1.000 m² diện tích ao nuôi của hợp tác xã, vừa ương cá giống vừa nuôi cá thịt, một năm thu được khoảng 20 triệu đồng tiền cá sau khi trừ chi phí đầu tư. Để cải tạo giống bò cỏ của địa phương, anh nhận nuôi bò lai theo chương trình phát triển kinh tế của địa phương. Đến nay, đàn bò của gia đình anh đã được 10 con, chưa kể số lượng anh đã xuất chuồng để lấy tiền chi phí hàng ngày. Đây cũng là cách anh chọn để tăng thêm thu nhập cũng như giảm chi phí đầu tư trong trồng trọt từ việc tận dụng được nguồn phân xanh ủ với rơm rạ, cỏ dại. Kinh tế gia đình dần ổn định, anh tiếp tục đầu tư vào phát triển cây công nghiệp lâu năm. Đầu tiên là cây cà phê, hiện nay gia đình anh có trên 300 cây cà phê đã cho thu hoạch, mỗi năm thu được từ 10 - 15 triệu đồng. Không dừng lại ở đây, anh nhận chăm sóc cho 2 ha cao su đại điền, sau 5 năm cho thu mủ, anh bắt đầu tích lũy vốn và mạnh dạn vay thêm nguồn vốn ngân hàng để mua lại 2 ha cao su đại điền khi công ty thu hồi vốn đầu tư. Năm bắt nhu cầu thị trường, anh tiếp tục đầu tư trồng thêm 2 ha cao su tiểu điền, với phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, anh thực hiện mô hình xen canh các

loại cây ngắn ngày trong cao su để hạn chế cỏ dại, tăng thêm thu nhập và có thể tận dụng để làm phân bón cho cao su, tiết kiệm chi phí đầu tư. Hiện giờ, gia đình anh có 4 ha cao su tiểu điền, hằng năm thu lãi trên 250 triệu đồng.

Giờ đây, kinh tế gia đình khá giả, trả hết nợ ngân hàng, anh đã có điều kiện sửa sang lại nhà cửa, mua sắm trang thiết bị cần thiết cho công việc, đồng thời tạo điều kiện tốt cho các con ăn học, đó là niềm vui lớn nhất của anh.

Mai Ái Vân

NGƯỜI CÁN BỘ XÃ 30A LÀM KINH TẾ GIỎI

Tiếp chuyện chúng tôi trong một ngôi nhà cấp 4 nhưng rất khang trang, anh Nguyễn Văn Cộng, Bí thư kiêm Chủ tịch xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tâm sự: “Rời quân ngũ, tôi trở về ngay với đồng ruộng thôn Chũa quê mình, nếp nhà đang ở được thừa hưởng từ cha mẹ, còn những gì có hôm nay đều do hai vợ chồng gây dựng”.

Quyết tâm làm RVAC

Tôi và anh Cộng lên chiếc xe máy cũ đi qua suối vào khu vườn rừng của gia đình cách nhà chừng mấy cây số. Anh cho biết ở đây chỉ có đàn gà, ngan chừng trăm con thả rông cả ngày chỉ chăn một bữa chiều tối; ngoài ra, còn gần chục

héc-ta trồng toàn keo lai chừng 2 - 3 năm nữa là cho thu hoạch; 100 bụi tre, mai lấy măng làm măng khô; khoảng dăm sào lúa đang thì con gái, mấy sào khoai sọ núi. Khi đến chỗ có hai ao cá gần nhau, anh chặt mấy tàu lá sắn, dây khoai bỏ xuống ao thì các chú cá trắm cỏ đã nhao lên như mừng ông chủ đến thăm. Có cơ ngơi như hiện nay, gia đình anh đã phải có những bước đi thích hợp với sự tư vấn của các đồng chí bên Hội Nông dân, Hội Làm vườn của xã và sự mạnh dạn, quyết đoán của mình. Những khó khăn ban đầu không kể hết, như mua phải giống keo ban đầu không phải keo lai, những ruộng lúa này ngày đầu mới khai phá cho năng suất rất thấp và người dân vẫn còn tập quán thả rông trâu bò... Anh cho rằng, hiện nay khó khăn nhất là đường đi, anh em mình đi người không mà khó thê, nếu vận chuyển vật tư, nông sản thì còn khó hơn nhiều, nhưng khó vẫn phải gương mẫu, vì mình là cán bộ của dân và đây là nguồn thu nhập chính của gia đình.

Lợn rừng đực lai

Nhìn con lợn rừng đực mà tôi thấy mê, anh cho biết là mình có duyên với con lợn này và may mắn được có chú lợn rừng đực lai này, mua nó từ khi còn nhỏ của một ông chuyên nuôi lợn rừng lai gần thành phố Bắc Giang. Càng lớn, nó càng mạnh mẽ, đánh bật mấy con lợn rừng đực lai nuôi cùng. Khi trưởng thành, nó trông mạnh

mẽ, cho phối giống với một nái lợn rừng lai lứa đầu đẻ ra 14 con, một nái khác 13 con, rồi tiếp theo là 15 con. Anh cho biết, tôi phải nuôi bộ, kết hợp với cho chúng thay nhau bú mẹ vì mẹ chúng không đủ nướm vú. Sau đó tôi mạnh dạn cho nó lai với mấy giống lợn rừng lai khác nhau như của Việt Nam, Thái Lan và cả giống lợn Móng Cái, kết quả khả quan và cũng trở thành nguồn thu nhập chính của gia đình.

Vận động bà con làm theo

Không chỉ làm giàu cho gia đình mình, anh còn vận động bà con trong xã phát triển mạnh kinh tế vườn - rừng, thế mạnh của quê anh, hiện mô hình vườn - rừng cách xa nơi ở của bà con đã được bà con trong xã hưởng ứng và làm theo. Một số gia đình muốn nuôi lợn rừng lai, anh đã hướng dẫn kinh nghiệm và miễn phí khi lợn được đi phối giống.

Ước mơ có con đường bê tông, khu vườn rừng và sản xuất được “tinh lợn rừng lai”

Tâm sự lúc sắp chia tay, anh cho biết công việc của Đảng giao anh đã và đang hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chỉ hàng loạt giấy khen treo trên tường, anh cười), nhưng điều trăn trở là có con đường khoảng 3 km bằng bê tông qua suối đến khu vườn rừng để bà con thuận lợi trong vận chuyển nông sản hàng hóa vẫn chưa làm được. Anh cũng mong muốn các nhà khoa học tìm cách giúp lấy

được “tinh lợn rừng lai” để nhân nhanh con nuôi đặc sản này, tăng thu nhập cho nông dân.

Ngô Văn Hùng

NGƯỜI NÔNG DÂN CỰU CHIẾN BINH VỚI MÔ HÌNH VAC*

Ông là Nguyễn Văn Khoa, sinh năm 1964, hội viên Hội Nông dân xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với tư tưởng, tinh thần của một người lính sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Tổ quốc, anh luôn chịu khó, chịu khổ, dám nghĩ, dám làm, quyết tâm làm giàu chính đáng ngay trên mảnh đất quê hương mình. Ban đầu, từ việc nhận thâu 2.000 m² đất trồng cây, chăn nuôi, nay đã có một mô hình trang trại gần 20 ha cho lãi mỗi năm trên 1 tỷ đồng.

Hơn chục năm trời gắn bó với ruộng đồng, anh nông dân trẻ Nguyễn Văn Khoa thấy rằng, nếu được mùa thóc lúa hai vụ cũng chỉ đủ ăn, gặp thiên tai hạn hán thì đói, không thể làm giàu. Hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, phấn đấu làm giàu

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 96.

chính đáng do các cấp hội nông dân phát động, nhận thấy với điều kiện tự nhiên của địa phương rất phù hợp với mô hình VAC, năm 2000 anh đã mạnh dạn nhận thâu 2.000 m² đất để trồng cây ăn quả, chăn nuôi gà, bò thịt và đã đạt được những thành công bước đầu.

Lấy ngắn nuôi dài, năm 2005 ông tiếp tục đầu tư vốn xây dựng 150 m² chuồng trại quy mô chăn nuôi lợn thịt, năng suất 80 con/lứa. Tích cực tham gia công tác Hội, trực tiếp tham gia nhiều lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi do Hội Nông dân tổ chức, cùng với sự giúp đỡ của cán bộ thú y xã, ngay trong năm đầu tiên ông đã xuất bán 18 tấn lợn thịt, trừ hết chi phí cho thu nhập 80 triệu đồng, một khoản thu nhập tương đối lớn với một hộ gia đình nông dân nghèo thời điểm đó. Năm 2005 cũng là năm gia đình ông được vinh dự nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về những thành tích đã đạt được.

Tích lũy được kinh nghiệm, tạo đà cho sự phát triển, năm 2008 ông tiếp tục nhận thâu 45 mẫu đầm (16 ha) của xã để triển khai mở rộng mô hình VAC, được ông phân bổ: 20 mẫu thả cá, 22 mẫu trồng lúa 1 vụ, cá 1 vụ; 3 mẫu nuôi cá giống; xây dựng 200 m² chuồng trại trên ao cá, trên bờ đầm và diện tích đất trống xung quanh được ông trồng toàn bộ chuối.

Không phụ công sức của ông và những người thân trong gia đình, được chăm sóc đúng quy

trình kỹ thuật, đúng cách, thành công luôn đến với ông. Trong năm 2009, 34 tấn cá thương phẩm cho 476 triệu đồng, 15 tấn lúa thu 75 triệu đồng, chăn nuôi lợn thu 900 triệu đồng, 500 gốc chuối cho 40 triệu đồng. Trừ các chi phí con giống, thức ăn, nhân công, gia đình ông còn lãi hơn 1 tỷ đồng.

Mô hình VAC của gia đình ông đã tạo việc làm ổn định thường xuyên cho 6 lao động với mức lương 1,2 triệu đồng/người/tháng. Lao động theo thời vụ cũng sử dụng 15 - 20 người với mức 80.000 - 100.000đồng/người/ngày công. Bản thân ông cùng gia đình luôn chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như những quy định của địa phương. Hằng năm gia đình ông đều được công nhận là Gia đình văn hóa.

Định hướng mở rộng quy mô trang trại trong tương lai, ông cho biết sẽ xây dựng cơ cấu hợp lý, khai thác triệt để phát huy thế mạnh của mô hình. Phấn đấu áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nuôi trồng thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; đồng thời, ông sẽ giúp đỡ bà con hội viên nông dân nào muốn theo học mô hình của gia đình ông.

Với thành tích ban đầu còn khiêm tốn, ông đã được Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã khen thưởng và được đi dự Hội nghị thi đua của huyện, được nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng năm 2005.

Ông cũng vinh dự là đại biểu tham dự điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2005-2010 do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức vào tháng 10-2010, đây là món quà vô giá đối với bản thân và gia đình ông. Phần thưởng mang giá trị tinh thần hết sức to lớn và có ý nghĩa này sẽ tăng thêm động lực làm giàu chính đáng của ông ngay trên mảnh đất quê hương mình.

NGƯỜI CHI HỘI TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG*

Ông là Vũ Văn Hiến, Hội trưởng Hội VAC thôn Địa, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Từ đói nghèo cơ cực, quanh năm chạy ăn từng bữa rồi vươn lên làm giàu chính đáng bằng mô hình sản xuất VAC, có mức thu nhập tăng dần lên 70 triệu đồng, 93 triệu đồng, 100 triệu đồng, 120 triệu đồng/năm trong bảy, tám năm nay, trở thành một nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh.

Ở vùng kinh tế thuần nông, vào năm 2001, cùng với bà con nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, ông Hiến đã nhận đầu thầu dài hạn 2 ha ruộng trũng, hồ đầm hoang hoá, đầu

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 51 và hoinongdan.hochiminhcity.gov.vn.

tư cải tạo quyết chí làm giàu, đưa gia đình thoát khỏi cảnh nghèo. Vay vốn ngân hàng, người thân, ông đào 1,5 ha ao để nuôi thả cá, xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi lợn gà, hình thành mô hình VAC sản xuất, kinh doanh tổng hợp. Học hỏi kinh nghiệm gần xa, tích lũy kiến thức kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh và tiếp cận với nhu cầu thị trường, ông Hiến có điều kiện thích nghi nhanh với hoàn cảnh và dần làm ăn có lãi, tránh được thất bát, rủi ro.

Năm đầu tiên, ông mạnh dạn thả hàng vạn con cá giống, nuôi 15 con lợn nái hướng nạc, 240 con lợn thịt, 200 con vịt siêu trứng. Ông vừa phát triển đàn lợn thịt, đàn cá, vừa sản xuất lợn giống bán ra thị trường, bán cho bà con trong vùng đang có nhu cầu phát triển chăn nuôi. Với quy mô này, mỗi năm ông cho xuất chuồng hàng chục tấn thịt, hàng chục tấn cá, hàng triệu quả trứng có phẩm cấp tốt, chiếm được uy tín đối với bạn hàng. Từ đó, ông duy trì tổng đàn gia súc, gia cầm, thủy sản và giữ được xu thế phát triển bền vững, có mức lãi suất cao, vừa sử dụng cho những nhu cầu sinh hoạt đời sống gia đình, vừa đầu tư cho nhu cầu tái sản xuất mở rộng.

Ngoài làm kinh tế cho mình, ông Hiến còn giúp đỡ 5 hộ dân nghèo khác trong xã bằng cách cung cấp cây, con giống, vật tư, phổ biến kinh nghiệm, hướng dẫn kỹ thuật... để họ làm ăn tấn tới, cải thiện đời sống gia đình, vươn lên thoát

cảnh đói nghèo. Có điều kiện về kinh tế, ông Hiến rất tích cực tham gia các chương trình hoạt động nhân đạo, từ thiện, ủng hộ đồng bào vùng bị bão lụt, thiên tai, nạn nhân chất độc da cam... Vì thế, ông được các cấp chính quyền, đoàn thể bình xét, công nhận là hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, gia đình nông dân văn hóa liên tục nhiều năm.

II- KINH NGHIỆM LÀM GIÀU TỪ TRỒNG TRỌT

TRỒNG HOA PHONG LAN THOÁT NGHÈO*

Mô hình trồng hoa phong lan của chàng trai trẻ Hồ Văn Giáp ở xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc thu lãi từ 100 - 120 triệu đồng mỗi năm. Nhờ có hoa phong lan mà gia đình anh đã thoát nghèo, vươn lên làm giàu và giải quyết việc làm ổn định cho hơn chục đoàn viên thanh niên tại địa phương.

Là người dân tộc Sán Dìu, gia đình anh Giáp đông anh em, cuộc sống vất vả, nghèo khó nên không có điều kiện thuận lợi để học tập. Năm 2006, nhờ sự giúp đỡ của Đoàn Thanh niên các cấp, của bạn bè cộng với niềm đam mê lan rừng từ nhỏ, anh quyết định đầu tư mô hình trồng hoa

* Nguồn: vinhphuc.vn và tinhdoanvinhphuc.vn.

phong lan. Với số vốn vay ban đầu hơn 20 triệu đồng và diện tích vườn hơn 70 m², anh đã đưa vào thử nghiệm trồng hơn 40 giò lan thuộc hơn chục giống lan khác nhau.

Năm 2008, anh được vay thêm 50 triệu đồng từ Quỹ tài năng trẻ của Tỉnh Đoàn. Tham khảo trên mạng internet và đi nhiều nơi sưu tầm, anh đưa thêm nhiều loài lan rừng quý hiếm về nhân giống bằng phương pháp giâm cành và cấy ghép. Đến nay diện tích vườn lan của anh được nâng lên gần 400 m² với hơn 1.000 giò hoa thuộc trên 100 loài lan khác nhau. Trong đó, có nhiều loài rất quý hiếm như tai trâu trắng, hài đỏ, bạch ngọc, hài đuôi công... và nhiều giống lan chất lượng cao, hội tụ đầy đủ những đặc tính ưu việt của cây mẹ, không bị sâu bệnh, giúp bảo tồn, lưu giữ nhiều nguồn gen quý hiếm.

Nhờ kỹ thuật tạo dáng độc đáo và hấp dẫn, nở đúng thời vụ, sản phẩm hoa lan của anh được nhiều khách hàng yêu thích. Trung bình mỗi giò lan có giá từ 250.000 đến 400.000 đồng, nhiều gốc có giá trên chục triệu đồng; mỗi năm trừ chi phí anh thu lãi từ 100 - 120 triệu đồng. Ngoài ra, anh còn giải quyết việc làm cho 13 đoàn viên với mức thu nhập từ 1,5 đến 2 triệu đồng/tháng.

Với những kết quả đã đạt được, Hồ Văn Giáp vinh dự được Trung ương Đoàn trao tặng Giải thưởng Lương Định Của năm 2009, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Vĩnh Phúc biểu dương là điển hình thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác năm 2011.

LÀM GIÀU TỪ CÂY MÍA*

Anh Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1960, ở thôn 3, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận là hội viên nông dân tiêu biểu làm giàu cho bản thân, tích cực tham gia đóng góp cho xã hội.

Sinh ra và lớn lên ở dải đất miền Trung (Núi Thành, Quảng Nam) vốn không được thiên nhiên ưu đãi nên anh Linh thấu hiểu được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân. Năm 1993, anh đã chọn vùng đất miền núi xã Đa Kai làm quê hương thứ hai. Ngày đầu tiên về lập nghiệp, không nghề, vốn vụn ít lung vốn được tích góp bấy lâu không đủ để làm một việc gì thay đổi cuộc sống đang khó khăn trăm bề. Nhưng với suy nghĩ “một nghề cho chín còn hơn chín nghề”, anh quyết định theo nghề trồng mía và ép lấy mật đường. Từ số vốn ít ỏi, cộng vay mượn bạn bè, người thân, anh mua 1,5 ha đất để trồng mía và làm cơ sở nấu mía đường.

Những ngày đầu, “người bạn” đồng hành cùng vợ chồng anh là con trâu “sút mõm”. Ngày ngày ra đồng, trâu đi trước, người đi sau, cứ thế mà vỡ đất trồng mía. Tận dụng “tác đất tác vàng”, anh trồng xen đậu, bắp, bí, ngô, khoai... vừa chống đói, vừa có thức ăn chăn nuôi lợn, gà để cải thiện cuộc sống...

* Nguồn: hnd.binhthuan.gov.vn.

Nhờ chịu khó, thích học hỏi kinh nghiệm sản xuất, nên vườn mía nhà anh năm nào cũng xanh tốt, cho năng suất cao hơn bà con xung quanh. Vụ mía đầu tiên thắng lợi, cầm trên tay 14 triệu đồng lợi nhuận từ chính sức lao động của mình, anh vô cùng hạnh phúc. Những năm sau, thấy chiều hướng làm ăn khá thuận lợi, anh mạnh dạn vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và mượn thêm của họ hàng, mở rộng diện tích đất trồng mía. Đến nay tổng diện tích trồng mía lên đến 15 ha, nhờ đó anh luôn chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất mía đường. Hằng năm, sau khi trừ chi phí, trung bình mỗi năm anh thu lãi được từ 350 - 400 triệu đồng, giải quyết việc làm thường xuyên 15 - 20 lao động và lao động thời vụ có lúc đến 60 công/ngày. Từ nguồn lãi thu được, anh đầu tư điếm thu mua nông sản xuất bán thị trường Thành phố Hồ Chí Minh, trung bình mỗi năm có thêm hơn 100 triệu đồng tiền lãi. Khi kinh tế ổn định, anh xây dựng được căn nhà kiên cố, mua sắm tiện nghi sinh hoạt đầy đủ và nuôi ba người con học đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản thân từ nghèo khó vươn lên, vì thế anh luôn sẵn lòng chia sẻ với những người có hoàn cảnh và nghị lực vươn lên trong cuộc sống như anh. Được biết những năm qua, anh đã dựng vợ, gả chồng, tạo công ăn việc làm, mua 10 ha đất sản xuất không tính lãi cho 5 đôi vợ chồng có hoàn cảnh khó khăn vươn lên làm giàu. Trung

bình một năm tài trợ nhiều phần thưởng với trị giá 4 - 5 triệu đồng cho học sinh nghèo vượt khó học khá, giỏi. Hỗ trợ tiền để sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường trung học cơ sở của xã. Vận động bà con nông dân ở địa phương tu bổ, sửa chữa gần 2 km đường giao thông nội đồng của thôn 2, xã Đa Kai, trị giá 20 triệu đồng. Chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật, hỗ trợ vốn, cây giống, phân bón không tính lãi cho hơn 30 hộ, ước khoảng 400 - 500 triệu đồng/năm.

Với những việc làm thật ý nghĩa với cộng đồng tại địa phương, anh xứng đáng được Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” huyện tặng Giấy khen.

GIÀU LÊN NHỜ TRỒNG HOA

Năm 1991, sau trận lũ, gia đình anh Lâu Chí Thành, dân tộc Hoa, trú tại bản Giồng, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La hầu như trắng tay, hoàn cảnh gia đình tưởng chừng không còn lối thoát nếu không có sự giúp đỡ của Hội Chữ thập đỏ, Bộ đội Biên phòng và bà con dân tộc cùng dân cư.

Với 1.000 m² đất canh tác trồng lúa và hoa màu, hai vợ chồng và hai con còn nhỏ, lao động hết sức cũng chỉ đủ ăn. Từ khi chuyển sang trồng hoa, kinh tế gia đình anh Lâu Chí Thành khá dần lên nhờ lợi ích từ hoa, gia đình từ nghèo nay đã xây nhà cao tầng, mọi công trình khép kín,

trang bị nội thất trong nhà đầy đủ, hằng năm từ hoa anh thu lãi trên 200 triệu đồng.

Rồi anh kể: một lần về Hà Nội chơi, thấy giá một bông hoa thấp hơn ở Sơn La, Sơn La nhu cầu sử dụng hoa trong các ngày lễ, tết, kỷ niệm... rất lớn, nhiều xe đã chuyển hoa từ Hà Nội lên. Anh đã tìm hiểu qua sách báo, học tập thực tế từ nhiều người trồng hoa trong và ngoài tỉnh và thấy rằng, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở Sơn La rất thuận lợi để trồng hoa. Anh mạnh dạn vay thêm vốn, thuê thêm đất đầu tư vào lĩnh vực trồng hoa. Mặc dù chưa được tập huấn về kỹ thuật, nhưng với kiến thức được học hỏi, kinh nghiệm qua những vụ hoa, anh đã biết ghép cành, kích thích cho hoa nở đúng vụ, giữ được màu sắc hoa, thu hoạch đến đâu bán đến đó. Thành công trong những vụ hoa, anh phấn khởi mở rộng diện tích trồng hoa bằng cành. Anh thuê 2.000 m² đất, đầu tư vốn và lao động mở rộng sản xuất, hằng ngày có 4 lao động giúp việc thường xuyên, lương từ 900.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Gia đình còn mở cửa hàng bán đồ thổ cẩm cho khách du lịch.

Với nghị lực vươn lên làm giàu bằng đôi bàn tay và khối óc, anh Lâu Chí Thành đã được báo cáo điển hình tại Hội nghị Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi của tỉnh và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen.

Phan Lương

TRỒNG CHUỐI THÀNH TỶ PHÚ*

Anh là Ngô Văn Công, 43 tuổi, ở thôn Năm Mầu, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Đến với trồng chuối không hề bắt ngờ. Từng là một “lái chuối” lâu năm, lặn lội hết các vùng Bắc, Trung, Nam, vùng nào chuối ngon anh đều thuộc hết. Việc tìm được giống chuối tiêu hồng đã giúp anh trở thành tỷ phú ngay trên vườn chuối nhà mình. Và cũng giúp cho cả làng anh cùng giàu lên nhờ trồng chuối.

Trước kia, cả làng anh Công trồng cây thuốc bắc, gia đình anh cũng vậy, và anh còn thêm nghề buôn chuối. Một lần thồ chuối lên Hà Nội bán dịp Tết năm 2002, anh tình cờ nhìn thấy một giống chuối rất đẹp, quả căng mọng, bóng đẹp như phun sơn tại một hàng bán chuối ở chợ Hôm. Lân la dò hỏi, được người bán hàng cho biết giống chuối này ở Lý Nhân, Hà Nam.

Tìm về xã Hòa Hậu, Lý Nhân, ngay từ đầu làng anh đã mừng như bắt được vàng khi thấy vài bụi chuối anh đang tìm với những buồng chuối trĩu nặng. Đây là giống chuối tiêu hồng rất ngon, sai quả và rất đẹp mã, chỉ còn một ít gia đình còn giữ được.

* Nguồn: vtc.vn.

Anh phải nhờ một thợ buôn chuối ở đây gom giống hộ. Sau gần 10 ngày mới mua được 400 cây chuối giống, giá 500 đồng/cây. Song, khi chuối ra quả thì bị lấn mất 200 cây giống chuối tiêu xanh. Từ 200 gốc, anh nhân lên 5 sào, rồi 5 mẫu... Từ năm 2006 đến nay, mỗi năm anh bán cho bà con khoảng 2 vạn cây giống, giá 2.000 - 4.000 đồng/cây.

Hiện, anh có 10 mẫu chuối tiêu hồng, với giá bán 100.000 - 120.000 đồng/buồng. Mỗi năm anh thu về hơn 1 tỷ đồng tiền bán quả và 300 - 400 triệu đồng bán chuối giống.

Trưởng thôn Ngô Quang Ý cho biết: “Từ năm 2005 đến nay, khoảng 95% diện tích trồng cây thuốc bắc trong thôn đã chuyển sang trồng chuối. Trồng chuối lãi gấp 4 - 6 lần hoa màu, trung bình mỗi ha cho 200 - 300 triệu đồng/năm. Nhờ chuối, thôn chỉ còn 1% hộ nghèo, hộ khá giả là 50%... Nhiều tỷ phú đã xuất hiện”.

Gia đình anh Nguyễn Hữu Tứ (39 tuổi) có gần 2 mẫu đất, trồng ngô, thuốc bắc. Năm 2005, anh vay ngân hàng 20 triệu đồng trồng 1 mẫu chuối tiêu hồng. Năm 2007, anh trả hết nợ. Cuối năm 2009, anh xây biệt thự hơn 1 tỷ đồng.

Tỷ phú chuối Ngô Văn Đán (42 tuổi), cho biết, trước anh cũng đi buôn chuối. Năm 2004, anh mua 1.000 cây chuối giống về trồng và được anh Ngô Văn Công tư vấn kỹ thuật. Riêng bán chuối quả anh lãi gần 100 triệu đồng. Năm 2006, anh đầu

lại gần 6 mẫu bà con trồng ngô, hoa màu không hiệu quả, giá 1,5 - 2 triệu đồng/năm để trồng chuối. Năm đó thời tiết lạnh, anh vẫn lãi 300 triệu đồng. Năm 2008, anh thuê thêm 4 mẫu nữa. Đến nay, anh có gần 15 mẫu trồng chuối. Ngoài ngôi biệt thự tiền tỷ to nhất thôn, anh còn mua ô tô tải để chủ động giao hàng. Anh Đán tâm sự: “Năm 2009, trừ chi phí tôi lãi 1,3 tỷ đồng. Chuối đã trở thành cây làm giàu của cả thôn”.

LÀM GIÀU TỪ MÍT THÁI “SIÊU SỚM”*

Bắt đầu trồng cây mít Thái từ năm 2005, đến nay gia đình ông Nguyễn Văn Biểu, ở ấp Long Lợi, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã có 2.000 cây mít và trên 1.000 cây đang cho trái. Nhờ giá cả ổn định từ 12.000 - 13.000 đồng/kg mà trong năm qua, nguồn thu nhập từ tiền bán mít trái của gia đình ông đạt trên 750 triệu đồng.

Ông Biểu nhớ lại, lúc mới mang mít giống về trồng, nhiều người trong xóm dè bủ: “Trồng gì không trồng lại trồng mít, có trái rồi sẽ đem đổ sông, ai mà mua!”. Bây giờ thì thực tế đã chứng minh, cây mít mà ông chọn trong thời điểm này là không sai chút nào.

* Nguồn: haugiang online.

Trước đây, với diện tích 2 ha đất vườn, gia đình ông trồng một số loại trái cây như: cam, bưởi, sầu riêng, mận hồng đào,... nhưng nguồn thu nhập không được bao nhiêu do giá cả bấp bênh và chi phí đầu vào cao. Năm 2005, trong dịp tham quan hội chợ nông nghiệp ở Cần Thơ, được thương lái giới thiệu về giống mít Thái “siêu sớm” với nhiều ưu điểm như trái to, dày cơm, ăn ngọt, thơm, giòn,... Thấy giống lạ lại có giá trị kinh tế vượt trội so với một số loại mít thông thường, nên ông quyết định mua về trồng thử. Ban đầu, do chưa có kinh nghiệm và không biết có phù hợp với thổ nhưỡng vùng đất địa phương không, nên ông chỉ trồng thử 20 nhánh xen canh với cam mật. Không đầy năm sau mít đã bắt đầu cho trái. Thấy hiệu quả, ông tiếp tục đầu tư và mở rộng diện tích, đến nay, gia đình ông Biểu đã có 2.000 cây mít trên diện tích 2 ha đất vườn và trên 1.000 cây đang cho trái (có một số cây đã 6 năm tuổi). Nhờ giá cả ổn định từ 12.000 - 13.000 đồng/kg mà trong năm qua, nguồn thu nhập từ tiền bán mít trái của gia đình trên 750 triệu đồng/năm. Không chỉ trồng mít cho năng suất cao, ông còn thành công với việc ghép cây giống để tạo ra thương hiệu riêng cho cây mít của mình. Hằng năm, ông sản xuất trên 20.000 cây giống cung cấp cho thị trường, mỗi cây có giá 10.000 đồng, sau khi trừ chi phí gia đình có thêm nguồn thu nhập trên 200 triệu đồng/năm.

Hiện nay, tại ấp Long Lợi chỉ có vườn mít Thái “siêu sớm” của ông là trồng với số lượng và sản lượng nhiều nhất. Cứ cách một tuần là ông thu hoạch từ 600 - 700kg, vào những lúc cao điểm có thể lên đến trên 1 tấn trái, nhưng vẫn không đủ giao cho các thương lái đi các tỉnh, thành, chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội hay khu vực đồng bằng sông Cửu Long... Theo so sánh của ông Biểu, nếu trồng cam hay xoài thì phải mất 4 năm mới bắt đầu cho trái, hơn nữa, một năm chỉ thu hoạch được một lần, giá cả thì lúc lên lúc xuống, còn trồng mít Thái “siêu sớm” sẽ rút ngắn thời gian hơn và có thể cho trái được quanh năm. Nhưng hơn hết là đầu ra ổn định, thị trường tiêu thụ mạnh, thương lái đến tận nhà để hái trái và nhà vườn chỉ đợi cân ký tính tiền, đây là ưu điểm của mô hình trồng mít đã khiến nhiều nhà vườn nơi đây gắn bó với giống cây này.

Thấy hiệu quả mang lại từ cây mít, cuối năm 2009 ông đã mạnh dạn vận động thành lập Hợp tác xã Đại Lợi để bà con có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau nhưng hơn hết là cung cấp nguồn giống chất lượng cho bà con xã viên. Chỉ sau hơn một năm hoạt động, từ 20 xã viên ban đầu đến nay Hợp tác xã có trên 26 xã viên, với hơn 20 ha vườn mít Thái “siêu sớm”. Hiện nay, đây được xem là mô hình thoát nghèo hiệu quả nhất của các xã viên.

THU NHẬP 500 TRIỆU ĐỒNG MỖI NĂM TỪ RAU DIẾP CÁ*

Ông Nguyễn Văn Hà, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đã thoát nghèo, vươn lên khá giàu từ khi mạnh dạn chuyển đổi đất lúa kém năng suất sang trồng rau diếp cá. Một năm thu hoạch, sau khi trừ chi phí, ông còn thu về cho gia đình trên 500 triệu đồng.

Trước đây, kinh tế gia đình ông Hà rất khó khăn do đất canh tác nhiễm phèn, cây lúa cho năng suất kém. Tình cờ trong lần đi thăm người bà con ở Tiền Giang, ông thấy người dân ở đó trồng rất nhiều rau diếp cá, liền học hỏi kinh nghiệm và mua giống về trồng thử. Nhờ cần cù, chịu khó áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt nên vườn rau của gia đình ông phát triển rất tốt.

Hiện ông Hà đang trồng 12 công rau diếp cá. Loại rau này 60 ngày là có thể thu hoạch 1 lần, một năm ông có thể thu hoạch 5 lứa. Do thị trường tiêu thụ rộng lớn nên ông Hà an tâm sản xuất, không phải sợ cảnh rớt giá. Ông cho biết: “Một lứa tôi thu hoạch 2 tấn, giá như hiện nay là 7.000 đồng/kg, một công tôi thu hoạch khoảng 14 - 15 triệu đồng, trừ chi phí cũng còn lời 9 - 10 triệu. Một lứa rau 12 công lời bộn. Một năm trừ chi phí,

* Nguồn: baovinhlong.com.vn và 2lua.vn.

tôi còn lời khoảng 500 triệu đồng”. Theo ông Hà, rau diếp cá rất dễ trồng, nếu so với trồng lúa thì trồng rau diếp cá nhàn hơn nhiều. Do là loại rau cắt lưu gốc nên không tốn nhiều chi phí cho việc mua cây giống. Rau diếp cá ít sâu bệnh nên ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

Từ việc chuyển đổi từ đất lúa kém năng suất sang trồng rau diếp cá, gia đình ông đã xây được ngôi nhà khang trang, có nguồn thu nhập ổn định. Các con của ông đều được học hành đến nơi đến chốn. Không chỉ tạo nguồn thu nhập đáng kể cho gia đình mình, ông còn góp phần tạo thu nhập thường xuyên (1,5 triệu đồng/tháng) cho 8 - 10 lao động tại địa phương với việc cắt, bó rau.

Ông Nguyễn Thành Phương - Chủ tịch Hội Nông dân xã Thuận An cho biết: Mô hình trồng rau diếp cá của anh Hà có thể nói là một mô hình tiêu biểu ở xã. Khâu sản xuất của anh Hà rất chặt chẽ, từ quản lý, chăm sóc, thu hoạch, tiêu thụ, có thể nói là có một quy trình chặt chẽ và khép kín cho nên mang lại hiệu quả cho gia đình anh rất cao.

Ông Nguyễn Thành Kính - Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện Bình Minh chia sẻ: “Ông Nguyễn Văn Hà là nông dân sản xuất giỏi trên 10 năm, còn tạo điều kiện cho xóm giềng có công ăn việc làm. Đối với huyện, chúng tôi sẽ nhân rộng mô hình này tạo điều kiện cho nông dân huyện nhà phát triển”.

LÀM GIÀU TỪ NHÃN HƯƠNG CHI

Là hộ gia đình người dân tộc Sán Diêu sống trên vùng đất sản xuất vải thiều nổi tiếng, nhưng gia đình ông Trương Văn Báo, bà Hà Thị Tư, ở thôn Chảo Mới, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang lại được nhiều người biết đến là hộ có thu nhập cao từ cây nhãn. Với vườn nhãn hương chi hơn 700 cây cho thu hoạch, mỗi năm gia đình ông Báo có nguồn thu nhập hàng trăm triệu đồng...

Những ngày giữa tháng 8, chúng tôi có dịp đến thăm trang trại trồng nhãn hương chi nổi tiếng của gia đình ông Trương Văn Báo ở thôn Chảo Mới, xã Giáp Sơn. Tiếp đón chúng tôi tại nơi vườn nhãn quả sai trĩu cành và đang chuẩn bị cho thu hoạch, ông Báo niềm nở tâm sự: Trong suốt 5 năm trở lại đây, chưa năm nào thời tiết lại thuận lợi để nhãn ra hoa và đậu quả được mùa sai như năm nay. Với vườn nhãn này, gia đình tôi sẽ thu về khoảng 20 tấn quả tươi...

Từ lâu ông Trương Văn Báo đã nổi tiếng là người năng động, dám nghĩ dám làm, bởi ông thường đi đầu trong các mô hình kinh tế mới ở địa phương. Tận dụng lợi thế gia đình có diện tích đất sản xuất lớn 4,5 ha, trong đó chủ yếu là đất đồi, cách đây 18 năm - khi đó các hộ dân khác ở trong và ngoài xã đều đang tập trung vào phát triển diện tích cây vải thiều, ông Báo đã tính:

Tuy vải thiều lúc này đang được giá nhưng nếu mình chỉ trông mỗi vải thiều, nhờ vào năm vải mất mùa thì gia đình lấy đâu ra nguồn thu khác để chi tiêu.

Nghĩ vậy, từ năm 1993, ông đã bàn với vợ thực hiện quy hoạch trang trại của gia đình mình thành ba vòng kinh tế: Khu vực đồi cao nhất trồng 1 ha rừng keo và bạch đàn; chỗ đồi thoải dốc dành 2,5 ha trồng vải thiều; còn diện tích 1,5 ha ở nơi thuận nước hơn sẽ trồng giống nhãn hương chi. Tuy nhiên, để thực hiện được mô hình này thành công thì không thể làm được trong vòng một năm, bởi khi ấy điều kiện kinh tế của gia đình ông vẫn còn nhiều khó khăn, việc mua được giống cây để trồng hết diện tích không phải là điều đơn giản. Vì thế, năm đầu tiên, ông Báo chỉ tích góp được khoản tiền nhỏ để đến tỉnh Hưng Yên mua 120 cành nhãn hương chi về trồng thử nghiệm. Sau ba năm tập trung chăm sóc, nhận thấy giống nhãn này phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, cây sinh trưởng tốt và bắt đầu bói quả. Đến năm thứ tư thì vườn nhãn nhà ông đã cho thu hoạch được gần 1 tấn quả. Thấy giống nhãn hương chi có đặc điểm quả tương đối to, cùi giòn, sắc nước, ăn thơm ngon, được thị trường ưa chuộng mà khi thu hoạch lại luôn bán được giá hơn so với vải thiều nên đến năm 1999, ông Báo quyết định chiết 200 cành giống từ số cây ban đầu để mở rộng diện tích.

Cũng với cách làm đó, đến năm 2004, gia đình ông Báo lại trồng thêm được 400 cây nhãn nữa. Và từ đó đến nay, sản lượng nhãn hương chi nhà ông không ngừng được nâng lên. Điển hình năm 2008, gia đình ông Báo đã thu được 14 tấn quả, bán được giá bình quân 8.000 đồng/kg, thu về trên 100 triệu đồng. Trong hai năm 2009 và 2010, tuy nhãn nhà ông bị mất mùa, sản lượng chỉ đạt từ 2 đến 4 tấn quả/năm, nhưng bù lại nhãn được giá cao từ 25.000 - 35.000 đồng/kg nên giá trị kinh tế thu về vẫn đạt tương đối khá.

Do nhà ông Báo trồng nhãn với số lượng nhiều, chất lượng quả nhãn hương chi lại thơm ngon nên cứ đến mùa thu hoạch là tư thương từ các tỉnh thành như Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và Bắc Giang lại gọi điện, đến thăm vườn, rồi đánh ô tô đến tận nơi thu mua. Vì thế, việc tiêu thụ rất thuận lợi, đỡ nhiều công vận chuyển. Không chỉ được bán quả nhãn mà từ năm 2000 đến năm 2004, trung bình mỗi năm gia đình ông Báo còn chiết từ 500 - 700 cành nhãn để bán cho các hộ dân ở trong và ngoài tỉnh Bắc Giang với giá 25.000 đồng/cành. Đặc biệt trong hai năm 2005 và 2006, mỗi năm ông Báo chiết được khoảng 4.000 cành nhãn giống để cung cấp cho khách hàng ở các tỉnh như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang..., thu về hàng trăm triệu đồng/năm.

Nhờ thu nhập cao từ cây nhãn hương chi mà ngay từ năm 1998, gia đình ông Báo đã có tiền hơn 100 triệu đồng để xây dựng được nhà kiên cố to và đẹp nhất làng Chảo Mới lúc bấy giờ. Cũng với cách làm nhãn giống như vườn nhãn hương chi, đến nay, gia đình ông Báo còn có 2,5 ha với hàng nghìn cây vải thiều cho thu hoạch và 1 ha rừng kinh tế chuẩn bị được khai thác gỗ. Chỉ tính nguồn thu nhập từ nhãn hương chi và vải thiều, trong những năm gần đây, trừ mọi khoản chi phí về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và tiền thuê nhân công lao động, gia đình ông Báo còn thu về được từ 200 - 300 triệu đồng/năm.

Tâm sự với chúng tôi thêm về kỹ thuật chăm sóc nhãn, ông Báo chia sẻ: Để cho cây nhãn phát triển xanh tốt, cho chất lượng quả ngon, người trồng nhãn cần làm tốt khâu tỉa cành, phòng trừ sâu bệnh và bón phân hợp lý. Đặc biệt là khi nhãn ra hoa, đậu quả thì cây rất ưa loại phân bón NPK Đầu trâu và NPK Việt - Nhật, nhà vườn cần bón lượng phân vừa đủ cho lứa tuổi của cây và tưới nước giữ ẩm thường xuyên để chất lượng nhãn to và đẹp. Trong thời gian này cũng cần chú ý phòng trừ bệnh thán thư và sương mai cho quả nhãn. So với vải thiều thì nhãn chăm sóc dễ hơn, bởi quả nhãn không bao giờ phải lo bị chàm như quả vải.

Cũng nhờ có thu nhập cao từ nhãn hương chi và vải thiều nên đến năm 2008, ông Báo

lại đầu tư hơn 300 triệu đồng xây dựng thêm được căn nhà 2 tầng to đẹp, khang trang nữa và để ngôi nhà cũ cho người con trai lấy vợ ra ở riêng. Là một trong những hộ đầu tiên đưa cây nhãn hương chi về Lục Ngạn trồng và cho hiệu quả kinh tế cao nên mô hình kinh tế của gia đình ông Trương Văn Báo đã được Hội Nông dân xã làm điểm để nhân ra diện rộng. Giờ đây, tại xã Giáp Sơn cũng đã có khoảng 20 ha nhãn chất lượng cao được thu hoạch và mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho nhân dân. Còn gia đình ông Trương Văn Báo đã trở thành hộ đồng bào dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi điển hình của huyện Lục Ngạn nói riêng và của tỉnh Bắc Giang nói chung.

Đức Thọ

DỪA XIÊM DÂY CHO TỪ 60 - 100 TRÁI/BUÔNG*

Anh Huỳnh Văn Dũng, ở ấp Sơn Châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã thành công trong việc nhân giống dứa xiêm dây cho từ 60 - 100 trái/buông, nước dứa ngọt thanh rất hấp dẫn, làm nhiều người phải ngạc nhiên.

* Nguồn: nhanong.com.vn và nongnghiep.vn.

Nổi nghiệp gia đình làm nghề kinh doanh cây giống và hoa cảnh, qua nhiều năm tưởng chừng thất bại phải bỏ nghề do thị trường quá cạnh tranh, năm 2004, anh Dũng rơi vào tình trạng tuyệt vọng khi cây giống làm ra ế ẩm. Thế rồi một hôm sang nhà người bạn ở tỉnh Trà Vinh, anh thấy giống dưa lạ. Mặc dù cây đã già nhưng vẫn cho trái rất sai (khoảng 20 - 30 trái/buồng). Đây là giống dưa người dân địa phương ít quan tâm vì trái nhỏ, bán không được giá. Anh nảy ra ý định đem giống dưa này lai tạo với giống dưa khác sẽ cho năng suất cao, có thể phát triển bán dưa cảnh hoặc bán dưa giải khát, cây lại thấp, rất tiện lợi cho thu hoạch. Nghĩ vậy, anh mua lại của người bạn 20 cặp dưa về làm giống và bắt tay vào thực hiện ý tưởng của mình.

Bỏ qua nhiều lời gièm pha là “chở củi về rừng”, anh vẫn chăm cùi chăm sóc và chỉ sau ba năm anh đã nhân giống đạt kết quả cao. Kết quả ban đầu cho thấy dưa ra hoa và cho trái rất sai, buồng ra trái đầu tiên được khoảng 65 trái, cây cao chưa tới 1 mét, từ khi ra hoa đến ngày thu hoạch trái chỉ khoảng 25 ngày. Anh Dũng thấy giống dưa sai trái và tự đặt tên cho nó là giống dưa xiêm dây. Hiện nay, anh Dũng đang sở hữu gần 100 gốc dưa xiêm dây gần 4 năm tuổi đang cho trái để phục vụ công việc nhân giống bán.

Theo anh Dũng, giống dừa này chủ yếu dùng để giải khát là chính, nếu được chăm sóc đúng mức, một buồng có thể cho từ 60 đến 100 trái. Trái lớn trong buồng có thể cho đến nửa lít nước, nước dừa ngọt thanh rất hấp dẫn. Giống dừa xiêm dây khác với giống dừa ẻo ở chỗ trái có vỏ màu xanh (vỏ trái dừa ẻo màu vàng), còn năng suất và chất lượng thì hơn hẳn giống dừa ẻo. Những trái dừa đầu tiên anh có được đều giữ lại làm giống, chỉ hơn 2 năm nhân giống dừa xiêm dây anh đã có trong tay gần 1.000 cây giống. Đặc điểm của giống dừa xiêm dây trồng 3 năm bắt đầu cho trái, cây cho trái quanh năm, khoảng 25 ngày thu hoạch buồng dừa một lần. Giống dừa này có sức đề kháng cao, ít bệnh, không bị bọ cánh cứng cắn phá đọt non, trồng được trên nhiều loại đất, kể cả đất phèn, mặn vẫn phát triển tươi tốt bình thường.

Đầu năm 2007, ở huyện Chợ Lách tổ chức hội thi trái ngon, anh đem giống dừa xiêm dây nhiều trái nhất trong vườn đi thi, kết quả anh đoạt giải nhất. Từ đó thương hiệu dừa xiêm dây được lan rộng khắp nơi trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và người Đông Nam Bộ cũng xuống tận cơ sở của anh xin mua giống về trồng để làm cảnh hoặc lấy nước uống. Mỗi năm anh cung cấp ra thị trường từ 4.000 - 5.000 cây dừa giống. Mặc dù, giá dừa giống khá cao 50.000 đồng/cây, nhưng vẫn rất nhiều người ở xa điện thoại xuống tận cơ

sở đặt hàng hỏi mua, thậm chí có lúc không đủ giống cung cấp.

LÀM GIÀU TỪ HOA VÀ RAU SẠCH*

Đến khu P III, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, vào thăm khu nhà kính trồng hoa rộng đến 1,3 ha của gia đình ông Vũ Đình Phúc, Ủy viên Thường vụ Hội Nông dân phường 7 (nhiệm kỳ 2007-2012), không ai không bày tỏ sự khâm phục về những gì mà ông và gia đình đã làm được. Nhìn cơ ngơi khang trang, rộng rãi, những nhà hoa, nhà rau nối tiếp nhau san sát là thành quả của những nhọc nhằn, những lo toan của ông và gia đình đã trải qua.

Trước kia, trên khu đất này gia đình ông Phúc trồng chủ yếu là các loại rau xanh: cải bắp, pó xôi, hành tây... Tổng thu nhập trên dưới 650 triệu đồng/năm, sau khi trừ chi phí lãi được từ 300 đến 350 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân trên 6 triệu đồng/người/tháng.

Đầu năm 2008, gia đình ông đầu tư làm 6.500 m² nhà kính để trồng hoa cẩm chướng, hoa đồng tiền

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 62.

và cà chua. Hoa cẩm chướng hằng tháng thu được 150.000 cành, với giá bình quân 600 đồng/cành, tổng thu khoảng trên 1 tỷ đồng/năm. Hoa đồng tiền thu được khoảng 180 triệu đồng/năm. Với hai loại hoa này gia đình ông thu được khoảng 1,2 tỷ đồng/năm. Riêng 1 sào cà chua, sau khi trừ chi phí và công, ông thu được khoảng 70 triệu đồng/vụ. Diện tích 6.500 m² còn lại ông trồng hành tây với sản lượng trên 50 tấn, thu được khoảng 300 triệu đồng. Tổng thu nhập trên, sau khi trừ chi phí đầu tư giàn nhà kính, cây trồng, công thuê lao động và trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, gia đình ông thu được khoảng 850 triệu đồng. Thu nhập bình quân trên 200 triệu đồng/người/năm.

Nhận thấy kết quả rõ rệt nên gia đình ông tiếp tục mạnh dạn đầu tư làm thêm 6.500 m² nhà kính để trồng hoa và các loại rau sạch, đến nay đã có thu hoạch, kinh tế ngày càng phát triển, cuộc sống được cải thiện, ấm no, hạnh phúc.

So với cách làm truyền thống ngoài đồng ruộng trước đây thì thu nhập, công lao động của gia đình ông đã tăng gấp ba lần. Gia đình ông còn tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 6 lao động tại địa phương, với thu nhập trên 2 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài việc lao động sản xuất, ông đã vận động ở địa phương được 47 hội viên tham gia vào tổ hợp tác để sản xuất rau, hoa quả an toàn.

Bên cạnh những thành quả đạt được cho bản thân và gia đình, còn có những động viên, khích lệ tinh thần to lớn đối với người cán bộ, hội viên nông dân:

- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng năm 2005.

- Bằng kỷ niệm chương của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam năm 2006.

- Nhiều giấy khen của Ủy ban nhân dân phường.

- Ông được tham dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức năm 2010.

ÔNG NÔNG DÂN KHMER VÀ GIỐNG LÚA “HỒNG NGỌC ÓC EO”*

“Hồng Ngọc Óc Eo” - đó là cái tên của giống lúa xứ núi Ba Thê do hội viên nông dân địa phương, đứng đầu là ông Danh Văn Dưỡng (ấp Trung Sơn, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) tự lai tạo và sản xuất phổ biến hiện nay. Hạt gạo có màu đỏ hồng rất đẹp, cơm ngọt và ngon.

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 196.

Năm 2004, ông Dương được tham dự lớp tập huấn “Kỹ năng chọn tạo giống lúa tại cộng đồng” và được cử là tổ trưởng tổ nhân giống lúa chất lượng cao tại địa phương. Năm 2005, ông là Chủ nhiệm Câu lạc bộ nông dân thị trấn Óc Eo, phụ trách tổ nhân giống, sản xuất giống xác nhận cung cấp lại cho nông dân lân cận cùng anh em, bạn bè sản xuất lúa ở địa phương. Năm 2006, ông được tham dự lớp “Đào tạo giảng viên nông dân” do Viện Nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long tổ chức về chuyên đề “Kỹ thuật chọn tạo giống và sản xuất hạt giống lúa”. Qua từng vụ sản xuất, ông không ngừng nỗ lực lai tạo chọn giống lúa để nông dân cùng có giống tốt, năng suất cao, phẩm chất gạo thơm ngon, giảm chi phí trong sản xuất, thu lợi nhuận ngày càng nhiều. Năm 2007, ông đã trực tiếp hướng dẫn tập huấn lại cho 128 nông dân 5 xã có tham dự lớp “Kỹ năng chọn tạo giống lúa tại cộng đồng”.

Cùng với việc hướng dẫn, tập huấn lại cho nông dân, ông còn lai tạo giống lúa được 14 tổ hợp lai. Qua 8 vụ sản xuất chọn lọc đến vụ đông xuân năm 2010, trong buổi hội thảo đánh giá giống lúa, được nông dân bình chọn hai giống lúa triển vọng đạt yêu cầu gieo trồng sản xuất cho các vụ tiếp theo, đó là giống Hồng Ngọc Óc Eo 1 và Óc Eo 2 gạo trắng thơm.

Ông cho biết, hiện tại đã gửi khảo nghiệm ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Thành, Châu Phú, Chợ Mới và An Phú; đồng thời, Viện Nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ và Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long cũng đã tạo điều kiện giúp đỡ cho giống lúa OE1 (Hong Ngọc Óc Eo) có mặt ở Bạc Liêu, Kiên Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre... với tổng diện tích xấp xỉ 300 ha khảo nghiệm. Ông tự tin nói: “Đây sẽ là cơ sở phát triển lên hơn 500 ha, để được Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long công nhận quyền tác giả giống lúa OE1 của tôi”. Cũng trong vụ đông xuân năm 2010 này, ông còn thực nghiệm lai tạo giống OE2 và OE3 (gạo trắng) trên nhiều mặt đất khác nhau ở Tứ giác Long Xuyên, hy vọng đem lại kết quả lớn.

Giống lúa Hong Ngọc Óc Eo đã được người nông dân chấp nhận, câu lạc bộ doanh nhân tỉnh An Giang vào hợp đồng cùng nông dân Óc Eo sản xuất vụ hè thu năm 2010 bao tiêu sản phẩm cho 5 hộ nông dân sản xuất 20 ha lúa Hong Ngọc Óc Eo với màu gạo đỏ hồng, thơm, mềm cơm, ngon ngọt. Qua nhiều vụ gieo trồng chọn lọc, loại lúa này có năng suất ổn định, tính kháng cao, dạng hình đẹp, thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày, cứng cây, không đổ ngã, thích nghi cho cả 3 vụ: đông xuân trên 8 tấn/ha; hè thu và thu đông trên 6 tấn/ha.

III- KINH NGHIỆM LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI

ĐỔI ĐỜI TỪ NUÔI HƯƠNG*

Ông Nguyễn Ngọc Khánh, xóm Lộc Môn, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã vươn lên thoát nghèo và trở thành một hộ giàu ở địa phương nhờ mô hình nuôi hương. Chỉ với 12 con hương, gia đình ông đã có thu nhập hàng năm gần 200 triệu đồng từ việc bán hương giống và lộc nhung.

Trước đây, ông Khánh đã từng nuôi 2.000 con gà theo mô hình công nghiệp của Công ty CP (Thái Lan), nhưng do chi phí thức ăn ngày càng cao, dịch bệnh xảy ra nhiều, hiệu quả không cao nên ông quyết định chuyển hướng đầu tư vào vật nuôi khác. Sau nhiều năm tìm hiểu và nghiên cứu, năm 2001 ông đến với mô hình nuôi hương và cũng là người mạnh dạn đầu tiên nuôi thử nghiệm ở địa phương. Ông vào tận Nghệ An để mua ba con hương con về nuôi với giá 7 triệu đồng/con. Vừa nuôi, vừa mày mò, học hỏi thêm về kỹ thuật nuôi hương, dần dần ông Khánh đã nắm bắt được những kinh nghiệm nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng ở xã Trung Sơn. Thức ăn của hương rất đơn giản, chủ yếu là lá rừng, cỏ cây

* Nguồn: baohoabinh.com.vn và khuynnongvn.gov.vn.

(cỏ voi, lá xoan, lá sung, lá mít...). Bình quân một con hươu trưởng thành ăn hết khoảng 5 kg cỏ hoặc lá mỗi ngày, ngoài ra ông còn bổ sung thêm trong khẩu phần ăn cho hươu thức ăn tinh bột như cám gạo, cám ngô... Khu chuồng nuôi được ông thiết kế rất đơn giản, mỗi ô chuồng rộng khoảng gần 10 m², xung quanh được xây thành cao và bên trên lợp bằng mái tôn để che mưa, che nắng. Ông cho biết, hươu vốn là loài động vật hoang dã, có sức đề kháng cao, vì vậy rất dễ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hươu rất sạch, không ăn những thức ăn bẩn, ôi thối nên chúng ít bị bệnh. Nếu có mắc thì hươu chỉ mắc những bệnh chướng hơi, đi ngoài, với bệnh này chỉ cần giã nắm lá trầu trộn với muối, rồi xoa vào dạ cỏ và nấu ít nước cho hươu uống là khỏi. Sau hai năm nuôi dưỡng, hươu bắt đầu mọc sừng non màu hồng nhạt trông rất mịn, được dân gian gọi là nhung. Nhung từ khi mọc đến lúc cắt là 50 - 55 ngày. Giá bán thời điểm hiện tại là 1 triệu đồng/100 gam nhung hươu.

Từ 3 con hươu ban đầu đến nay đàn hươu của gia đình ông đã tăng lên thành 12 con, trong đó có những con đã lấy được nhung và mấy con đang trong thời kỳ sinh sản. Thấy nuôi hươu đơn giản mà hiệu quả, ông dự định sẽ tiếp tục mở rộng và nhân đàn lên nữa. Hiện ông đang tham gia Câu lạc bộ nuôi hươu của huyện Lương Sơn và làm Hội trưởng của 17 hộ nuôi hươu ở các xã Trung Sơn, Tân Thành,

Nhuận Trạch, Cao Dương..., mỗi hộ trong nhóm đều nuôi từ 1 - 5 con hươu. Ông không ngần ngại giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm trong chăn nuôi với các hội viên để cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Từ một hộ nghèo, ông Nguyễn Ngọc Khánh đã trở thành một hộ giàu trong thôn, xóm. Ông là một tấm gương năng động, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu vật nuôi hiệu quả, xứng đáng để bà con nông dân học tập.

NGƯỜI TỶ PHÚ NÔNG DÂN KHMER*

Ở ấp Phước An, xã Phú Tân, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ai cũng biết anh Thạch Văn Bal, một nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi nhiều năm liền. Năm 1989, anh Bal lập gia đình riêng. Xuất thân từ một gia đình đông anh em, nghèo khó, nên khi đó hoàn cảnh kinh tế của anh hết sức ngặt nghèo. Vợ chồng không đất canh tác, nhà ở chỉ là chiếc chòi lá dựng tạm bợ bên bờ kênh. Ban ngày đi làm thuê làm mướn, ban đêm anh soi cá kiếm thêm để đắp đổi qua ngày.

Tận dụng đất bờ kênh, vợ chồng anh Thạch Văn Bal trồng rau cải, hành, hẹ, bầu, bí. Mùa nào

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 184.

thức ấy, lúc đầu chỉ là để bớt tiền chợ búa, nhưng rồi ăn không hết, chị đem ra chợ bán. Phương châm của hai vợ chồng anh là cần kiệm trong làm ăn, chi tiêu, “tích tiểu thành đại”. Công sức và ý chí của vợ chồng anh Thạch Văn Bal đã được đền bù xứng đáng.

Năm 1990, gia đình anh tích lũy được 200.000 đồng, một số tiền lớn đối với anh lúc bấy giờ, anh “cố” (thuê) 1 công ruộng để sản xuất trong thời gian 3 năm. Nhờ áp dụng những kiến thức tiếp thu từ các buổi tập huấn, hội thảo anh áp dụng công thức hai lúa xen canh một vụ dưa hấu và một vụ đậu xanh, vụ nào anh cũng bội thu.

Sau ba năm trồng trọt có hiệu quả, gia đình anh Thạch Văn Bal đã tích lũy được 17,4 triệu đồng, anh đầu tư mua thêm đất đai, mở rộng sản xuất. Không chỉ trông vào cây lúa năng suất cao, anh Bal nuôi thêm bò, dê, cá; tận dụng đất bờ rẫy trồng rau màu, cất chuồng nhử dơi muỗi về trú ngụ lấy phân... Cứ thế, mỗi năm vốn liếng, đất đai, chuồng trại của anh tăng dần theo đà làm ăn phát đạt. Anh nông dân tay trắng hôm nào đã sở hữu 1,8 ha đất trồng trọt, 26 con bò, gần 20 con dê...

Năm 1998, thấy cỏ hoang mọc khắp nơi, anh nghĩ ngay đến chuyện nuôi bò. Đầu tiên, anh nuôi được 4 con, nhưng chỉ toàn là bò “cóc”. Năm 2000, anh chuyển sang nuôi bò lai Sind và đến giờ anh đã có 40 con bò lai Sind sinh sản.

Rồi đến năm 2002, sau khi tham gia các buổi tập huấn sản xuất nông nghiệp, anh mở rộng cơ sở để nuôi dê. Đến nay, đàn dê của anh có 20 con bố mẹ sinh sản...

Sau hơn 15 năm lập nghiệp, tổng tài sản của vợ chồng anh Thạch Văn Bal đã trên 1 tỷ đồng với mức thu nhập các nguồn gần 200 triệu đồng/năm. Không chỉ làm giàu cho mình, anh Thạch Văn Bal còn giải quyết cho 10 lao động địa phương có việc làm thường xuyên với thu nhập từ 600.000 đến 800.000 đồng/tháng...

Năm 2004, được sự vận động của người dân, anh ra ứng cử hội đồng nhân dân cấp xã và trở thành Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nông dân xã. Bây giờ, ngoài việc lo cho gia đình, anh còn vận động người dân đóng góp vào Quỹ tình thương, Quỹ xóa đói giảm nghèo để giúp đỡ bà con còn nhiều khó khăn.

NUÔI NHÍM GIỐNG LÀM GIÀU*

Ông Cao Xuân Hậu ở thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang là một nông dân rất năng động, mạnh dạn trong việc đầu tư sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, với mô hình nuôi nhím giống, trồng cam sành và trồng

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 32 và baohagiang.vn.

rừng nguyên liệu giấy, mỗi năm gia đình ông thu về lợi nhuận hàng tỷ đồng.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được xuất ngũ trở về địa phương, cũng là những ngày khởi đầu ông Hậu bắt tay vào làm kinh tế, xây dựng cuộc sống của gia đình. Năm 1995, gia đình ông dồn hết vốn mua được 3 ha đất đồi và mua 1.200 cây cam sành về trồng. Lúc đó, vùng đất này rất màu mỡ, trồng cam không cần bón phân, chỉ làm cỏ kịp thời là cam phát triển rất tốt. Đến năm 1999, vườn cam đã cho thu hoạch đạt 50 tấn quả, bán cam thu được 287 triệu đồng. Có thêm vốn, năm 2000, gia đình ông mua thêm 5 ha đất đồi bên cạnh, trồng thêm 2.000 gốc cam nữa. Năm 2004, trang trại cam của gia đình ông đã đạt sản lượng 200 tấn quả, tiền từ bán cam mỗi năm cũng thu được 700 triệu đồng.

Năm 2004, qua chương trình “Bàn với nông dân cách làm giàu” trên VTV2, ông được biết nuôi nhím là một mô hình mới rất dễ làm giàu. Ông mạnh dạn đầu tư mua 12 đôi nhím giống tại tỉnh Sơn La với giá 7 triệu đồng/đôi. Sau 2 tháng nuôi, thấy nhím phát triển tốt, ông tiếp tục đầu tư thêm 140 triệu đồng mua 20 đôi nhím giống và 7 triệu đồng để xây dựng chuồng. Nhờ nuôi dưỡng, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật nên năm 2005, trang trại đã xuất bán được 45 đôi nhím giống với giá 9 triệu đồng/đôi, thu được 405 triệu đồng, trừ hết

các chi phí, ông còn thu lãi 142 triệu đồng. Cũng trong năm đó, ông tiếp tục đầu tư bằng tiền thu nhập từ vườn cam là 400 triệu đồng mua thêm 50 đôi nhím giống về nuôi. Năm 2006, trang trại bán được 100 đôi nhím giống, cộng với tiền thu nhập từ vườn cam, ông đầu tư gần 1 tỷ đồng mua thêm nhím và xây 300 m² chuồng trại để nuôi. Ông cũng mua được 10 ha đất đồi trồng cây lâm nghiệp để phát triển lâu dài.

Từ năm 2004 đến năm 2007, cam sành Hà Giang liên tục bị xuống giá, mặc dù trang trại đã đầu tư chăm sóc, nâng cao chất lượng vườn cam, quả cam của trang trại luôn có chất lượng cao, mã đẹp, bán giá cao hơn từ 20 - 30% so với giá bình quân, song thu nhập từ vườn cam không được bao nhiêu, tiền lãi của trang trại chủ yếu từ chăn nuôi nhím. Năm 2008, trang trại đã chuyển 3 ha cam già cỗi sang trồng thành rừng cây keo tai tượng làm nguyên liệu giấy, tổng diện tích rừng nguyên liệu giấy của trang trại đã lên tới 13 ha.

Năm 2009 là năm trang trại của gia đình ông có thu nhập lớn nhất, giá con nhím giống tăng lên đến 11,5 triệu đồng/đôi. Trong năm, trang trại đã xuất bán 167 đôi nhím giống, thu về gần 2 tỷ đồng; bán được hơn 235 kg nhím thịt, thu được hơn 100 triệu đồng. Ngoài ra, đây cũng là năm cam sành Hà Giang được giá, sản lượng cam của trang trại đạt hơn 800 triệu đồng. Tổng kết

thu nhập của gia đình năm 2009 đạt gần 3 tỷ đồng, trừ toàn bộ chi phí còn lại gần 2 tỷ đồng.

Trong những năm tới gia đình ông sẽ nuôi ổn định 205 đôi nhím giống sinh sản và tổ chức thu mua nhím thịt với giá từ 300.000 - 350.000 đồng/kg, cùng với thu mua nhím giống của bà con trong vùng để cung cấp cho khách hàng Trung Quốc, tạo điều kiện cho bà con phát triển nuôi nhím. Ông tiếp tục chăm sóc vườn cam sành để thu nhập thêm một vài năm nữa, đồng thời sẽ bổ sung chuyển đổi trồng loại cây ăn quả khác vì vườn cam sành Hà Giang sẽ bị cỗi, không thể trồng lại được. Vườn rừng 13 ha của trang trại đã trồng cây keo làm nguyên liệu giấy hiện nay phát triển rất tốt, phần lớn diện tích vườn rừng cây đã khép tán, dự kiến đến năm 2015 khai thác sẽ đạt 1.500 m³ gỗ nguyên liệu giấy, cho thu nhập gần 2 tỷ đồng.

Trang trại của ông đã tạo việc làm thường xuyên cho 8 lao động, trong đó thuê ở ngoài 4 lao động với mức lương khoảng 3 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, vào vụ làm cỏ, thu hoạch cam, gia đình thuê thêm 12 lao động, trả lương trên 100.000 đồng/công. Trong những năm qua, hưởng ứng cuộc vận động của Hội Nông dân về phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng, gia đình ông đã giúp 8 hộ nông dân nghèo tại thị trấn vay không lấy lãi 125 triệu đồng để nuôi nhím và làm

kinh tế VAC đạt kết quả tốt. Gia đình còn giúp 3 hộ nông dân nghèo, cho mượn 6 đôi nhím giống trị giá 69 triệu đồng, sau 2 năm có thu mới lấy nhím giống về.

Nhờ làm kinh tế trang trại đạt hiệu quả cao mà gia đình ông đã có đời sống kinh tế khá giả. Ông xây được nhà 3 tầng khang trang, mua sắm được tiện nghi sinh hoạt có giá trị cao. Năm 2010, gia đình đã mua được 1 ô tô trị giá 785 triệu đồng để phục vụ việc vận chuyển hàng hoá của trang trại. Với những thành tích xuất sắc trong sản xuất những năm qua, gia đình ông đã được các cấp, các ngành khen thưởng, biểu dương. Đặc biệt, năm 2010, ông đã được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen nhân dịp Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III.

ĐẢNG VIÊN TRẺ NGƯỜI MÔNG LÀM KINH TẾ GIỎI, TÍCH CỰC CÔNG TÁC HỘI*

Không chỉ sản xuất kinh doanh giỏi, vươn lên thoát nghèo, đảng viên Sùng A Sinh - 30 tuổi ở xã Chế Tạo, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái luôn đi đầu trong các phong trào mà Hội

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 57.

Nông dân cấp trên giao cho. Hàng năm, gia đình anh đều đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, anh luôn được xếp loại đảng viên xuất sắc.

Trước năm 2005, kinh tế gia đình anh Sinh gặp rất nhiều khó khăn: con còn nhỏ, chỉ có một căn nhà tạm để ở, tài sản hầu như không có gì. Với 2 ha đất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, bên cạnh trình độ nhận thức hạn chế, tập quán canh tác lạc hậu, kinh nghiệm sản xuất chủ yếu là học hỏi từ ông bà, cha mẹ... vì thế thu nhập hàng năm rất thấp, bình quân chỉ đạt 200.000 đồng/người/tháng. Cuộc sống của vợ chồng anh cùng 2 con nhỏ gặp rất nhiều khó khăn, các con anh không có điều kiện đến trường.

Nhận thức được những khó khăn đó, bản thân anh nhiều đêm trăn trở suy nghĩ. Anh luôn tự hỏi nguyên nhân tại sao gia đình mình lại nghèo, lại khổ và phải làm cách nào để thoát nghèo, thoát khổ? Từ đó, bản thân anh cùng gia đình với sự đồng lòng, quyết tâm vươn lên thoát nghèo bằng chính bàn tay và khối óc của mình. Việc làm đầu tiên là anh tìm tòi, nghiên cứu sách, báo tại điểm bưu điện văn hóa xã, Hội Nông dân xã, Hội Nông dân huyện. Anh nghiên cứu chủ yếu là báo *Nông thôn ngày nay*, *Nông nghiệp Việt Nam* và các loại sách về áp dụng khoa học kỹ thuật để trồng trọt, chăn nuôi. Anh thường xuyên nghe và xem các chương trình trên đài phát thanh, đài

truyền hình như chuyên mục *Bạn của nhà nông* hay *Nông dân làm giàu...* Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, đặc biệt là cán bộ Hội Nông dân các cấp, anh đã được tham gia tập huấn khoa học kỹ thuật như kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng giống mới vào sản xuất. Học tập những mô hình điển hình của những hộ gia đình sản xuất kinh doanh giỏi trong và ngoài xã. Từ đó anh đã áp dụng được những kiến thức và kinh nghiệm hay vào sản xuất.

Năm 2005, từ nguồn vốn vay của ngân hàng, sự giúp đỡ của Hội Nông dân các cấp, sự quyết tâm vươn lên của gia đình, anh đã khai hoang thêm nhiều thửa ruộng, rừng để trồng thêm cỏ voi, trồng quế, thảo quả, lúa chất lượng cao... Đến cuối năm 2009, gia đình anh thu được trên 5 tấn thóc, 3 tấn ngô, 4,5 tạ thảo quả; chăn nuôi được 2 con ngựa, 4 con trâu, 4 con bò, 30 con lợn, khoảng 50 con gà với tổng thu nhập trên 100 triệu đồng. Anh đã mua sắm được nhiều tiện nghi trong gia đình, sửa sang lại nhà cửa sạch đẹp và làm nhà tiêu hợp vệ sinh. Từ nguồn vốn tích lũy được, anh tập trung khai hoang thêm ruộng lúa nước, làm hai vụ mỗi năm, mở rộng mô hình chăn nuôi, tăng đàn gia súc, gia cầm, từ đó tăng sản phẩm bán ra thị trường. Năm 2010, tổng thu nhập của gia đình anh đạt trên 130 triệu đồng, dự kiến những năm sau sẽ ngày càng đạt kết quả cao hơn.

Ngoài thành tích về sản xuất kinh doanh, vươn lên thoát nghèo, anh luôn đi đầu trong các phong trào mà Hội cấp trên giao cho như tuyên truyền, vận động hội viên đóng góp quỹ hội, hội phí đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ hội. Ngoài ra, anh còn thường xuyên vận động, tuyên truyền bà con trong bản xây dựng đời sống văn hóa mới và tham gia bảo vệ an ninh, quốc phòng như không cưới tảo hôn, không sinh con thứ ba, làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; vệ sinh môi trường, xây nhà tiêu hợp vệ sinh; vận động cùng bà con trong bản sửa chữa đường giao thông liên thôn bản, đường từ quốc lộ 32 vào trụ sở xã, tham gia xây dựng và sửa chữa các công trình thủy lợi, cầu, cống; thường xuyên giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn; động viên về tinh thần, vật chất, kinh nghiệm sản xuất cho những người có ý chí vươn lên thoát nghèo và giữ gìn trật tự, an ninh, an toàn xã hội, không tái trồng cây thuốc phiện, vì thế đã góp phần làm cho tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được đảm bảo.

Anh Sinh đã được Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện tặng giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng Hội và phong trào nông dân năm 2009. Năm 2010, anh được Hội Nông dân tỉnh tặng Bằng khen Cá nhân điển hình tiên tiến từ nghèo vươn lên khá, giàu;

Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái vì đạt nhiều thành tích trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2004-2009. Đặc biệt, tháng 9-2010, anh đã vinh dự đại diện cho hàng nghìn nông dân của tỉnh Yên Bái về Hà Nội dự Đại hội Thi đua yêu nước do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức nhằm tôn vinh những nông dân điển hình tiên tiến khắp mọi miền Tổ quốc.

LÃI TRÊN 1 TỶ ĐỒNG SAU 2 NĂM NUÔI CHỒN HƯƠNG*

Những năm gần đây phong trào nuôi chồn hương khá phổ biến ở nhiều địa phương và anh Đặng Ngọc Tuấn ở tổ 5, ấp 7, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cũng là một trong số đó. Sau hơn hai năm nuôi chồn hương, trừ hết các khoản chi phí, anh còn lãi trên 1 tỷ đồng. Thành công ấy khiến nhiều người phải ngưỡng mộ.

Từ cuối năm 2008, khi mà thời kỳ các đại gia đang có trào lưu nuôi nhím, thì anh Tuấn chọn nuôi chồn vì anh biết thịt chồn hương rất ngon, được thực khách ưa chuộng, giá bán rất cao. Đặc biệt, việc sản xuất cà phê chồn ở Đắk Lắk, ở Lâm Đồng cũng tạo ra sản phẩm bán buôn rất có lợi.

* Nguồn: nongnghiep.vn.

Vì thế mà việc nuôi chồn hương giống đang được thị trường quan tâm. Thế là anh lặn lội về tận Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để mua 14 cặp chồn hương sinh sản hết khoảng 140 triệu đồng về nhân giống. Do học hỏi và tham quan các mô hình nuôi chồn hương thành công trước đó, lại đầu tư chuồng trại, chăm sóc đúng kỹ thuật, đến nay trại nuôi chồn của anh đã có 170 chuồng, đầu tư từ 500.000 - 1.000.000 đồng cho một chuồng xây, với quy mô 150 con, trong đó chồn sinh sản là 10 con đực, 40 con cái, số còn lại là chồn con.

Anh Tuấn cho biết nuôi chồn thức ăn chủ yếu là trái cây chín như chuối, đu đủ,... ăn vào ban ngày; nấu cháo đường, cháo cá, thịt ăn vào ban đêm. Thức ăn cho chồn một ngày chỉ là 1 - 2 quả chuối chín, 1/3 tô cháo/con, chi phí thức ăn chỉ hết khoảng 2.000 - 3.000 đồng/con. Một con chồn nuôi thuần dưỡng có thể đẻ 2 lứa/năm, 3 - 6 con/lứa. Chồn con nuôi 2 - 3 tháng là có thể xuất chuồng bán giống chồn con, sau 11 - 12 tháng bán chồn sinh sản. Hiện tại một cặp chồn con khoảng 1 kg/con bán 6 triệu đồng/cặp; 1 cặp chồn sinh sản 2,5 - 4,5 kg/con bán 12 triệu đồng/cặp. Nếu không bán chồn con có thể nuôi để làm cà phê chồn. Chồn hương có sở thích chọn ăn những quả cà phê đỏ chín mọng, không bị sâu bệnh. Enzym tiêu hoá trong dạ dày của chồn tương tác với vỏ cà phê làm thay đổi thành phần và hương vị hạt cà phê

và được thải ra theo đường tiêu hoá. Loại cà phê này có hương vị ngon, hấp dẫn, quyến rũ đặc biệt đến vị giác của người thưởng thức. Vào khoảng tháng 9 - 12 hằng năm, khi cà phê bước vào giai đoạn cho thu hoạch chính có thể thu mua cà phê hạt tương đối chín với giá cao hơn bình thường để cho chồn ăn, những ngày cho chồn ăn cà phê thì không cho ăn thức ăn gì khác, cứ 2 ngày ăn cà phê thì nghỉ 1 ngày ăn thức ăn thông thường. Chồn chỉ ăn những quả cà phê chín, không bị dập nát, thường sau hái phải cho ăn ngay hoặc không để quá 1 ngày. Con chồn nặng 4 kg sẽ ăn hết khoảng 1 kg quả cà phê chín tươi nguyên vỏ thì tiêu hóa và đào thải ra ngoài khoảng 150 - 200 gam cà phê chồn ở dạng hạt, có hương vị rất đặc biệt, thơm, không hề có một chút mùi hôi nào. Với giá hiện tại để mua cà phê trái tuyển là 10.000 đồng/kg tươi thì tạo ra được 150.000 - 200.000 đồng cà phê chồn hạt.

Chồn là động vật hoang dã nên nuôi rất dễ. Tuy vậy để nuôi đạt hiệu quả thì cần phải chú ý nhiều đến tập tính sinh hoạt của chồn. Theo kinh nghiệm nuôi chồn của anh Tuấn, không cho chồn ăn thức ăn đã ôi thiu. Hằng ngày cần phải dọn vệ sinh chuồng sạch sẽ, đảm bảo chuồng luôn khô, thoáng, thì chồn rất ít khi bị bệnh, chỉ có bị bệnh tiêu chảy trị được bằng thuốc đi ngoài dạng viên của người. Khi chồn cái có biểu hiện kêu, phá

chuồng, bỏ ăn phải bắt chồn ra khu khác để cho giao phối, giai đoạn mang bầu lại bắt trở lại vào chuồng ban đầu. Khi chồn chuẩn bị bước vào giai đoạn ăn cà phê, để tạo ra cà phê chồn thì cần chăm sóc tốt cho chồn có sức khỏe thật tốt, trọng lượng đạt khoảng 4 kg, bộ máy tiêu hóa tốt hơn để tiêu hóa được nhiều lượng cà phê hơn.

Trong thời gian tới, anh sẽ mở rộng quy mô nuôi chồn lên khoảng 300 con, vừa cung cấp nhu cầu mua giống của bà con địa phương, cũng như các tỉnh khác, và đáp ứng nhu cầu thu mua của các công ty sản xuất cà phê chồn trên thị trường. Không chỉ nuôi chồn, anh Tuấn còn đang nuôi thử nghiệm rắn ráo trâu và xây chuồng để nuôi nhím, khi mà thời điểm này giá giống nhím đang xuống thấp nhất.

NGUYỄN HỒ - TỶ PHÚ CHIM CÚT*

Trang trại Nguyễn Hồ của ông Trần Nguyễn Hồ (xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) chuyên chăn nuôi chim cú, hàng năm đạt doanh số trên 10 tỷ đồng với lợi nhuận khoảng 8%.

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 212, dddn.com.vn và trang trại nguyenho.thv.vn.

Từng tốt nghiệp trung cấp dược, hai vợ chồng ông Hồ đều là công nhân Xí nghiệp Dược Tiền Giang với đồng lương hạn hẹp, cuộc sống gặp không ít khó khăn. Năm 1990, ông xin nghỉ việc, ra ngoài gây dựng sự nghiệp của mình. Gần 10 năm tìm cơ hội làm giàu, mãi đến năm 1998, ông Hồ mới nghĩ đến nghề nuôi chim cút. Cuộc sống kinh tế gia đình bắt đầu vươn lên khấm khá. Tuy nhiên, đó lại là thời điểm dịch cúm gia cầm xảy ra. Trong ba năm, từ năm 2003 đến năm 2005, tuy chim cút không bị ảnh hưởng bệnh dịch và nhất là trong vùng cũng không xảy ra dịch, nhưng ông vẫn chấp hành chủ trương chung là tiêu hủy để tránh lây lan. Mọi hoạt động của trang trại gần như bị đóng băng hoàn toàn.

Không nản lòng, ông Hồ nỗ lực học hỏi, nghiên cứu chuyên sâu về kỹ thuật nuôi chim cút. Trong suốt 10 năm, ông luôn nghiên cứu, để ý từ chi tiết nhỏ nhất trong kỹ thuật như nhiệt độ nuôi, độ thông thoáng, con giống, quy luật sinh học của chim cút hay sự “quen” của chim cút với người chăm sóc... Hiện trang trại Nguyễn Hồ với hơn 60.000 con chim cút đã ứng dụng quy trình chăn nuôi khép kín từ khâu ấp trứng đến cung ứng con giống, tất cả đều do ông tự nghiên cứu, thiết kế và sản xuất. Quy trình chăn nuôi, công nghệ sản xuất, chuồng trại của ông đã được chứng nhận sở hữu trí tuệ, được đánh giá là quy trình

nuôi hiện đại và hiệu quả bậc nhất hiện nay tại Việt Nam. Sản phẩm của trang trại Nguyễn Hồ đã có mặt ở hầu hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Trước đây, trang trại của ông phải đảm đương hết mọi việc, từ khâu sản xuất con giống cho đến khâu tiêu thụ trứng. Nay, do nhu cầu phát triển của thị trường, ngoài việc cung ứng trứng thông thường, trang trại còn cung ứng một lượng rất lớn trứng cút lộn. Vì vậy, việc sản xuất chim cút giống, ông chuyển dần cho các hộ vệ tinh. Trên địa bàn huyện đã có vài chục hộ tham gia làm vệ tinh cho trang trại của ông, hộ nuôi ít cũng vài nghìn con, hộ nuôi nhiều lên đến vài chục nghìn con.

Hiệu quả kinh tế của trang trại Nguyễn Hồ ngày càng tăng cao. Nếu như năm 2007 doanh số đạt 5 tỷ đồng, thì năm 2009 doanh số đạt 10 tỷ đồng. Trang trại Nguyễn Hồ đã tạo công ăn việc làm ổn định cho 20 lao động nông nhân với mức lương bình quân 2 triệu đồng/người/tháng. Đồng thời, trang trại cũng tạo điều kiện giúp đỡ cho 25 hộ gia đình khó khăn ở địa phương bằng hình thức đầu tư toàn bộ đầu vào và bao tiêu sản phẩm với tổng số tiền đầu tư hằng năm khoảng 1,5 tỷ đồng.

Nguyễn Minh

IV- KINH NGHIỆM LÀM GIÀU TỪ NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN

NỮ GIÁM ĐỐC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*

Chị là Đặng Thị Diệu, sinh năm 1963, dân tộc Kinh, ở Khu 7, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Một hội viên nông dân, một doanh nhân thành đạt trong lĩnh vực nuôi trồng thủy, hải sản (tôm). Mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, không ngại khó, ngại khổ, chị đã đi lên từ hai bàn tay trắng và đã đạt được những thành tích đáng kể, trở thành một tấm gương cho không chỉ bà con hội viên nông dân, mà cho tất cả những ai có ước mơ làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương mình.

Là một giáo viên tiểu học sống eo hẹp với đồng lương ít ỏi, rời quê hương Hưng Yên ra Hải Hòa, Móng Cái lập nghiệp, đây là một phường biên giới giáp nước bạn Trung Quốc. Với một diện tích tự nhiên trải dài ra biển Đông, có nhiều thuận tiện cho việc nuôi trồng thủy sản. Xác định thế mạnh của địa phương, Thành ủy, chính quyền thành phố Móng Cái đã có chủ trương, chính sách

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 37.*

khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng, chính quyền thành phố, hòa cùng không khí hăng hái thi đua sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo cùng nông dân phường Hải Hòa, chị Dị cũng đã mạnh dạn đầu tư nuôi trồng thủy sản, bắt đầu thời điểm năm 1998.

Năm 2003, bắt đầu từ việc thành lập Công ty cổ phần Thành Nam, trực tiếp làm giám đốc điều hành công việc. Ban đầu, với số vốn eo hẹp, điều kiện chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn, sản lượng, năng suất thấp. Thu nhập chỉ đủ chi phí trang trải, nhân công, cải tạo đầm hồ.

Được sự quan tâm, giúp đỡ của Sở Thủy sản, Phòng Kinh tế, Trung tâm Khuyến nông, khuyến ngư, Hội Nông dân thành phố, Hội Nông dân phường Hải Hòa tạo điều kiện mở các lớp học, cho đi tham quan, tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào chăn nuôi, chị đã mạnh dạn thế chấp tài sản vay ngân hàng 600 triệu đồng để đầu tư cải tạo đầm hồ, tìm giống, thuê nhân công bắt tay vào chăn nuôi có quy mô lớn.

Sau một năm, gia đình chị đã trả nợ hết cho ngân hàng, tiếp tục đầu tư 6,2 tỷ đồng xây dựng, cải tạo bờ đầm nuôi tôm cao sản, xây trạm biến áp 320 kv, mua máy sủi, máy sục, xây trụ sở làm việc.

Mạnh dạn hơn, chị đã thuê ba chuyên gia Trung Quốc nghiên cứu và sản xuất tôm giống

theo công nghệ cao để cung cấp tôm giống cho nhu cầu của gia đình và các hộ sản xuất ở trên địa bàn thành phố. Hiện nay gia đình chị có 10 ha nuôi cao sản, 15 ha nuôi quảng canh.

Với quy mô sản xuất và quy trình kỹ thuật công nghệ được áp dụng phù hợp vào sản xuất kinh doanh, mỗi năm gia đình chị có lãi từ 600 đến 700 triệu đồng. Việc mở rộng sản xuất nuôi trồng hàng năm gia đình đã tạo việc làm cho 30 lao động là con em trên địa bàn với mức tiền công 3 triệu đồng/người/tháng. Các con chị nay đã trưởng thành. Trong số bốn người con (3 trai, 1 gái) có 3 người có công việc ổn định, còn người con út hiện đang học trung học phổ thông.

Cùng với việc sản xuất kinh doanh, gia đình chị còn tích cực tham gia các phong trào do Hội Nông dân phát động, trong đó có phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi. Chị còn tích cực hưởng ứng các hoạt động từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn với số tiền ủng hộ mỗi năm vài chục triệu đồng. Từ năm 2007 đến năm 2009, gia đình chị đã ủng hộ 31 triệu đồng để xây nhà và làm bể nước sạch cho hộ nghèo. Từ năm 2003, chị đã nhận đỡ đầu cho 2 cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ năm 6 tuổi đến 18 tuổi, mỗi tháng hỗ trợ 150.000 đồng/cháu và giúp cho 10 hộ nghèo vay 50 triệu đồng không lấy lãi. Hàng năm chị còn phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật và truyền

đạt kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu nuôi trồng đạt hiệu quả cao cho các hộ sản xuất nuôi tôm trong phường và thành phố.

Với những kết quả đã đạt được, cùng với những đóng góp to lớn cho phong trào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bản thân chị và gia đình luôn nhận được những phần thưởng vinh dự và danh giá:

- Gia đình chị được công nhận là Gia đình văn hóa mấy năm liền.

- Từ năm 2005 đến nay, hai lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen và cấp Giấy chứng nhận hộ sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh.

- Năm 2007 được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; Cúp vàng Hội chợ quốc tế hàng nông - lâm - ngư nghiệp.

- Năm 2010, chị đã vinh dự được tham dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tại Hà Nội.

ĐI LÊN TỪ NUÔI NGAO*

Ông Nguyễn Văn Vinh ở thôn Quang Thịnh,

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 77.

xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, là một hội viên Hội Nông dân thôn với trang trại nuôi ngao lên đến 5 ha, điển hình trong số các hộ đi đầu nuôi ngao và đạt được hiệu quả cao.

Làng quê Nam Thịnh là một xã nằm ở phía Đông Nam huyện Tiền Hải, giáp biển, phong trào chăn nuôi thủy hải sản ở đây rất phát triển, trong đó phải kể đến nghề nuôi ngao. Nghề này đã giúp nhiều hộ gia đình ở đây không những thoát nghèo mà còn trở nên giàu có, có bát ăn, bát để.

Trước đây, ngao chỉ được người dân đánh bắt tự nhiên ở biển về làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, nhiều hơn thì đem bán ở chợ, hoặc bán cho lái buôn đem đi các tỉnh thành khác. Do đặc thù khai thác tự nhiên như vậy, nên sản lượng ngao thu được rất thấp, hiệu quả kinh tế không cao, tất cả phụ thuộc vào sự ưu đãi của tự nhiên, sự may rủi của mỗi ngày ra biển. Không có dầu vào ổn định, dầu ra cũng bấp bênh, khi khan hiếm, được giá thì không có ngao bán. Ngược lại, khi bắt được nhiều thì cả làng cùng bị ép giá, chẳng bán được đem làm thức ăn cho chăn nuôi.

Như phần lớn những người nông dân khác, xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, chỉ có thu nhập từ đồng ruộng nên cuộc sống còn có rất nhiều khó khăn. Ông Vinh luôn nung

nấu ý chí thoát nghèo, tìm cách khai thác được những ưu đãi của thiên nhiên, của biển, nơi vùng quê đầy cát và gió này. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của các cấp Hội Nông dân khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất nuôi trồng thủy, hải sản; được Hội Nông dân mời tham gia các buổi tập huấn kỹ thuật nuôi ngao, được đi tham quan các mô hình nuôi ngao ở Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Vũng Tàu, Bến Tre và Trung Quốc, nhận thấy những lợi ích thiết thực từ việc nuôi ngao, có cơ hội thoát nghèo để làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương mình, ngao khai thác tự nhiên thì rồi cũng cạn kiệt, muốn có ngao bán với số lượng lớn, thường xuyên, ổn định thì phải nuôi, ông đã đề xuất ý tưởng của mình với địa phương thu gom ngao con, tổ chức cho bà con quây nuôi trên bãi triều của xã.

Bản thân gia đình ông làm đơn xin quây nuôi bãi triều với diện tích 5 ha để nuôi ngao. Nhận thấy giống ngao trắng miền Nam rất phù hợp với vùng bãi triều Tiền Hải, có nhiệt độ và độ mặn cao, năm 2005, được sự giúp đỡ của ngân hàng, vốn vay anh em, bà con, áp dụng những kiến thức được học, ông mạnh dạn đầu tư giống ngao trắng miền Nam, tổng vốn đầu tư ban đầu là 550 triệu đồng, chỉ sau 11 tháng thu hoạch, trừ chi phí ban đầu đã cho khoản lãi 730 triệu đồng.

Có tiền để trang trải, tái đầu tư. Năm 2006, nguồn vốn đầu tư được tăng hơn so với năm trước đó. Để có nguồn ngao giống cho mình và đáp ứng nhu cầu của những hộ khác ở địa phương, ông đã đầu tư riêng 1 ha chuyên ngao giống, chi phí hết 200 triệu đồng, sau 12 tháng cho thu hoạch. Tổng thu nhập sau khi trừ giống, chi phí thu lãi trên 1 tỷ đồng. Các năm tiếp theo đó, gia đình ông thu lãi từ nuôi ngao trung bình mỗi năm từ 1,2 đến 1,5 tỷ đồng.

Ngoài việc sản xuất, có thị trường tiêu thụ ổn định, mỗi năm xuất khẩu từ 450 - 500 tấn, gia đình ông còn trở thành điểm thu mua ngao cho bà con trong xã. Học theo cách làm của ông Vinh, nhiều hộ đã thoát nghèo và trở nên giàu có. Hiện, xã Nam Thịnh có khoảng 450 hộ nuôi ngao xuất khẩu, giải quyết được lao động dư thừa tại địa phương và các vùng lân cận. Người lao động làm thuê có thu nhập ổn định từ 1,5 đến 2 triệu đồng/tháng. Đời sống của người dân nơi đây đi lên trông thấy, nhiều nhà kiên cố cao tầng mọc lên, các loại tiện nghi sinh hoạt đất tiền được sử dụng trong sinh hoạt đời sống của bà con.

Có được những thành tựu như vậy, bên cạnh những nỗ lực của bản thân ông Vinh, còn có sự động viên của gia đình, sự giúp đỡ của chính quyền địa phương và đặc biệt là sự giúp đỡ của Hội Nông dân các cấp. Trong dịp tôn vinh những tấm gương nông dân điển hình tiên tiến tại

Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tại Hà Nội năm 2010, ông là một trong số 300 đại biểu được biểu dương tại Hội nghị.

NUÔI CÁ SÁU TRÊN NÚI*

Nhiều người cho là gàn dở ngay từ khi ông bắt tay vào công việc. Nhưng đến khi thấy thành quả sự gàn dở của ông thì mọi người lại thấy ông thật là kỳ tài. Ông Đồn (Mai Văn Đồn) ở thôn Tân Sơn, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, Quảng Nam, người đã dũng cảm đưa cá sấu, một loài chuyên sinh sống ở các vùng đầm lầy, hạ nguồn các con sông lên trên núi, nơi nguồn nước trong và lạnh thường thích hợp với các loài cá khác như cá hồi, cá tầm... Gặt hái được thành công, trở thành điển hình về mô hình trang trại cá sấu ở vùng đất miền núi huyện Đại Lộc, ông đã làm nên điều kỳ diệu.

Ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy”, không chịu an nhàn tuổi già, một lần tình cờ xem chương trình trên tivi, ông thấy mình đã mắc nghiện với mô hình trang trại cá sấu. Mặc dù không biết con cá sấu có thích hợp với vùng nước đầu nguồn của con sông Vu Gia hay không, vì cá sấu thường sống ở

* Nguồn: baoquangnam.com.vn.

các vùng đầm lầy, nước lợ, hay các cửa sông, ông vẫn quyết tâm thực hiện ước mơ của mình.

Một mình lặn lội vào tận Thành phố Hồ Chí Minh, tìm và gặp một công ty chuyên về cá sấu, học được kỹ thuật chăn nuôi và hứa cung cấp giống, bao tiêu sản phẩm. Năm 2007, bỏ ra 40 triệu đồng với 50 con giống dài từ 6 - 7 tấc¹, 30 triệu đồng đầu tư khoanh nuôi chuồng trại trên diện tích khiêm tốn là 150 m², mặc cho nhiều người can ngăn cho là “gàn, dở” ông vẫn quyết tâm “theo lao”.

Với những người nông dân ở vùng quê nghèo Đại Lộc thì việc bỏ ra hơn 40 triệu đồng tiền giống và gần 30 triệu đồng tiền xây dựng chuồng trại để nuôi cá sấu như ông Đờn là quá mạo hiểm. Song, với quyết tâm đương đầu với thử thách và ý muốn làm giàu từ mô hình trang trại này, ông Đờn vẫn quyết tâm theo đuổi: “Tôi muốn chứng minh cho mọi người thấy cá sấu cũng có thể sống được trên núi”.

Nghe ông Đờn chia sẻ thì việc nuôi cá sấu xem ra không khó khăn như mọi người nghĩ. Khi mới mang giống về nhà nuôi, 3 ngày cho ăn một lần, khi cá lớn từ 10 - 15 kg thì 5 ngày cho ăn một lần. Thức ăn của cá sấu chủ yếu là nội tạng

1. Tấc: đơn vị đo lường chiều dài. Trong hệ đo lường chiều dài cổ của người Việt Nam, tấc bằng 1/10 thước hoặc bằng 10 phân - tương đương 4 cm, nay được chuyển đổi thành 1/10 mét.

của động vật và các loại cá nhỏ, một tháng mới thay nước trong hồ. Đặc biệt là cá sấu thích nghi rất tốt với mọi môi trường sống, ít bị các loại bệnh dịch. Để có thể xuất bán thì mỗi con cá sấu thường có chiều dài từ 1,5 - 2 m với trọng lượng trung bình từ 25 - 30 kg. Với giá cả thị trường hiện tại, mỗi con cá sấu của ông có giá từ 4,5 - 5 triệu đồng. Sau khi trừ tiền giống, thức ăn, mỗi lứa có thể thu lãi 200 triệu đồng.

Cá sấu là loại cá sống hoang dã và rất nguy hiểm nếu để sống ra môi trường bên ngoài. Và quy định của Nhà nước về việc chăn nuôi động vật hoang dã là rất chặt chẽ trong quy trình thẩm định và cấp phép. Là hộ nuôi cá sấu đầu tiên của tỉnh Quảng Nam nên ông Đờn còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý để hợp pháp hóa trang trại. Ông phải được cấp quyền sử dụng đất cho việc kinh doanh trang trại, sau đó đăng ký với Chi cục Kiểm lâm tỉnh để trang trại có thể hoạt động xuất nhập khẩu một cách hợp lý. Nhưng hiện nay, dù đã đến thời gian thu hoạch, ông Đờn vẫn phải chờ tám sổ đỏ chứng nhận quyền sử dụng đất của xã mới có thể xuất lứa cá sấu đầu tiên.

Việc xây trang trại chăn nuôi cá sấu không còn quá xa lạ với giới kinh doanh nông nghiệp - thủy hải sản nhiều vùng nữa. Tuy nhiên, tại mảnh đất miền Tây xa xôi của Quảng Nam này thì dường như vẫn quá lạ lẫm. Song, với ông

già tuổi “cổ lai hy” đã tạo ra điều “kỳ diệu” đó, mang lại cơ hội làm giàu cho nhiều người dân huyện miền núi xa xôi này.

Ông sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và chỉ bảo tận tình cho bà con muốn học hỏi.

V- KINH NGHIỆM SỬ DỤNG VỐN VAY HIỆU QUẢ

“GỖ CỬA” NGÂN HÀNG VAY VỐN, LÀM GIÀU*

Nhìn căn nhà đầy đủ tiện nghi của gia đình anh Tấn Tà Dền, 43 tuổi, dân tộc Dao, ở thôn Tân Sơn, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang khiến tôi thấy vô cùng xúc động. Có được nó là nhờ quá trình phấn đấu lâu dài của cả gia đình anh và việc làm đầu tiên đó là anh đã mạnh dạn “gỗ cửa” Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để có vốn mở rộng sản xuất, tăng thu nhập.

Khoảng 10 năm trước, gia đình anh Tấn Tà Dền cũng khó khăn lắm, quần quật làm lưng suốt ngày mà cái đói, cái nghèo cứ đeo bám... Là một thanh niên trẻ khỏe, anh nghĩ chẳng lẽ mình cứ phải chịu khổ mãi. Thường trực ý nghĩ đó, vợ chồng anh rất chăm chỉ làm ăn, thường xuyên đi

* Nguồn: kinhtenongthon.com.vn.

tham quan học hỏi các hộ gia đình làm kinh tế giỏi ở địa phương và các vùng lân cận. Sau một vài chuyến tham quan, anh đã có vài ý tưởng về phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện và thế mạnh ở địa phương... Nhưng muốn làm kinh tế thì phải có vốn, trong khi bản thân anh xuất thân từ nhà nông, gia đình, họ hàng cũng rất nghèo nên anh chỉ có hai bàn tay trắng. Qua tiếp xúc với báo, đài, anh nghĩ không còn cách nào khác là phải nhờ đến các tổ chức tín dụng.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, năm 2008, anh Dền làm thủ tục vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vị Xuyên và được vay 10 triệu đồng. Cầm khoản vốn lớn trong tay, anh quyết định đầu tư 5 triệu đồng vào cải tạo 2.000 m² ao và mua cá giống, 5 triệu đồng còn lại anh mua lợn về chăn nuôi. Với bản chất cần cù, chịu khó, cứ sau 3 tháng gia đình anh lại xuất chuồng 10 con lợn thịt. Riêng năm 2008, gia đình anh bán ra thị trường gần 2 tấn thịt lợn hơi và gần 5 tạ cá.

Không hài lòng về những thành tích đã đạt được trong năm đầu tiên, toàn bộ vốn, lãi anh quyết định dành để quay vòng đầu tư. Từ năm 2009 đến năm 2010, anh Dền nuôi thêm gà, trâu, làm thêm lúa, ngô. Mỗi năm, riêng đàn lợn đã mang về cho gia đình anh trên 20 triệu đồng tiền lãi, thu nhập từ cá cũng được 5 - 7 triệu đồng/năm,

riêng lúa thu hoạch được gần 5 tấn. Hiện anh còn có gần 200 con gà (chủ yếu là gà thịt), 6 con trâu, mỗi vụ gieo trồng 1,5 ha ngô, thu hoạch trên 3 tấn hạt; trồng gần 1 ha sắn, cho 10 tấn sắn tươi/vụ...

Cuối năm 2009, nhờ biết cách làm ăn, số tiền lãi tích góp được, anh tiếp tục đầu tư mua máy xay xát, vừa để hoạt động kinh doanh, vừa để phục vụ chăn nuôi trong gia đình; mua máy vò lúa làm dịch vụ kinh doanh, mỗi vụ thu về từ 2,5 - 3 tấn thóc.

Đến nay, gia đình anh Dền đã trở thành một trong những hộ gia đình khá giả ở thôn Tân Sơn. Anh cho biết: “Để có được ngày hôm nay, tôi luôn lựa chọn những giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện nuôi trồng ở địa phương và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, riêng chăn nuôi thì phải thường xuyên chủ động chăm sóc và phòng chống dịch bệnh tốt...”. Hỏi về tổng thu nhập của gia đình, anh Dền nhẩm tính: “Mỗi năm, nếu trừ chi phí, thu nhập cũng được khoảng 60 - 70 triệu đồng”.

Không những thoát nghèo, có điều kiện mua sắm đầy đủ tiện nghi, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, nuôi con ăn học đầy đủ, mô hình sản xuất của anh Dền còn tạo động lực cho nhiều hộ nông dân khác trong thôn mạnh dạn làm đơn vay vốn ngân hàng, từ đó thoát nghèo, vươn lên làm giàu.

VỐN VAY, THỎA CƠN KHÁT LÀM GIÀU*

Đến trang trại của gia đình anh Trương Thế Huy, thôn Du Tràng, xã Giang Sơn, huyện Gia Bình nơi Phòng giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp huyện cho vay 200 triệu đồng để làm kinh tế trang trại, mới thấu hiểu nỗi niềm của người dân khát vốn đến nhường nào.

Cũng như hàng nghìn hộ nông dân trong huyện, gia đình anh Huy chân chất làm ruộng, chất chiu rồi cũng đủ ăn, nhưng có của ăn của để là rất khó. Từ năm 2003, khi địa phương có chủ trương chuyển dịch ruộng trồng cấy lúa một vụ sang nuôi trồng thủy sản, nhận thấy cơ hội làm giàu đã đến, gia đình anh mạnh dạn đầu tư 1,5 ha ruộng đất trồng của tập thể, quy hoạch thành 1 ha ao thả cá, còn lại anh làm vườn, xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm...

Năm 2004, được tạo điều kiện cho vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Gia Bình, gia đình anh đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để xây dựng 200 m² chuồng trại đủ nuôi từ 60 - 80 con lợn/lúa; 350 m² chuồng nuôi gia cầm; hệ thống tường bao, bờ ao nuôi cá được xây kè chắc chắn.

* Nguồn: baobacninh.com.vn.

Trong chăn nuôi, anh luôn coi trọng công tác phòng bệnh hơn chữa bệnh nên mặc dù thời gian qua, trên địa bàn xã có ảnh hưởng bởi dịch bệnh tai xanh ở lợn nhưng do làm tốt công tác vệ sinh phòng dịch, đàn lợn của gia đình không bị thiệt hại và đang chuẩn bị đến kỳ xuất chuồng. Hiện nay, gia đình nuôi 600 con gà ta lai sinh sản, 250 con gà thịt, 1.200 con vịt siêu trứng, trung bình mỗi tháng anh xuất ra thị trường khoảng 5.000 con gà, vịt giống; 7.000 trứng thương phẩm. Hai ao cá thịt được đưa vào nuôi thả các loại cá có năng suất, chất lượng cao như trôi, chép, trắm, chim trắng,... và một ao cá lấy giống, ngoài đáp ứng đủ nguồn cá giống cho gia đình anh còn bán ra vùng lân cận với thu nhập hàng chục triệu đồng mỗi năm.

Với mô hình trang trại, anh đã tạo công ăn việc làm cho 3 lao động với mức lương đảm bảo và đem lại lợi nhuận 150 - 170 triệu đồng mỗi năm cho gia đình. Thực hiện chương trình liên kết, gia đình anh đã làm đại lý cấp 1 cho một số công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi, hàng tháng nhận cung cấp từ 40 - 50 tấn thức ăn, hỗ trợ con giống cho hàng chục hộ chăn nuôi trong và ngoài huyện bằng phương thức trả chậm.

Không những thế, anh Huy còn là ông chủ cơ sở may đang làm ăn phát đạt. Tháng 10-2009, anh đã mở cơ sở may công nghiệp, ký hợp đồng gia công màn tuyn. Cơ sở của anh hiện có 40 máy

may, tạo việc làm cho 40 lao động địa phương với mức lương từ 1,5 đến 3 triệu đồng/người/tháng. Anh còn đầu tư mua thêm ô tô để thuận tiện cho việc sản xuất kinh doanh của gia đình.

Có được thành quả như hôm nay, anh Huy luôn biết ơn sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là các ngân hàng đã tạo điều kiện cho anh vay vốn để phát triển sản xuất. Anh Huy chia sẻ: Muốn làm giàu trước hết phải có ý chí quyết tâm, nỗ lực vượt khó từ bản thân, gia đình, nếu gặp khó khăn đã nản lòng hay ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác, không biết nắm bắt cơ hội để vươn lên thì không thể thành công. Anh là một điển hình làm kinh tế giỏi của địa phương.

LÀM GIÀU TỪ 10 TRIỆU ĐỒNG VỐN VAY*

Sinh năm 1985, với nghị lực của tuổi trẻ và quyết không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, anh Giàng Seo Tráng ở xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã quyết tâm làm giàu ngay trên vùng đất nghèo khó của mình.

Nhờ có 10 triệu đồng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Hà, năm 2003 anh Tráng đã đầu tư mua 1 con trâu và 1 con bò. Cùng đó, anh mở rộng diện tích đất sản xuất nông - lâm

* Nguồn: vbsp.org.vn.

nghiệp của gia đình, đưa các loại cây, con giống mới vào sản xuất. Giàng Seo Tráng còn làm thủy lợi, đưa nước về đồng ruộng, trồng lúa nước thay vì trồng lúa rẫy theo lối phát đốt, chọc, tĩa trước kia. Vụ đầu tiên, gia đình anh đã thắng lớn, sản lượng lúa, ngô cao gấp đôi, gấp ba lần năm trước. Hiện, mỗi năm gia đình anh Tráng đã thu về trên 10 tấn lúa, gần 5 tấn ngô. Khi kinh tế dần ổn định, tận dụng lợi thế của địa phương và sự đầu tư đúng hướng từ chăn nuôi đại gia súc đã mở ra một hướng đi mới trong phát triển kinh tế của gia đình anh. Đàn gia súc của gia đình anh không ngừng tăng nhanh qua các năm, nếu năm 2003 chỉ với 1 con trâu và 1 con bò thì đến nay số lượng đàn gia súc của gia đình anh lên đến 15 con, trong đó có 8 con trâu, 4 con bò và 3 con ngựa. Anh cho biết: Với đặc thù là một xã vùng cao, khí hậu khắc nghiệt về mùa đông, anh đã chủ động các biện pháp phòng, chống rét cho đàn gia súc như xây chuồng trại kiên cố, dự trữ đầy đủ thức ăn trong mùa đông nên đàn gia súc của anh lúc nào cũng sinh trưởng và phát triển tốt. Đây cũng là nguồn thu chủ yếu của gia đình anh hiện nay và là hướng đi tích cực trong phát triển kinh tế gia đình trong thời gian tới.

Từ chỗ là một gia đình nghèo, với hai bàn tay trắng, bằng sự cần cù, chăm chỉ, chịu thương, chịu khó, đến nay, gia đình Giàng Seo Tráng đã vươn lên khá giả với tổng thu nhập hằng năm

đạt 70 - 80 triệu đồng. Tấm gương vượt qua nghèo đói, vươn lên làm giàu của người thanh niên trẻ tuổi này đã được đông đảo bà con nhân dân trong thôn, xã biết đến, khâm phục và làm theo.

LÀM GIÀU TỪ VAC VỚI NGUỒN VỐN VAY*

Tùng là một hội viên nông dân nghèo ở thôn Thượng Bản, xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, ông Nguyễn Văn Tráng đã vươn lên làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương mình từ nguồn vốn vay. Có được như ngày hôm nay, là kết quả của cả một quá trình lao động hăng say không mệt mỏi, sự không ngừng học hỏi, những kinh nghiệm tự rút ra cho chính bản thân và chính là niềm đam mê trong công việc của ông. Đạt được mức thu nhập trên 500 triệu đồng/năm là một nguồn thu không hề nhỏ với một gia đình nông dân ở nơi đây.

Năm 2005, chỉ được vay 30 triệu đồng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Dương, kết hợp với số vốn tiết kiệm của gia đình và nguồn huy động của anh em, bà con, ông Tráng đã đầu tư 300 triệu đồng xây dựng chuồng trại chăn nuôi hươu, lợn rừng

* Nguồn: tuyenquangtv.vn.

và nhím. Chưa có kinh nghiệm, 4 con hươu nhưng ban đầu của gia đình ông bị bệnh phải loại bỏ. Không chịu bó tay, ông quyết định tìm đọc sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng, kinh nghiệm của các gia đình đã từng nuôi thành công. Sau một thời gian áp dụng những phương pháp chăn nuôi hươu đã học được, lúa đầu hươu đã cho thu hoạch từ 3 - 4 lạng nhung/con. Tuy hiệu quả cho nhưng còn thấp, nhưng từ thành công bước đầu, ông Tráng càng say mê hơn trong việc tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm chăn nuôi hươu sao cho hiệu quả hơn và sau mỗi năm lượng nhung hươu lại tăng thêm từ 1 - 2 lạng/con. Đến nay, hươu đã cho thu hoạch từ 5 - 8 lạng nhung/con, với giá bán 1,7 triệu đồng/lạng, mỗi năm ông Tráng có thu nhập trên 30 triệu đồng từ nhung hươu.

Ông Tráng cho biết, mặc dù hươu là loài động vật hoang dã nhưng nếu nắm bắt được kỹ thuật chăn nuôi thì việc nuôi hươu tại nhà rất dễ, bởi chỉ cần đảm bảo chuồng nuôi sạch sẽ, thoáng mát, hươu sẽ phát triển và cho nhung chất lượng tốt, thức ăn cho hươu chủ yếu là những lá cây rừng rất dễ kiếm.

Thành công từ việc nuôi hươu, ông Tráng lại tiếp tục đầu tư 100 triệu đồng để mua 50 con lợn rừng về nuôi. Trong đó, có 5 con lợn sinh sản, mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa từ 5 - 8 con, sau khoảng từ 6 đến 7 tháng, lợn giống có thể xuất

bán, với giá bình quân 300.000 đồng/kg. Đối với lợn thương phẩm, sau một năm có trọng lượng khoảng 30 kg, với giá bán từ 200.000 - 220.000 đồng/kg. Bình quân một năm từ nuôi lợn, gia đình ông Tráng thu khoảng 150 triệu đồng tiền lãi. Theo ông Tráng, nuôi lợn rừng đơn giản chủ yếu phải tuân thủ phương pháp chăm sóc đúng kỹ thuật thì lợn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn gấp 2 đến 3 lần so với giống lợn bình thường. Ngoài ra, ông Tráng còn kết hợp nuôi 5 cặp nhím sinh sản, mỗi năm sau khi trừ chi phí còn thu lãi 150 triệu đồng.

Không những vậy, năm 2007, từ số tiền tiết kiệm được, ông Tráng đã đầu tư xây dựng 2 lò gạch sản xuất vật liệu xây dựng, góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình và tạo được việc làm thường xuyên cho khoảng 30 - 35 lao động tại địa phương, với mức thu nhập bình quân 2 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh đó, tận dụng sự thuận lợi về nguồn nước, ông Tráng còn đầu tư đào ao thả cá, với diện tích 3.000 m² nuôi các loại cá như rô phi, cá trắm, cá chép,... kết hợp trồng 4 ha rừng keo. Với mô hình chăn nuôi tổng hợp đã thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình ông Tráng. Mỗi năm từ các khoản thu nhập, sau khi đã trừ chi phí, gia đình ông Tráng có tổng thu nhập 500 triệu đồng.

NGƯỜI NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI GIÀU LÒNG NHÂN ÁI*

Bắt đầu từ năm 1999, khởi nghiệp từ việc nuôi 2 ha tôm, chủ yếu là tôm sú, ông Võ Văn Sơn, hội viên nông dân thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong việc chăm sóc và phòng bệnh cho tôm. Do chưa có nhiều kinh nghiệm, tôm của ông thường xuyên bị bệnh và chết hàng loạt, hiệu quả thấp, rủi ro cao. Đến năm 2005, được sự giới thiệu của Công ty cổ phần về giống tôm thẻ chân trắng, gia đình bắt đầu chuyển sang nuôi, đầu tư sản xuất.

Do đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi tôm qua nhiều lần thất bại, hơn nữa giống tôm thẻ chân trắng có sức kháng bệnh tốt hơn và thích nghi với điều kiện nguồn nước của địa phương, công việc trở nên đỡ khó khăn, vất vả hơn trước, ông Sơn đã mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích ao nuôi mỗi năm thêm 2 ha; mức đầu tư cho 1 ha thành ao nuôi hoàn chỉnh khoảng 300 triệu đồng. Giai đoạn đầu nuôi tôm sú, nguồn vốn cho sản xuất được ngân hàng cho vay nhưng

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 141.

đến giai đoạn chuyển sang tôm thẻ thì ngân hàng không còn cho vay nên gia đình phải tự vận động, đến nay địa tôm của gia đình ông có tổng diện tích là 20 ha. Với 6 lao động chính và 40 lao động thuê thêm, mỗi năm nuôi 2 vụ tôm với năng suất 15 tấn/ha/vụ; có vụ nuôi đạt năng suất 30 tấn/ha/vụ, sản lượng bình quân khoảng 600 tấn, với giá bình quân khoảng 60.000 đồng/kg, doanh thu ước đạt 36 tỷ đồng, đem lại thu nhập cho gia đình hàng năm khoảng 12 tỷ đồng.

Thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về nuôi tôm nhằm tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào nuôi tôm, không những chỉ để phát triển nghề nuôi mà còn đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường nuôi, hạn chế được những rủi ro thiệt hại do chính con người gây ra. Nhờ đó mà từ năm 2006 đến năm 2009, sản xuất của gia đình ông luôn thu hoạch đạt kết quả cao. Đời sống nâng cao, nhà cửa khang trang, gia đình ông còn mua được cả ô tô phục vụ cho việc đi lại.

Gia đình ông đã mạnh dạn đầu tư mua máy đào và máy ủi nhằm mục đích vừa phục vụ cho gia đình, vừa phục vụ cho bà con tại địa phương, để mở rộng thêm diện tích ao nuôi tạo được một số công ăn việc làm cho lao động tại địa phương.

Tham gia chương trình phát động nông dân sản xuất kinh doanh giỏi của Hội Nông dân các cấp, với phương châm đoàn kết giúp nhau xóa

đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng, ông đã bàn với gia đình đứng ra giúp đỡ cho 70 hộ hội viên có ao nuôi nhưng thiếu vốn sản xuất như giống, thức ăn, dầu để chạy máy nổ với diện tích ao nuôi là 60 ha, trị giá vốn, vật tư đã giúp đỡ khoảng 30 tỷ đồng/vụ với phương thức trả chậm (thanh toán sau khi thu hoạch). Cùng với sự giúp đỡ về vật chất, ông còn hướng dẫn cách nuôi và động viên, khuyến khích họ cố gắng làm ăn để phát triển kinh tế. Đến nay đa số các hộ được giúp đỡ đều trở nên khá giả.

Cùng với sự giúp đỡ những nông dân nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống, gia đình ông thường xuyên đóng góp ủng hộ cho các cuộc vận động của Hội Nông dân, của địa phương và từ năm 2008, gia đình ông đăng ký ủng hộ cho địa phương xây dựng nhà đại đoàn kết. Năm 2008-2009, ủng hộ 3 nhà cho 3 hộ nông dân nghèo với số tiền 30 triệu đồng và một số vật dụng trị giá khoảng 10 triệu. Năm 2010, ông đăng ký ủng hộ cho địa phương 2 căn nhà cho người nghèo trị giá 30 triệu đồng. Những hoạt động trên đã góp phần cùng với chính quyền địa phương, tổ chức hội xoá nhà tạm bợ cho người nghèo, tạo điều kiện để họ có nơi ăn chốn ở, làm ăn, vươn lên thoát nghèo. Ngoài ra, gia đình ông còn thường xuyên đóng góp, ủng hộ các loại quỹ do địa phương phát động như Quỹ vì người

nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa... mỗi năm đóng góp khoảng 20 triệu đồng.

Từ những thành tích đạt được, những công lao đáng ghi nhận, ông đã cùng gia đình được nhận nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp chính quyền địa phương, và vinh dự hơn nữa, ông được tham dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức năm 2010 tại Hà Nội.

GUƠNG SÁNG CHÀNG NÔNG DÂN TRẺ*

Sinh ra và lớn lên trong gia đình thuần nông ở thôn Đồng Nhất, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, ngay từ nhỏ Ngô Mạnh Thắng đã trăn trở với suy nghĩ làm sao để mở rộng quy mô sản xuất, giúp gia đình từng bước vươn lên làm giàu. Sinh năm 1990, cái tuổi quá trẻ để lập nghiệp, hơn thế nữa, những bước đi bắt đầu từ con số 0.

Đồng Nhất là một thôn nhỏ, nhưng quỹ đất còn nhiều, giao thông đi lại tương đối thuận tiện, nhưng đời sống của nhân dân nơi đây vẫn còn những khó khăn, ước mơ vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất quê hương vẫn luôn đau đáu

* Nguồn: baohoabinh.com.vn.

trong lòng chàng thanh niên trẻ mới bước vào đời. Cùng với suy nghĩ ấy, ngay khi tốt nghiệp trung học phổ thông, Thắng quyết tâm phụ giúp bố mẹ phát triển kinh tế gia đình.

Được sự quan tâm của Đoàn xã, Thắng tham gia lớp học tập huấn chuyển giao kỹ thuật tại huyện về phát triển kinh tế hộ. Bằng những kiến thức được trang bị, cuối năm 2009, Thắng bắt tay vào xây dựng mô hình trang trại nuôi lợn hướng nạc, gà, vịt, đồng thời mở cửa hàng xay xát tại gia đình. Chia sẻ về những ngày đầu khởi nghiệp, Thắng cho biết: Khó khăn lớn nhất lúc bấy giờ với em và gia đình là nguồn vốn quá eo hẹp. Song, nhờ sự gợi ý của lãnh đạo, Đoàn Thanh niên xã, Thắng đã mạnh dạn vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện với số tiền 100 triệu đồng. Cùng với vốn của gia đình, Thắng đã đầu tư xây dựng chuồng trại, mua lợn, gà, vịt giống... với tổng số tiền 305 triệu đồng.

Vừa làm, vừa tiếp tục tìm tòi, nâng cao kỹ thuật. Thời gian đầu, Thắng cùng bố thường xuyên đi thăm các mô hình trang trại lớn tại Hà Nội, Bắc Giang... Đồng thời học hỏi thêm qua sách, báo, internet... Để tận dụng hiệu quả nhất nguồn cám từ máy xay xát, Thắng mua thêm máy chế biến thức ăn cho đàn vật nuôi. Hiện nay, trong diện tích 900 m² trang trại của gia đình, Thắng đã làm một dãy chuồng kiên cố, sạch sẽ gồm các

gian riêng biệt cho 1 con lợn đực giống, 7 con lợn nái (sinh sản 180 con/năm), 50 con lợn thịt siêu nạc, 300 con vịt đẻ trứng, 200 con gà thịt. Bên cạnh đó còn giải quyết việc làm thường xuyên cho 3 lao động là đoàn viên thanh niên trong thôn. Trừ chi phí, mỗi năm gia đình thu được trên 130 triệu đồng. Mỗi đàn vật nuôi xuất chuồng, Thắng lại tiếp tục đầu tư nâng cấp chuồng trại. Vừa qua, bằng số tiền tiết kiệm 90 triệu đồng, nhằm bảo vệ môi trường, tận dụng hiệu quả nguồn phân thải, Thắng đã đầu tư xây hai bể sử dụng công nghệ khí sinh học phục vụ đun nấu, sưởi ấm cho gia súc, gia cầm, chạy máy phát điện giảm sử dụng điện lưới, chủ động điện trong sản xuất...

Bằng sức trẻ, nghị lực vượt khó vươn lên làm giàu trên mảnh đất quê hương, Ngô Mạnh Thắng đã vinh dự là đại diện trẻ nhất trong 3 đại diện nhà nông trẻ tiêu biểu của tỉnh được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng giải thưởng Lương Định Của năm 2011.

Hiện nay, Thắng đang theo học Đại học Nông nghiệp I Hà Nội với mong muốn tiếp tục trau dồi kiến thức mở rộng sản xuất, đồng thời tìm hướng đi nào phù hợp nhất với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của xã, huyện. Ý chí tiếp tục vươn lên và giúp những người dân quê mình cùng làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương mình.

ANH HUYNH LÀM GIÀU VÀ GIÚP ĐỠ NÔNG DÂN THOÁT NGHÈO*

Sinh ra và lớn lên ở vùng quê lúa Thái Bình. Năm 1979, anh Trình Ngọc Huỳnh theo gia đình đi khai hoang phát triển kinh tế tại thôn Km 65, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Năm 1986, anh Huỳnh lấy vợ và được gia đình cho ra ở riêng. Trong những năm đầu bước vào sản xuất, vợ chồng anh gặp muôn vàn khó khăn: thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, thiếu nhân lực lao động..., nên sản xuất chỉ đủ ăn. Từ thực tế đất ruộng ít, đất đồi còn nhiều, anh mạnh dạn đề nghị chính quyền cho anh khai phá trồng các loại cây lương thực ngắn ngày và phát triển chăn nuôi. Đầu những năm 90 thế kỷ XX, anh mở rộng phát triển cây cam và mở rộng diện tích trồng rừng. Ngoài vốn tích lũy của gia đình, anh mạnh dạn vay vốn ngân hàng và với một phần vốn do Hội Nông dân tín chấp cho vay, anh đã đầu tư vào trồng cam, nhãn, vải, mua thêm đất để trồng cây lâm nghiệp. Đến nay, tổng diện tích các loại cây trồng của gia đình anh có trên 60 ha, trong đó: diện tích trồng cam: 8,5 ha đã cho thu hoạch; diện tích trồng nhãn, vải: 1 ha; rừng lâm nghiệp: 51 ha, chủ yếu là cây keo

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 155.

và cây bồ đề. Anh luôn tích cực tham gia các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật và tự học hỏi, chủ động trong chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Do điều kiện đất đai phù hợp với cây cam nên gia đình anh đã mạnh dạn đầu tư trồng cam, quýt, ngoài ra còn kết hợp làm ngành nghề dịch vụ như vận chuyển, tiêu thụ nông, lâm sản, sát sỏi nên thu nhập hằng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2007, tổng thu nhập cả năm được 530 triệu đồng, trong đó thu nhập từ bán cam là 360 triệu đồng. Trừ các khoản chi phí sản xuất, gia đình anh còn lãi 370 triệu đồng, bình quân thu nhập đạt 5,1 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay, tài sản và vốn anh có trên 4 tỷ đồng, các con của anh đều chăm ngoan, học giỏi, con gái lớn của anh hiện đang học đại học năm thứ tư.

Điều đáng quý ở anh Huynh là không chỉ làm giàu cho gia đình mình mà anh còn thường xuyên tạo điều kiện giúp đỡ các hộ nghèo trong thôn bằng cách giúp vốn, cây giống cam, quýt. Tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 15 lao động là con em hội viên nghèo với mức lương 1,2 triệu đồng/tháng và 15 lao động theo thời vụ. Gia đình anh đã giúp đỡ được 4 hộ có hoàn cảnh khó khăn, nghèo, mỗi hộ từ 5 đến 20 triệu đồng vốn không tính lãi, đến nay các hộ đã thoát nghèo và có vốn tích lũy. Cùng với việc giúp đỡ các hộ nghèo thoát nghèo bằng các biện pháp hỗ trợ giống, vốn và truyền đạt kinh nghiệm sản xuất,

hằng năm gia đình anh còn tích cực tham gia các cuộc vận động ủng hộ do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động, tặng quà cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của các trường học trên địa bàn xã. Gia đình anh còn nhận đỡ đầu cho cháu Triệu Văn Côi, dân tộc Dao, mẹ mất sớm khi cháu mới chào đời.

Với những kết quả đã đạt được trong việc phát triển kinh tế, gia đình anh được công nhận là hộ sản xuất kinh doanh giỏi cấp trung ương, được tham dự Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Tuyên Quang, Đại hội Nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ II, III, Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII. Anh còn được bà con nông dân xã bầu làm Chủ nhiệm Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, Trưởng thôn Km 65 và là Phó Chủ tịch Hiệp hội cam sành huyện Hàm Yên.

Đỗ Hồng Hạ

VI- KINH NGHIỆM XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU KINH DOANH HIỆU QUẢ

THƯƠNG HIỆU CHÈ LA BẰNG, THÀNH QUẢ CỦA MỘT NỮ CHỦ NHIỆM*

Nhà chè chỉ có 1 ha chè, chủ yếu là các chè

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 180 và nongdanthainguyen.org.vn.

giống mới như keo am tích, long vân, LDP1, nhưng người dân La Bằng vẫn tín nhiệm và bầu chị làm Chủ nhiệm Hợp tác xã chè La Bằng. Đây quả là một câu chuyện dài của chị Nguyễn Thị Hải ở xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Từ những ý tưởng nhỏ...

Gia đình chị Hải vốn nghèo, từ nhỏ đã theo mẹ đi buôn chè cám, học hết lớp 12, chị thi đại học nhưng không đỗ. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị quyết định dừng ước mơ học cao hơn, lấy chồng và tiếp tục gắn bó với cây chè. Hồi ấy, nhà chị cũng như nhiều hộ trồng chè trong xã chủ yếu trồng chè trung du (chè cành) nên năng suất thấp, chất lượng không đồng đều, thường bị thương lái ép giá. Chị đã mạnh dạn bàn với gia đình dồn bỏ chè cũ, thay bằng các giống chè mới cho năng suất cao, đồng thời tập trung vốn để trở thành... nhà buôn chè. Từ năm 1986 đến năm 2000, chị Hải thường mang hàng tạ chè bán buôn cho các đại lý tận Nam Định. Mỗi lần giao hàng, khách đều bảo chè La Bằng không ngon, chè Tân Cương mới hấp dẫn và vin vào đó để ép giá. Điều này khiến chị Hải vô cùng băn khoăn. Sau nhiều lần tìm hiểu, chị thấy các thương nhân buôn chè đều đánh giá chè La Bằng thực ra ngon không kém gì chè Tân Cương, vấn đề ở chỗ chè La Bằng chưa có thương hiệu.

Nhận thấy việc xây dựng thương hiệu là vô cùng cấp thiết nhằm nâng cao giá bán, giúp người trồng chè ổn định cuộc sống, làm giàu, chị Hải đã đi vận động những hộ gia đình có tâm huyết với nghề để xây dựng Hợp tác xã chè La Bằng. Với sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân xã, cuối cùng Hợp tác xã chè La Bằng cũng ra đời với 13 xã viên. Chị Hải tâm sự: “Hợp tác xã thành lập rồi, nhưng bắt đầu xây dựng thương hiệu từ đâu, như thế nào là một quá trình không hề đơn giản. Tôi được mọi người giao trọng trách tìm đường cho chè La Bằng, đó vừa là vinh dự, song cũng khiến tôi đau đầu, mất ngủ vì suy tính. Tôi cho rằng, Hợp tác xã không những cần chăm sóc chè tốt, thực hiện chế biến tại chỗ, đóng gói gắn mã vạch, địa chỉ cụ thể mà còn phải mạnh dạn tham gia vào các sự kiện xúc tiến thương mại”.

Chị đem suy nghĩ ấy bàn với các xã viên, mọi người đều thống nhất nhờ Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ vốn để đưa chè La Bằng tham gia các hội chợ, lễ hội trà tại Thái Nguyên cũng như tại nhiều địa phương khác. Vì thế, dần dần người tiêu dùng đã quen thuộc với cái tên chè La Bằng. Chị Hải kể: “Một lần tham gia hội chợ tại Hà Nội, mấy người cao tuổi đến gặp tôi và bảo: Chúng tôi đã đi một vòng quanh hội chợ, gian hàng chè nào cũng tới nếm thử, nhưng cuối cùng chúng tôi vẫn phải quay lại với chè La Bằng vì chè rất thơm ngon, có hương vị đặc biệt”.

Đến thành công

Thực tế là chè La Bằng đã được khẳng định qua các cuộc thi chất lượng chè ở huyện và tỉnh, trong đó có hai năm liền xã đoạt Giải Nhất; đồng thời còn xuất hiện thường xuyên hơn tại các hội chợ, triển lãm, lễ hội trà... trong và ngoài tỉnh. Làm ăn có lãi nên đến nay, Hợp tác xã đã đủ sức để tham gia gian hàng tại các hội chợ mà không phải “xin” kinh phí từ chính quyền địa phương nữa.

Hiện toàn Hợp tác xã có gần 30 ha chè, ngoài ra Hợp tác xã còn tổ chức thu mua chè khô cho bà con trong xã, mỗi năm tiêu thụ khoảng 10% sản lượng. Chị Hải cho biết: “Điều đáng mừng là từ khi sản phẩm chè của xã viên được đóng gói, gắn thương hiệu thì giá bán đã tăng lên rất nhiều, từ 40.000 - 60.000 đồng/kg lên 100.000 - 170.000 đồng/kg, trừ chi phí bà con thu lãi khoảng 10.000 - 20.000 đồng/kg”.

Hợp tác xã còn phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện, các ban ngành để giúp bà con được tham gia các lớp tập huấn IPM trên cây chè, từ đó làm ra những sản phẩm chè sạch, chè an toàn; được tập huấn kỹ thuật chế biến chè chất lượng cao. Hiện, chị Hải đã lập hồ sơ đăng ký thương hiệu Chè La Bằng với Cục Sở hữu trí tuệ để nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm chè của Hợp tác xã.

Không dừng lại ở đó, chị Hải còn có tham vọng xây dựng cho mình một con đường riêng.

Chị bảo: “Đến nay, việc sản xuất và tiêu thụ của Hợp tác xã đã ổn định, thị trường cũng ngày càng mở rộng, tôi nghĩ mình cần xây dựng một thương hiệu riêng cho sản phẩm chè của gia đình, mang tên Chè Thanh Hải. Các bước thành lập công ty tôi đã chuẩn bị xong. Đây là bước thử nghiệm mới của tôi. Nhiều người vẫn bảo tôi nhiều tham vọng quá, song tôi tin với sự quyết tâm cao, lòng yêu nghề của mình, cộng với những kinh nghiệm trong quá trình xây dựng Hợp tác xã chè La Bằng... thì thương hiệu Chè Thanh Hải sẽ sớm cạnh tranh tốt trên thị trường”.

Với những thành quả đã đạt được, chị vinh dự là một trong số 20 nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tuyên dương trong buổi lễ kỷ niệm 15 năm thành lập ngành. Chị không những đã góp phần xây dựng thành công thương hiệu Chè La Bằng mà còn giúp các xã viên của Hợp tác xã sản xuất chè ổn định, bền vững, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

THƯƠNG NHÂN CHÂN ĐẤT*

Ông hào hứng kể cho chúng tôi nghe về việc tự mình sản xuất ra hàng hóa có năng suất,

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 161.

chất lượng cao để bán nhờ đồn điền, đổi thửa. Rồi ông nhận thấy muốn thu được lợi nhuận cao thì phải tìm ra những sản phẩm phù hợp để đáp ứng với nhu cầu của từng thị trường. Thế là ý tưởng kinh doanh dịch vụ tiêu thụ nông sản của gia đình ông hình thành. Chúng tôi đã được nghe những tâm sự cởi mở của ông Ngô Quý Mão ở xóm 2, thôn Bái Dương, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định khi nói về những thành công trong việc kinh doanh nông sản của gia đình mình.

Nhớ lại những ngày đầu, gia đình ông Mão nhận đầu thầu tất cả các ao hồ để thả cá, chăn nuôi, còn ngoài đồng thì cấy 5 sào ruộng. Nhân lực thì có, quyết tâm rất nhiều nhưng vốn chẳng có bao nhiêu. Ông được Ngân hàng Nông nghiệp huyện cho vay 2 triệu đồng cộng với vay mượn thêm của anh em, họ hàng để phát triển sản xuất. Được bà con tín nhiệm bầu làm Đội trưởng đội sản xuất, ông đã phân tích cái lợi của việc đồn điền, đổi thửa cho bà con. Ông vận động bà con quy hoạch lại đồng ruộng với mục tiêu: ruộng của mỗi gia đình trong đội đồn đổi tập trung vào chỉ 1 - 2 nơi, cùng đầu tư xây dựng mương máng, giếng, bơm tát để chủ động cho nguồn nước tưới và hướng dẫn bà con tăng cường bón phân hữu cơ để cải tạo đất. Đội 12 của ông là đội đi đầu trong việc đồn điền, đổi thửa. Tiền thu được từ

các khoản đầu thầu cộng với kinh phí các cấp, các ngành hỗ trợ, ông vận động bà con đóng góp thêm để xây sửa Nhà văn hóa, sửa đường làng, ngõ xóm, cầu cống để thuận tiện đi lại và chuyên chở hàng hóa. Lúc này, gia đình ông tập trung vào việc sản xuất hạt giống và cây giống để phục vụ nhu cầu canh tác của bà con trong vùng. Vừa mang lại một khoản thu nhập cho gia đình, nhưng ông nói cái lợi lớn nhất là mang lại nguồn giống chất lượng, tạo điều kiện cho bà con sản xuất. Ông Mão đã mạnh dạn đưa các giống mới vào nhằm tạo ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường như khoai tây Đức, khoai vỏ đỏ thay thế khoai tây Hà Lan cũ hay khoai Trung Quốc là loại khoai ngon, hình thức đẹp, giá bán cao, rất được thị trường ưa chuộng.

Sản xuất phát triển, ông đã bỏ công sức đi tìm hiểu thị trường, chào mời khách hàng ở khắp các tỉnh từ Bắc vào Nam. Ông nhận thấy khu vực phía Nam tuy có vùng rau Đà Lạt nhưng cũng không thể cung cấp hết được, trong khi đó giá rau quả miền Bắc đưa vào lại rẻ hơn. Hơn nữa, tâm lý của người tiêu dùng hiện nay là rất ngại sử dụng rau quả của Trung Quốc do sợ dư lượng chất bảo quản cao, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Cơ hội thực sự đến với ông khi các sản phẩm rau, củ, quả được Nhà máy rau quả ở Hải Phòng thu mua với số lượng lớn. Ông còn chuyên xuất hàng cho các đại lý từ Thanh Hóa, Vinh trở vào đến

Gia Lai, Lâm Đồng, Sài Gòn, Kiên Giang... Có khi hàng bán sang cả đất Lào. Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nông sản, ông đã đặt các điểm thu mua ở hầu hết các huyện trong tỉnh và tại tỉnh Thái Bình. Bản thân cũng là một người nông dân, ông thấu hiểu được những vất vả, khó khăn của bà con trong quá trình sản xuất, tiêu thụ nông sản. Ông đã tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn cho các hộ nông dân về khoa học kỹ thuật và cách chăm bón phòng trừ được sâu bệnh mà không gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Hay cách thu hái, bảo quản đúng quy trình, đúng thời điểm để hàng hóa đảm bảo chất lượng và thuận tiện cho việc thu, giao hàng.

Hiện nay, mỗi ngày ông đều có 2 - 3 xe, có ngày nhiều lên đến 4 - 5 xe, mỗi xe vận chuyển từ 15 đến 20 tấn rau củ theo mùa (chủ yếu là khoai tây, cà chua) đi cung cấp cho các khách hàng. Các xe chuyên chở hàng về thường có dưa, vải, bí,... bán cho các đại lý của địa phương. Công việc kinh doanh của gia đình ông đã tạo việc làm cho 20 lao động trực tiếp và rất nhiều nông dân trong và ngoài tỉnh. Kinh tế gia đình ông ngày càng phát triển, mỗi năm ông thu được lợi nhuận khoảng 300 triệu đồng. Ông đã xây được nhà cửa khang trang, đầu tư cho con cái ăn học đàng hoàng và còn giúp đỡ cho nhiều hộ nghèo thiếu vốn sản xuất. Ông luôn tâm niệm trong quá trình kinh doanh tuyệt đối không được lợi dụng,

trục lợi, không ép giá mà mua với giá cả vừa phải để đôi bên cùng có lợi. Đặc biệt, ông không bao giờ thấy hàng lên giá mà phá vỡ hợp đồng với khách hàng.

VƯỜN LÊN LÀM GIÀU TỪ SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ*

Trong những năm qua, ông Bàn Hữu Phong, dân tộc Dao ở Đèo Gió, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã cùng các thành viên trong gia đình tích cực sản xuất, kinh doanh để vươn lên thoát nghèo, làm giàu. Tổng các khoản thu của gia đình sau khi đã trừ chi phí khoảng 500 triệu đồng, đây là con số mơ ước của rất nhiều hộ nông dân.

Xuất phát từ nhu cầu của thị trường, ông Phong và gia đình đã có ý tưởng sản xuất một số sản phẩm mang hương vị đặc trưng của địa phương, có giá trị kinh tế cao. Năm 2006, gia đình ông đã xây dựng một cửa hàng với tổng diện tích sử dụng 600 m², một nhà xưởng chế biến nông sản 400 m² để sản xuất sản phẩm măng ớt mang thương hiệu “Măng ớt sạch - an toàn Đèo Gió”. Măng ngâm ớt đặc biệt ở chỗ người làm ngâm

* Hội Nông dân Việt Nam: Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd, tr. 40.

măng cùng với quả mắc mật, đây là loại quả chỉ mọc trên vùng núi đá phía Bắc. Măng thái nhỏ, ớt và mắc mật để cả quả, rửa sạch, để ráo. Tất cả được ngâm chung với nước muối có độ đậm vừa. Màu trắng của măng xen lẫn với màu đỏ tươi của ớt và màu xanh nâu của mắc mật thơm nồng là món quà thẩm đượm hương vị quê nhà mà người dân Bắc Kạn dành làm quà cho người thân và du khách đến thăm quê mình. Măng ngâm ớt thường được dùng cho vào nước chấm và hay ăn kèm với những món ăn chónng ngấy như chân giò hầm, khâu nhục. Sản phẩm đã được Sở Y tế cấp giấy chứng nhận và công bố chất lượng đến người tiêu dùng. Sau khi xây dựng được thương hiệu, gia đình ông đã sản xuất và tiêu thụ được khoảng 20.000 hộp mỗi năm. Giá mỗi hộp thời điểm hiện tại là 25.000 đồng, trừ hết các khoản chi phí, mỗi năm sản phẩm này mang lại cho ông nguồn thu trên 200 triệu đồng.

Ngoài ra, gia đình ông còn sản xuất lúa và ngô quanh năm. Vụ Xuân, ông trồng giống ngô lai năng suất cao, vụ tiếp theo trồng ngô nếp địa phương để phục vụ khách hàng đã trở thành đặc sản ngô luộc Đèo Gió. Nguồn thu từ cửa hàng kinh doanh dịch vụ tổng hợp của gia đình ông cũng đạt trên 200 triệu đồng mỗi năm. Ông phấn khởi cho biết, tổng các khoản thu của gia đình sau khi đã trừ chi phí khoảng 500 triệu đồng. Gia đình ông đã sắm được nhiều tiện nghi sinh hoạt

đất tiền và 1 chiếc ô tô trị giá 900 triệu đồng làm phương tiện đi lại, giao dịch sản phẩm.

Ngoài việc chăm lo phát triển kinh tế của gia đình, ông đã giúp đỡ 7 hộ nghèo trong thôn vốn vay không tính lãi để phát triển sản xuất, với tổng số tiền 60 triệu đồng. Cơ sở sản xuất của ông tạo việc làm thường xuyên cho 4 lao động có mức thu nhập ổn định. Bản thân ông luôn tích cực tham gia công tác Hội và nhiều hoạt động nhân đạo do các ngành, đoàn thể địa phương phát động. Ghi nhận những thành tích mà ông Phong đã đạt được trong sản xuất thời gian qua, các cấp, các ngành của huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã tặng ông rất nhiều bằng khen. Đặc biệt, ông còn vinh dự đại diện cho hàng vạn nông dân của tỉnh được về Hà Nội dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức năm 2010 vừa qua.

ĐEM NHANG XUẤT NGOẠI*

Ông Cao Xuân Nguyên, 67 tuổi, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là một tấm gương tiêu biểu về sự cần cù học tập,

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015, Sđd*, tr. 216.

lao động sản xuất. Khi đã 50 tuổi, ông vẫn đi học lấy bằng bổ túc trung học phổ thông, tốt nghiệp đại học. Rồi một thân một mình, ông qua Campuchia tìm thị trường tiêu thụ và phát triển cơ sở sản xuất nhang của gia đình. Ông còn thành công với mô hình kinh doanh vật liệu xây dựng, trồng thanh long ruột đỏ và thâm canh tăng vụ cây lúa. Thật nhiều thú vị khi được đến thăm và nghe ông kể về quá trình vượt nghèo khó vươn lên làm giàu của gia đình.

Xã Bình Đông quê ông Nguyễn có bờ biển khoảng 5 km, quanh năm với đồng chua nước mặn, ruộng chỉ canh tác một vụ, năng suất thấp, thu nhập chẳng là bao. Vì con đông nên ngoài công việc đồng áng, ông tự nghĩ phải nỗ lực làm thêm công việc gì đó trong khoảng thời gian nông nhàn để kiếm thêm tiền nuôi con ăn học. Nghĩ sao làm vậy, ông liền đi học làm nhang vì đó là nghề tiểu thủ công, dễ học, dễ làm. Ông về dạy lại cho cả gia đình cùng làm nhang để có thêm thu nhập. Sản phẩm làm ra, gia đình ông tự đóng gói, vô bao bì và chở đi tiêu thụ ở các chợ huyện, thị trong tỉnh. Công việc làm ăn càng lúc càng thuận lợi, phát triển, nên ông đã thu nhận thêm nhân công, tạo công ăn việc làm cho bà con hội viên nông dân trong thôn, ấp.

Năm 1994, dù ở tuổi 50, nhưng với tinh thần cầu tiến và ham học, hằng đêm ông phải vượt 12 km từ nhà vào thị xã Gò Công để theo học lớp phổ thông trung học. Sau đó, ông ghi danh vào Trường Đại học mở bán công, bốn năm sau ông tốt nghiệp đại học và lại trở về quê nhà phát triển, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh của mình.

Năm 1999, được biết bên đất nước bạn Campuchia, là quê hương xứ Chùa Tháp, gần 100% người dân theo đạo Phật, vì vậy họ sử dụng rất nhiều nhang. Thế là ông đích thân qua Thủ đô Phnôm Pênh để tìm kiếm thị trường và tìm nơi tiêu thụ sản phẩm nhang. Chuyển đi thành công, ông về nước liền lên Thành phố Hồ Chí Minh để thuê mượn thêm thợ nhang chuyên nghiệp về phục vụ cho cơ sở sản xuất, nhằm đáp ứng được nhu cầu cao của khách hàng. Từ đó, mỗi năm ông đều mua sắm dụng cụ, trang bị thêm thiết bị máy móc sản xuất nhang theo kỹ thuật mới. Theo năm tháng, với đà phát triển thuận lợi năm sau cao hơn năm trước nên hiện tại cơ sở sản xuất nhang của gia đình ông có trên 40 nhân công thường xuyên làm việc tại cơ sở với mức lương từ 1.200.000 đến 2.500.000 đồng/tháng. Mỗi tháng ông xuất được khoảng trên 20 tấn nhang sang thị trường Campuchia.

Nhiều năm sản xuất lúa cho năng suất thấp, ông lại trăn trở làm cách nào để chuyển đổi cây

trồng hiệu quả. Qua thông tin đại chúng, ông biết có một giống thanh long mới do Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam vừa lai tạo thành công. Thế là ông cất công đi tìm các tư liệu về giống thanh long này, rồi đi tham quan các vườn đã trồng đạt hiệu quả. Ông đã mạnh dạn chuyển đổi 1,5 ha đất ruộng sang trồng thanh long ruột đỏ. Bởi theo ông, trái thanh long ruột đỏ có giá rất cao, lại nhanh cho trái (chỉ sau 1 năm trồng), năng suất cao. Đến nay, vườn thanh long ruột đỏ của ông đã hai năm tuổi đang phát triển rất tốt và cho năng suất khoảng 4 - 5 tấn/ha, sau khi trừ chi phí còn lời khoảng 20 - 30 triệu đồng. Hiệu quả từ vườn thanh long ruột đỏ mang lại ngoài sự mong đợi của ông.

Bên cạnh sản xuất, kinh doanh nhang, trồng thanh long, ông còn kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất lúa với diện tích 3,5 ha, mang lại thu nhập cho gia đình khoảng 400 triệu đồng/năm. Từ tư tưởng dám nghĩ, dám làm, không ngại khó, ngại khổ, nỗ lực vươn lên, đến nay ông đã có cơ ngơi ổn định, các con đều thành đạt. Với những thành tích đó, năm 2010, ông được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam cử đi dự Đại hội Thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến toàn quốc lần thứ III, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2005 - 2009.

NGƯỜI NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI, TÍCH CỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI*

Cứ sau mỗi mùa thu hoạch, ông Phùng Văn Thắm ở xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre lại tự nguyện đóng cho địa phương số tiền từ 100 đến 150 triệu đồng để thực hiện công tác giảm nghèo, xây dựng cầu, đường, bê tông hóa lộ liên tổ, liên ấp đến lộ chính của xã. Ông là hội viên nông dân tiêu biểu, thực hiện tốt ba phong trào thi đua lớn của Hội, nhất là phong trào xây dựng đời sống văn hóa của địa phương thông qua phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo và làm giàu chính đáng.

Trước kia, chỉ với hai công đất chuyên trồng chôm chôm mà cha mẹ cho khi mới lập gia đình, cuộc sống của hai vợ chồng ông gặp rất nhiều khó khăn. Với ý chí tự lập vươn lên, ông Thắm quyết tâm tìm tòi, học hỏi và rút kinh nghiệm qua từng vụ để không ngừng nâng cao hiệu quả. Qua những năm chịu khó lao động, cùng với sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức Hội đã tạo cho gia đình ông có điều kiện đạt kết quả cao trong việc phát triển kinh tế, đưa cuộc sống gia đình đi

* Hội Nông dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua yêu nước 5 năm 2005-2010, phương hướng nhiệm vụ 2010-2015*, Sđd, tr. 190.

vào ổn định và ngày càng phát triển. Hiện nay, gia đình ông có 2,6 ha đất chuyên trồng chôm chôm, trong đó có 1,4 ha chôm chôm nhân đã được 12 năm tuổi, còn lại cũng đã được 5 năm tuổi. Trong năm 2009, gia đình ông đã thu được từ cây chôm chôm gần 1 tỷ đồng, sau khi trừ chi phí còn lãi trên 800 triệu đồng. Cuộc sống của gia đình ông từ nghèo khó đã vươn lên khá giả, ông đã xây dựng được cho gia đình mình một ngôi nhà khang trang với đầy đủ tiện nghi, đồng thời nuôi các con ăn học đến nơi đến chốn. Ông còn giúp đỡ những hộ nghèo có khó khăn về kinh tế như cho mượn tiền cây, con giống không tính lãi, trị giá trên 100 triệu đồng; đồng thời, để có kỹ thuật tốt đem lại hiệu quả cao trong phát triển sản xuất, ông còn hướng dẫn một số bà con nông dân áp dụng kỹ thuật. Bên cạnh đó, để giải quyết khó khăn cho các lao động thất nghiệp, ông thường xuyên thuê khoảng 10 lao động trong ấp cùng với mình chăm sóc vườn, với mức lương bình quân mỗi tháng khoảng từ 1,5 - 2 triệu đồng.

Với mô hình sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo ở địa phương, ông có điều kiện thuận lợi để tham gia tốt các mặt công tác của Hội, đặc biệt là phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa, ấp văn hóa, xã văn hóa. Ông cùng với gia đình luôn chấp hành chủ trương, đường lối

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hằng năm, ông tự nguyện đóng góp kinh phí để xây dựng giao thông nông thôn. Hiện nay, ở ấp của ông hầu hết các lộ đều được bê tông hóa, việc đi lại của nhân dân trong xóm, ấp được dễ dàng; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển hàng nông sản đến tận nơi tiêu thụ, không bị thương buôn ép giá, nhất là trong mùa mưa bão. Ông còn thường xuyên tham dự đầy đủ các cuộc họp về xây dựng gia đình văn hóa và bản thân ông cùng với Ban vận động ấp đi vận động các hộ dân trong tổ, ấp xây dựng đời sống văn hóa. Vận động trong tổ không sinh thêm con khi đã có 2 con, dù là trai hay gái. Các hộ gia đình trong xóm, ấp đều tập luyện thể dục thể thao, hạn chế bệnh tật, không có trẻ em suy dinh dưỡng, trong tổ không có người bị mù chữ, trẻ em trong độ tuổi đều được đi học, tối thiểu cũng tốt nghiệp trung học cơ sở. Gia đình ông cũng như các hộ trong tổ không có thành viên trong gia đình mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, thực hiện mô hình vườn xanh, sạch, đẹp đạt hiệu quả kinh tế cao.

Từ kết quả đạt được trong lao động sản xuất, cùng những đóng góp tích cực trong các mặt công tác của Hội Nông dân, ông đã vinh dự được nhận 2 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2008 và Bằng khen của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam năm 2009 vì đã có thành

tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Hội Nông dân phát động.

TRỒNG CHÔM CHÔM NGHỊCH VỤ THEO HƯỚNG GAP - LÀM GIÀU*

Về Chợ Lách, Bến Tre, rồi qua cầu Chợ Lách, theo quốc lộ 57 vừa hết ranh giới xã Vĩnh Bình chừng vài trăm thước, rẽ phải, ngoằn ngoèo năm lần, bảy lượt trong bờ vườn, rồi cũng đến nhà ông Võ Văn Hón, thường gọi là Sáu Hón. Hiện nay ở Chợ Lách, tên ông đã trở thành một “thương hiệu” về phương án canh tác chôm chôm đạt tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp tốt của thế giới, tức là GAP.

Chọn giống chôm chôm Java:

Ông Sáu kể: Trước khi trồng, các con tôi khuyên là trồng chôm chôm đường, tôi không nghe. Sở dĩ tôi không trồng chôm chôm đường, mà trồng chôm chôm Java là vì chôm chôm Java có vị chua hơn so với chôm chôm đường, người nước ngoài thích hơn. Mặt khác, vì chôm chôm đường khó làm và thu hoạch không đều đặn như chôm chôm Java, còn chôm chôm Java, nếu mới trồng, chưa có kinh nghiệm đầy đủ, thất thì cũng đủ ăn, trúng thì khá, còn chôm chôm đường trúng

* Nguồn: bentre.gov.vn.

thì ngon, còn bằng không thì không có trái nào. Tôi trồng từ năm 1968, nay đã được 40 năm. Giống mua từ Cái Mơn. Vùng đất Phú Phụng này mà trồng cây ăn trái có cây chôm chôm là thích nhất. Các loại cây sầu riêng, bưởi, măng cụt thì không phù hợp so với vùng Sơn Định trở xuống. Tháng 10, tháng 11 âm lịch hằng năm chôm chôm chín đổ trời.

Xử lý cây nghịch vụ:

Mùa thuận của chôm chôm là từ tháng 5, tháng 6 âm lịch, nhưng vì đụng hàng các nơi nên bà con nơi đây đa số là làm mùa nghịch, giá cao, bán dễ, lại có tiền nhiều. Ông nói: Tôi có 6,4 ha, trung bình 30 tấn/ha, hằng năm mảnh vườn của tôi cũng được 200 tấn, giá năm rồi là 20.000 đồng/kg, có năm thấp cũng 15.000 - 16.000 đồng/kg, trừ chi phí tôi cũng lời từ 400 đến 500 triệu đồng. Nếu như làm mùa thuận, nghĩa là ngoại trừ bón phân hằng năm, mình không tác động gì đến cây cả, vào giữa năm thu hoạch, thì năng suất từ 15 đến 20 tấn/ha là cùng, nhưng lại đụng hàng, giá thấp, có năm chỉ còn từ 2.000 - 3.000 đồng/kg, cao lắm là từ 9.000 - 10.000 đồng. Nếu chúng ta tác động vào, nghĩa là chúng ta phải bỏ công và của vào thêm, trung bình mỗi ha từ 8 đến 10 triệu đồng, thì giá sẽ tăng lên gấp đôi và năng suất cũng tăng lên gần gấp đôi. Tôi cam đoan là nông dân trồng chôm chôm muốn khá lên và giàu được là phải làm mùa nghịch.

Ông Sáu kể tiếp: Tôi làm mùa nghịch từ năm 1992. Các con tôi chở trái cây bán ở Trung Quốc. Tôi thấy vào tháng 9, tháng 10, các mặt hàng trái cây không còn, nên tôi suy nghĩ cho cây chôm chôm trái mùa này mới trúng giá được. Tôi thấy đặc điểm cây chôm chôm chỉ ra bông ở những đợt từ 3 đến 5 coi là non và một chu kỳ từ ra bông đến thu hoạch là 9 tháng. Vậy là từ mùa thuận chuyển sang mùa nghịch năm đầu tiên phải chịu mất 5 tháng, nghĩa là từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch. Lúc này là mình cắt cành. Đây là công đoạn đầu tiên, nói vậy nhưng thực chất là tỉa cành, tỉa những cành già, cành xấu, những cành đã cho trái mùa trước. Làm việc này có ba cái lợi: làm vệ sinh cây để ít sâu bệnh, tiết kiệm chất dinh dưỡng để nuôi nhánh và lá không cần thiết và sau cùng là ra nhiều đợt non, đồng nghĩa với có nhiều bông, nhiều trái.

Sau khi tỉa cành, thì 5 tháng sau chồi non cho ra ba tầng lá, mà dân trồng chôm chôm gọi là ba “coi”. Đến khi ra xong “coi” thứ ba thì xiết nước, nghĩa là hút hết nước trong mương vườn ra và lấy màng nylon đậy kín mặt liếp vườn, chừng 1 tháng rưỡi thì các nhánh non ra hoa. Khi thấy hoa đã nhú, thì cho nước vô từ từ, cho đến khi hoa trở ra đủ thì nước mới đầy mương. Đồng thời gỡ màng nylon trên mương vườn ra. Kỹ thuật “làm cây” đến đây là xong. Chỉ chờ đến ngày thu hoạch.

Việc bón phân và thuốc bảo vệ thực vật là yếu tố vô cùng quan trọng, phải đúng cả liều lượng, từng loại phân, từng lúc, nếu không thì vừa lãng phí, tốn tiền mà không hiệu quả, thậm chí còn gây hại cho cây, trái. Theo ông Sáu Hớn, việc bón phân có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn sau khi thu hoạch, tĩa cành thì bón phân, mỗi tháng bón một lần phân cho đến khi tược có ba “cơi” lá, chủ yếu là lân tổng hợp loại 30 lân - 20 đạm, tuyệt đối giai đoạn này không dùng kali. Giai đoạn thứ hai là từ thấy đầu tược nhú ra hoa, thì sử dụng phân urê, cứ 7 ngày một lần cho đến khi thấy hoa trở hoàn toàn. Giai đoạn sau cùng là nuôi trái, rải NPK loại 30 - 20 - 5, lần thứ hai rải NPK loại 20 - 20 - 15, lần thứ ba và lần thứ tư cũng như loại phân lần thứ hai. Ở giai đoạn này, mỗi lần rải cách nhau 17 đến 18 ngày, rồi ngưng cả phân lẫn thuốc cho đến thu hoạch. Sở dĩ sử dụng phân như vậy là vì trong thời gian tĩa cành thì cần lân để tạo rễ và cho tược lớn, khoẻ, tạo điều kiện cho ra hoa tốt. Nhưng đến khi có hoa rồi thì sử dụng urê cho hoa mập, dài và đậu trái nhiều. Đến khi đã có lượng trái thì dùng NPK. Trong thời gian nuôi trái là cho cây cứng, trái có màu đẹp, giòn và độ ngọt nhiều hơn. Tỷ lệ rải phân cũng vừa phải, theo thực tế trong thời gian qua, mỗi lần bón hai bao phân mỗi loại cho một ha. Chủ yếu là phân tổng hợp, phân dơi đất

nhưng cũng không hơn phân lân tổng hợp, phân bò nóng quá, làm ảnh hưởng đến bộ rễ non, làm cho cây kém phát triển.

Cách làm nghịch vụ chỉ có vậy. Công cũng không lớn, chủ yếu là công đoạn tỉa cành và vận chuyển trái khi thu hoạch, còn các công đoạn khác như xiết nước thì có máy bơm, bón phân và trải vải phủ thì có vài công đất nhà là làm được, không phải mướn. Muốn tránh nghịch vụ từ một đến ba tháng cũng dễ, khởi đầu là thời điểm tỉa cành sớm hay muộn hơn, thì thu hoạch sẽ khác nhau. Thực tế trên 6,4 ha đất của ông, để cho việc các con ông vận chuyển trái cây đi bán ở Trung Quốc không bị động, ông chia làm ba phần, một phần tỉa cành trong tháng 10, một phần tỉa cành trong tháng 11 và phần còn lại tỉa cành trong tháng 12. Sau một năm, ông thu hoạch tuần tự như thời điểm trên, giá cao mà không đụng hàng, có bao nhiêu bán cũng hết. Bà con trong xóm, nay đã lan ra cả huyện Chợ Lách.

Áp dụng phương pháp canh tác mới:

Không dừng lại ở việc trồng cây nghịch vụ, ông Sáu Hớn gần đây còn áp dụng phương pháp canh tác mới. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cũng phải có liều lượng, chủ yếu là “đuổi” sâu rầy ở giai đoạn cây mọc tược non, ra hoa và trái còn nhỏ, phần thời gian còn lại không nên sử dụng thuốc, tuyệt đối không sử dụng thuốc 1 tháng rưỡi

trước khi thu hoạch, nghĩa là khi trái đã già đến khi thu hoạch.

Trong vườn phải sạch sẽ, không để có nhiều rác, bao nylon, kể cả chai thuốc vứt vung vãi. Đồng thời, còn phải có nhà vệ sinh, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, đi vườn phải rửa tay, khi vào vườn phải mang ủng và bước qua vũng nước vôi bột để khử trùng. Khi mướn lao động phải có hợp đồng lao động. Rườm rà thật, nhưng có cái được là bảo đảm an toàn thực phẩm. Ông Sáu Hớn nói: Tôi nói với bà con rằng, đây là mình làm việc với nước ngoài, mình phải giữ kỹ, vì nếu không họ trả hàng về, lỗ sạt nghiệp mà còn mất đi uy tín, lần sau không thể làm ăn với người ta được. Theo ông Sáu Hớn, “thương hiệu” của một loại trái cây là vậy.

Áp dụng phương pháp canh tác mới, tính ra không phải làm tăng thêm chi phí, mà khó khăn hiện nay chính là ở chỗ thay đổi tập quán, thói quen đã ăn sâu trong mỗi con người. Lợi ích nhiều lắm. Trước mắt là thu nhập, nhưng về lâu về dài là cung cách làm ăn, là uy tín từ chất lượng. Bởi, hai yếu tố sau không thể có được ngày một ngày hai. Thực chất, hàng hóa có thương hiệu một phần nhỏ là do quảng cáo, nhưng phần lớn và giữ được lâu bền chính là do chất lượng của hàng hóa đó quy định.

Lê Quang

KẾT HỢP SẢN XUẤT VỚI DU LỊCH SINH THÁI

Đó là mô hình trang trại đa canh trồng trọt và chăn nuôi của anh Trần Thái ở xã Tây Phú (thường gọi là trang trại anh Bảy Thái) nằm kề Khu Du lịch sinh thái Hàm Hồ, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Mới đây, tiếp chuyện chúng tôi trong một dịp lớp sơ cấp nghề trồng trọt của huyện Vĩnh Thạnh (25 người) đến liên hệ tham quan học tập thực tiễn sản xuất kinh tế trang trại, do Trung tâm dạy nghề huyện Tây Sơn tổ chức, anh Thái cho biết: Gia đình tôi bắt đầu làm trang trại từ năm 1982, nhưng 10 năm đầu không đem lại kết quả, vì lúc đó kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi chưa được phổ biến rộng, nhiều hộ gia đình thử nghiệm làm kinh tế trang trại như gia đình tôi, nhưng chưa có kiến thức tổ chức quản lý trang trại, Nhà nước cũng chưa có chính sách cụ thể về kinh tế trang trại. Từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VII) và sau khi Luật đất đai năm 1993 ra đời, khi mà kinh tế hộ nông dân được khẳng định là đơn vị kinh tế chủ yếu, nông dân được sử dụng đất đai ổn định, lâu dài, có 5 quyền sử dụng đất và được sở hữu các tư liệu sản xuất khác, được tự do kinh doanh trong việc mua vật tư, tiêu thụ

sản phẩm... và rút kinh nghiệm trong thất bại, rồi tự học hỏi qua tài liệu, sách báo, qua các phương tiện thông tin đại chúng, đi tham quan thực tế nhiều nơi trong và ngoài tỉnh, từ đó gia đình tôi bắt đầu xây dựng lại trang trại của mình theo phương thức lấy ngắn nuôi dài, theo quy trình đó trang trại của tôi đến nay đã ổn định và phát triển. Là trang trại đa canh với đặc điểm gần kề đập nước Hàm Hô trước đây, bốn phía đều có nước tưới do hai nhánh sông Đồng Hưu và Lập Đồng bao quanh, nên tôi tổ chức sản xuất cây ăn quả, chủ lực là chanh giấy (5 ha), chủ lực thứ hai là cây lấy gỗ (huỳnh đàn, xoan ta), trồng xen cây trồng phụ như mè, chuối tiêu, mít Thái Lan (1 ha), trồng lúa (0,25 ha), trồng tre Điền trúc lấy măng (1.200 bụi), dó bầu (100 cây), đất lâm nghiệp trồng rừng (45 ha), ngoài ra còn nuôi 5 con bò lai sinh sản, 500 con gà thả vườn. Nhờ sản xuất trang trại có kết quả nên gia đình tôi đã thoát khỏi nghèo khó, có điều kiện nuôi dưỡng mẹ già và cho con, cháu đi học 6 đứa từ cao đẳng đến đại học. Thu nhập bình quân một năm của gia đình từ các nguồn thu lớn nhỏ hơn 300 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi ròng hơn 160 triệu đồng. Trong khi làm ăn có kết quả, gia đình tôi đã tạo điều kiện giúp đỡ về vốn và đất đai, hướng dẫn kỹ thuật cho 7 hộ nông dân ở địa phương cùng làm trang trại và có thu nhập khá quan. Gia đình tôi có 6 nhân khẩu, 2 lao động

chính, nhưng chủ yếu là làm công việc quản lý lao động, hướng dẫn kỹ thuật trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao động trực tiếp trong trang trại thường xuyên có 8 người, lao động nữ 3 người chuyên làm cỏ cây trồng, thu hoạch cây ăn quả, chăm sóc gia súc, gia cầm, nấu ăn và làm một số công việc phụ khác. Lao động nam có 5 người, khi mới sản xuất chuyên khai hoang, sau này chuyên chăm sóc các loại cây trồng, tưới nước, bón phân, bơm thuốc bảo vệ thực vật và bảo quản đường sá đi lại, cầu cống, các công trình phục vụ sản xuất của trang trại. Lúc thời vụ cao điểm thì gia đình thuê thêm lao động. Công lao động nam, nữ được tính theo giá cả thời điểm thị trường.

Theo tìm hiểu, chúng tôi được biết với lợi thế gần Khu Du lịch sinh thái Hàm Hồ, trang trại của anh Thái được nhiều đoàn gần xa trong và ngoài tỉnh đến tham quan mô hình sản xuất và kết hợp với du lịch thư giãn sau những ngày lao động vất vả. Anh Thái Ngọc Vinh, một khách du lịch sau một lần đến tham quan mô hình, rất thán phục công sức của gia đình anh Thái xây dựng trang trại và ăn nên làm ra, từ cách bố trí lối đi, bố trí các khu vực sản xuất, nhà ở sinh hoạt đến xây dựng các cây cầu, các công trình phục vụ sản xuất của trang trại trên một diện tích canh tác mà trước đây đá sỏi, cây bụi nhiều hơn đất, với

thời gian gần 30 năm miệt mài “cày đất lật cỏ” để có được một cơ ngơi trang trại ngày hôm nay như gia đình anh Thái thì dễ có mấy ai làm được.

Đào Minh Trung

Phần thứ hai

HỎI - ĐÁP VỀ NGHỀ NÔNG

I- VỀ SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP

Câu hỏi 1: VietGAP cho rau, hoa quả tươi Việt Nam là gì? Được áp dụng với đối tượng nào?

Trả lời:

Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN, ngày 28-01-2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn, theo đó quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi của Việt Nam (gọi tắt là VietGAP: Vietnamese Good Agricultural Practices) là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người

tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này áp dụng để sản xuất rau, quả tươi an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy cơ ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm rau, quả, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội của người lao động trong sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch.

2. Đối tượng áp dụng: VietGAP áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia sản xuất kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận sản phẩm rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam, nhằm:

2.1. Tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất và quản lý an toàn thực phẩm.

2.2. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất và được chứng nhận VietGAP.

2.3. Đảm bảo tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc của sản phẩm.

2.4. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cho sản xuất rau, quả tại Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân sản xuất theo mô hình kinh tế trang trại tham gia sản xuất kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận sản phẩm rau, quả an toàn theo VietGAP.

Câu hỏi 2: Để tổ chức sản xuất rau, hoa quả tươi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn cần phải có những điều kiện gì?

Trả lời:

Các điều kiện cần phải có như sau:

1. Vùng sản xuất;
2. Giống và gốc ghép;
3. Đất và giá thể;
4. Phân bón và chất phụ gia;
5. Nước tưới;
6. Hóa chất (bao gồm cả thuốc bảo vệ thực vật);
7. Nhà xưởng phục vụ cho thu hoạch và xử lý sau thu hoạch;
8. Khu vực quản lý và xử lý chất thải;
9. Người lao động;
10. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.

Tất cả những yếu tố trên phải đảm bảo theo Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN, ngày 28-01-2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn.

Câu hỏi 3: VietGAHP cho chăn nuôi Việt Nam là gì? Được áp dụng đối với đối tượng nào?

Trả lời:

Quyết định số 1504/QĐ-BNN-KHCN, ngày

28-01-2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt áp dụng cho ngành chăn nuôi an toàn, theo đó quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

Thực hành chăn nuôi tốt (gọi tắt là VietGAHP: Vietnamese Good Animal Husbandry Practices) là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi, nhằm đảm bảo gia cầm được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

Đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này khuyến khích áp dụng để chăn nuôi gia cầm an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm gia cầm, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.

2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước tham gia sản xuất kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận chăn nuôi gia cầm trên lãnh thổ Việt Nam nhằm:

2.1. Đảm bảo sản xuất thịt và các sản phẩm gia cầm đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm:

Không tồn dư chất độc hại và vi sinh vật quá ngưỡng cho phép.

2.2. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong sản xuất và quản lý an toàn thực phẩm.

2.3. Tạo điều kiện để các trang trại chăn nuôi gia cầm thực hiện sản xuất và được chứng nhận VietGAHP.

2.4. Đảm bảo tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm.

2.5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cho chăn nuôi gia cầm tại Việt Nam.

Câu hỏi 4: Để tổ chức sản xuất chăn nuôi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt áp dụng cho ngành chăn nuôi an toàn cần phải có những điều kiện gì?

Trả lời:

Các điều kiện cần phải có như sau:

1. Địa điểm;
2. Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi;
3. Con giống và quản lý giống;
4. Nguyên liệu/thức ăn, nước uống và nước vệ sinh;
5. Quản lý đàn gia cầm;
6. Thuốc thú y;
7. Khu vực chất thải và bảo vệ môi trường;
8. Người lao động;

9. Ghi chép lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.

Tất cả những yếu tố trên phải đảm bảo theo Quyết định số 1504/QĐ-BNN-KHCN, ngày 28-01-2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt áp dụng cho ngành chăn nuôi an toàn.

Câu hỏi 5: Cơ quan tư vấn quy trình VietGAP ở đâu? Cơ quan chứng nhận VietGAP là cơ quan nào?

Trả lời:

Khi cần xây dựng quy trình và chứng nhận VietGAP trong sản xuất nông nghiệp thì liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để được giới thiệu.

II- VỀ CHÍNH SÁCH MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Câu hỏi 6: Đối tượng nào được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp?

Trả lời:

Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23-3-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị

quyết số 55/2010/QH12 ngày 24-11-2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và Điều 1 Thông tư số 120/2011/TT-BTC ngày 16-8-2011 của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

Diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm bao gồm diện tích đất có quy hoạch, kế hoạch trồng ít nhất một vụ lúa trong năm hoặc diện tích đất có quy hoạch, kế hoạch trồng cây hàng năm nhưng thực tế có trồng ít nhất một vụ lúa trong năm.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận cho hộ nghèo.

Việc xác định hộ nghèo được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Đối với giai đoạn 2011-2015 xác định hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 9/2011/QĐ-TTg ngày 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo cho giai đoạn 2011-2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy định cụ thể chuẩn

hộ nghèo theo quy định của pháp luật áp dụng tại địa phương thì căn cứ vào chuẩn hộ nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định để xác định hộ nghèo.

3. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao hoặc công nhận đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

Hộ gia đình, cá nhân nông dân bao gồm: những người có hộ khẩu thường trú tại địa phương; những người có nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận là cư trú lâu dài tại địa phương nhưng chưa có hộ khẩu thường trú; những hộ gia đình, cá nhân trước đây hoạt động trong các ngành nghề phi nông nghiệp và có hộ khẩu thường trú tại địa phương nay không có việc làm; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, công nhân và bộ đội nghỉ mất sức hoặc nghỉ việc do sắp xếp lại sản xuất, tinh giản biên chế hưởng trợ cấp một lần hoặc hưởng trợ cấp một số năm về sống thường trú tại địa phương; con của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân sống tại địa phương đến tuổi lao động nhưng chưa có việc làm.

b) Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Việc giao khoán đất của hợp tác xã và nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 8-11-2005 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nông trường viên, lâm trường viên bao gồm: cán bộ, công nhân, viên chức đang làm việc cho nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh; hộ gia đình có người đang làm việc cho nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, được hưởng chế độ đang cư trú trên địa bàn; hộ gia đình có nhu cầu trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đang cư trú trên địa bàn.

d) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền sử dụng đất nông nghiệp góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của *Luật hợp tác xã*.

Câu hỏi 7: Đối tượng nào được giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp?

Trả lời:

Đối tượng được giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23-3-2011 của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 120/2011/TT-BTC, ngày 16-8-2011 của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP.

Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2. Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác được quy định như sau:

a) Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,

tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

b) Đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của *Luật đất đai*. Trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hằng năm đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

III- VỀ VIỆC HỖ TRỢ LÃI SUẤT VỐN VAY MUA MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Câu hỏi 8: Các loại hàng hóa máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp nào được hỗ trợ lãi suất?

Trả lời:

Điều 3 Quyết định số 497/QĐ-TTg, ngày

17-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thì hàng hóa sản xuất trong nước được hỗ trợ lãi suất gồm các loại sau đây:

1. Sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất và chế biến nông nghiệp:

a) Các loại động cơ đốt trong: động cơ nhỏ dưới 30 CV, động cơ thủy dưới 80 CV.

b) Máy gặt đập liên hợp.

c) Máy kéo, máy cày, máy xới, máy làm đất.

d) Máy gặt, máy tuốt lúa, máy sấy nông sản, máy xát lúa gạo, máy bơm nước, máy phát điện, máy vò chè, máy tẽ ngô, máy gieo hạt.

đ) Máy sục khí ôxy nuôi thủy sản, các loại ghe xuồng có gắn động cơ.

e) Máy cắt cỏ, băm cỏ, máy nghiền, trộn, đóng viên, đóng bánh thức ăn cho gia súc, gia cầm, máy vắt sữa, máy ấp, nở gia cầm.

g) Xe tải nhẹ.

h) Máy vi tính để bàn.

2. Vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp:

a) Phân bón hóa học các loại.

b) Thuốc bảo vệ thực vật.

3. Các loại vật liệu xây dựng chủ yếu để làm nhà ở khu vực nông thôn.

Câu hỏi 9: Mức tiền cho vay tối đa, mức lãi suất hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ lãi suất được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 5 Quyết định số 497/QĐ-TTg, ngày 17-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thì mức tiền cho vay tối đa, mức lãi suất hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ lãi suất như sau:

1. Mức tiền vay tối đa và mức lãi suất được hỗ trợ:

a) Đối với các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy vi tính: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa (riêng đối với máy vi tính, mức tiền vay tối đa không quá 5 triệu đồng/chiếc) và được hỗ trợ 100% lãi suất vay.

b) Đối với các sản phẩm vật tư nông nghiệp: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa nhưng không vượt quá 7 triệu đồng/ha và được hỗ trợ 4% lãi suất vay.

c) Đối với vật liệu xây dựng các loại để làm nhà ở: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa nhưng không vượt quá 50 triệu đồng và được hỗ trợ 4% lãi suất vay.

2. Thời hạn hỗ trợ lãi suất:

Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết, giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 1-5-2009 đến ngày 31-12-2009 của các tổ chức, cá nhân đối với:

a) Các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy vi tính: thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng.

b) Các sản phẩm vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng các loại để làm nhà ở: thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 12 tháng.

IV- VỀ QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

Câu hỏi 10: Căn cứ pháp lý nào quy định Hội Nông dân được làm dịch vụ ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác?

Trả lời:

Điều 5 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04-10-2002 của Chính phủ quy định: “Việc cho vay Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến người vay”.

Việc cho vay đối với hộ nghèo căn cứ vào kết quả bình xét của tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết

kiệm và vay vốn là tổ chức do các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã, được ủy ban nhân dân xã chấp thuận bằng văn bản. Hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn.

Từ căn cứ trên, ngày 15-4-2003, Hội Nông dân Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội đã ký Văn bản liên tịch số 235/VBLT về việc tổ chức thực hiện ủy thác cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn. Phương thức ủy thác mà hai ngành thống nhất thực hiện là phương thức ủy thác từng phần.

Câu hỏi 11: Việc cho vay theo phương thức ủy thác từng phần của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho Hội Nông dân Việt Nam thực hiện 6 công đoạn trong quy trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, đó là:

1. Thông báo và phổ biến các chính sách tín dụng có ưu đãi của Chính phủ đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, chỉ đạo tổ chức họp các đối tượng thuộc diện thụ hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi có nhu cầu vay vốn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức họp tổ để kết nạp thành viên vào tổ, bầu ban quản lý tổ, xây dựng quy ước hoạt động của tổ, bình xét công khai các hộ có nhu cầu xin vay vốn và đủ điều kiện vay vốn đưa vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, đề nghị Ngân hàng cho vay (theo Mẫu số 03/TD).

Nhận và thông báo kết quả phê duyệt danh sách hộ gia đình được vay vốn cho tổ tiết kiệm và vay vốn để tổ tiết kiệm và vay vốn thông báo đến từng hộ gia đình được vay vốn. Cùng tổ tiết kiệm và vay vốn chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của người vay tại các điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Phối hợp với ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, đôn đốc người vay trả nợ gốc, lãi theo định kỳ đã thỏa thuận, thông báo kịp thời cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay về các trường hợp sử dụng vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chết, mất tích...) và rủi ro do nguyên nhân chủ quan như: sử dụng vốn sai mục đích, người vay trốn,... để có biện pháp xử lý thích hợp, kịp thời.

4. Đôn đốc ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện hợp đồng ủy nhiệm đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội, chỉ đạo và giám

sát ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn trong các việc sau:

- Đôn đốc các tổ viên đem tiền đến điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội để trả nợ gốc theo kế hoạch trả nợ đã thỏa thuận.

- Thực hiện việc thu lãi, tiết kiệm (đối với các tổ tiết kiệm và vay vốn được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm thu) hoặc đôn đốc các tổ viên đem tiền đến điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội để trả lãi, gửi tiền tiết kiệm (nếu có) theo định kỳ đã thỏa thuận (đối với các tổ tiết kiệm và vay vốn không được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm thu).

- Định kỳ hàng năm (vào đầu tháng 1) phối hợp cùng Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện tiến hành đánh giá hoạt động của từng tổ để xếp loại tổ theo tiêu chí, những tổ yếu kém không còn khả năng hoạt động thì tổ chức sáp nhập, giải thể tổ theo quy định.

5. Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra quá trình sử dụng vốn của người vay (theo Mẫu số 06/TD); đối chiếu dư nợ tiền vay (theo Mẫu số 15/TD); kiểm tra hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn (theo Mẫu số 16/TD) và của tổ chức hội cấp dưới thuộc phạm vi quản lý định kỳ hoặc đột xuất. Phối hợp cùng Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ì, nợ quá hạn và hướng dẫn hộ vay lập hồ

sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

6. Phối hợp với các cơ quan chức năng để phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách có liên quan đến tín dụng ưu đãi đến cán bộ, hội viên, nông dân; làm tốt công tác khuyến nông giúp người nghèo và các đối tượng chính sách khác sử dụng vốn có hiệu quả. Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ ủy thác cho cán bộ tổ chức hội, ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn để hoàn thành các công việc ủy thác cho vay.

Toàn bộ 6 công đoạn trên đây thì Hội Nông dân cấp xã phải thực hiện tất cả 6 công đoạn (từ công đoạn 1 đến công đoạn 6), tổ chức hội cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện 2 công đoạn (công đoạn 5 và công đoạn 6).

Câu hỏi 12: Để tổ chức thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác đạt kết quả tốt, Hội Nông dân cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện phải làm gì?

Trả lời:

Để tổ chức thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác, Hội Nông dân cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện phải làm tốt các công việc sau:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể

(dài hạn và ngắn hạn) để tổ chức thực hiện tốt các nội dung liên tịch và ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách và bộ phận chuyên trách theo dõi, thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Mở sổ sách theo dõi kết quả hoạt động ủy thác và thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo (với Hội cấp trên và Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp).

3. Chỉ đạo Hội Nông dân xã thực hiện tốt hợp đồng ủy thác đã ký với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

4. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ vay ưu đãi của Nhà nước và quy định cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; kịp thời nêu gương và nhân rộng những tập thể và cá nhân làm tốt công tác ủy thác, các hộ vay sử dụng vốn có hiệu quả...

5. Chủ động hoặc phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngành chức năng tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ hội, cán bộ tổ tiết kiệm và vay vốn; tổ chức tập huấn, dạy nghề, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh... giúp các hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, đạt hiệu quả.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ủy thác của Hội cấp dưới. Chỉ đạo

hoặc cùng đôn đốc tổ chức hội cấp dưới xử lý kịp thời những sai phạm xảy ra như việc chiếm dụng, xâm tiêu tiền gốc, lãi của cán bộ hội, cán bộ tổ tiết kiệm và vay vốn; hộ vay sử dụng vốn sai mục đích hoặc cố tình dây dưa trong việc trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội... Hằng năm, phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động ủy thác, trong đó:

- Trung ương Hội tổ chức kiểm tra ít nhất 40% Hội Nông dân cấp tỉnh.

- Hội Nông dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra Hội Nông dân cấp huyện miền núi ít nhất một năm một lần và kiểm tra huyện đồng bằng ít nhất một năm hai lần.

- Hội Nông dân cấp huyện tổ chức kiểm tra 100% Hội Nông dân cấp xã ít nhất hai lần trong năm và kiểm tra 25 - 30% số tổ tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn huyện.

- Kết quả kiểm tra, giám sát phải được lập thành văn bản gửi cho Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp và Hội cấp trên để theo dõi và phối hợp khi cần thiết.

7. Thường xuyên phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp nắm bắt tình hình, thông tin, kết quả thực hiện và xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

8. Cung cấp, phản ánh với Ngân hàng Chính sách xã hội về nguyện vọng của hội viên, nông dân có liên quan đến việc vay vốn của Ngân hàng

Chính sách xã hội và đề xuất cải tiến thủ tục, quy trình cho vay (nếu có).

9. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Câu hỏi 13: Trách nhiệm của Hội Nông dân xã trong tổ chức thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác?

Trả lời:

Hội Nông dân cấp xã là cấp trực tiếp ký hợp đồng ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với Ngân hàng Chính sách xã hội. Để thực hiện tốt hợp đồng đã ký, Hội Nông dân cấp xã có trách nhiệm sau:

1. Phân công ít nhất 01 đồng chí trong Ban Thường vụ Hội Nông dân xã trực tiếp theo dõi việc thực hiện hợp đồng ủy thác. Các ủy viên Ban Thường vụ Hội Nông dân xã không được trực tiếp làm tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn.

2. Tổ chức họp các đối tượng thuộc diện được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội để thông báo và phổ biến các chính sách tín dụng có ưu đãi của Chính phủ, hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn.

3. Chỉ đạo ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức họp tổ, duy trì sinh hoạt tổ theo quy

ước hoạt động, bình xét các hộ vay vốn công khai, minh bạch.

4. Giới thiệu những tổ tiết kiệm và vay vốn đủ điều kiện để ký hợp đồng ủy nhiệm với Ngân hàng Chính sách xã hội về thu lãi, thu tiết kiệm.

5. Nhận thông báo phê duyệt cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và thông báo kịp thời đến tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn. Tham gia chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm tại điểm giao dịch tại xã. Tổ chức họp giao ban với các tổ tiết kiệm và vay vốn ngay sau khi kết thúc phiên giao dịch.

6. Hướng dẫn các tổ tiết kiệm và vay vốn ghi chép, lưu giữ hồ sơ hoạt động của các tổ theo đúng quy định; đồng thời phải mở sổ sách theo dõi hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn và quản lý số nợ dư ủy thác thuộc Hội Nông dân.

7. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn trên các mặt: thực hiện quy ước hoạt động; bình xét cho vay; công tác kiểm tra, giám sát hộ vay sử dụng vốn; thực hiện thu lãi, thu tiết kiệm (đối với những tổ được ủy nhiệm thu); việc quản lý hồ sơ, sổ sách theo dõi của tổ... Định kỳ hoặc đột xuất Ban Thường vụ Hội Nông dân xã kiểm tra trực tiếp các hộ vay vốn.

8. Quản lý hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn trực thuộc, ngăn chặn và xử lý kịp thời hiện tượng cán bộ hội, cán bộ tổ tiết kiệm và vay vốn lợi dụng việc làm ủy thác chiếm dụng, xâm tiêu

tiền của người vay (tiền gốc, lãi, tiết kiệm), chi phí dịch vụ và hoa hồng; người vay sử dụng vốn sai mục đích hoặc cố tình dây dưa trong việc trả nợ (gốc và lãi)...

9. Tổ chức hoạt động nâng cao kiến thức, kinh nghiệm sản xuất cho hộ nghèo, giúp hộ nghèo sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

10. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ do Hội cấp trên hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức; chủ động mời cán bộ ngân hàng tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ cho ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn.

11. Hàng năm (vào đầu tháng 1) phải phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện đánh giá, phân loại tổ tiết kiệm và vay vốn để kịp thời củng cố tổ yếu kém và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn.

12. Lập báo cáo gửi Hội cấp trên theo quy định. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Câu hỏi 14: Việc phân loại tổ tiết kiệm và vay vốn hàng năm căn cứ vào những tiêu chí nào?

Trả lời:

Việc phân loại tổ tiết kiệm và vay vốn căn cứ theo những tiêu chí sau:

- *Tổ xếp loại tốt*: Hoàn thành các nội dung công việc đã ký trên hợp đồng ủy nhiệm, trong đó: nợ nghi ngờ (nợ quá hạn trước đây) đến 5%, tỷ lệ thu lãi bình quân/tháng từ 95% trở lên, không có nợ (gốc, lãi) bị tham ô chiếm dụng.

- *Tổ xếp loại khá*: Hoàn thành các nội dung công việc đã ký trên hợp đồng ủy nhiệm, trong đó: nợ nghi ngờ (nợ quá hạn trước đây) từ 5% đến 7%, tỷ lệ thu lãi bình quân/tháng từ 80% đến 94% trở lên, không có nợ (gốc, lãi) bị tham ô chiếm dụng.

- *Tổ xếp loại trung bình*: Hoàn thành các nội dung công việc đã ký trên hợp đồng ủy nhiệm, trong đó: nợ nghi ngờ (nợ quá hạn trước đây) từ 7% đến 10%, tỷ lệ thu lãi bình quân/tháng từ 69% đến 79% trở lên, không có nợ (gốc, lãi) bị tham ô chiếm dụng.

- *Tổ xếp loại yếu, kém*: Tổ tiết kiệm và vay vốn không xếp vào các loại trên thì là tổ yếu kém.

Câu hỏi 15: Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả phí dịch vụ ủy thác cho Hội Nông dân và hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn theo cơ chế nào?

Trả lời:

1. Cơ chế trả phí dịch vụ ủy thác cho các cấp hội:

- Ngân hàng Chính sách xã hội trả phí ủy thác cho Hội Nông dân căn cứ vào mức phí dịch

vụ ủy thác được thỏa thuận giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; kết quả thu lãi và tỷ lệ phí dịch vụ ủy thác theo chất lượng dư nợ.

- Tiền phí dịch vụ ủy thác Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả cho Hội Nông dân được tính theo công thức:

$$\text{Tiền phí ủy thác} = \frac{\text{Mức phí dịch vụ ủy thác}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu} \times \text{Tỷ lệ phí ủy thác theo chất lượng dư nợ}$$

Trong đó:

+ Mức phí dịch vụ ủy thác từ ngày 1-7-2009 là 0,045%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi.

+ Lãi suất cho vay là lãi suất trong hạn (theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình cho vay).

+ Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi Ngân hàng Chính sách xã hội thu được tương ứng với từng mức lãi suất cho vay.

+ Tỷ lệ phí ủy thác theo chất lượng dư nợ, cụ thể:

Trường hợp 1: Dư nợ Hội Nông dân nhận ủy thác có tỷ lệ nợ quá hạn đến 5% thì Hội được hưởng 100% mức phí dịch vụ ủy thác.

Trường hợp 2: Dư nợ Hội Nông dân nhận ủy thác có tỷ lệ nợ quá hạn từ 5% đến 7% thì Hội được hưởng 80% mức phí dịch vụ ủy thác.

Trường hợp 3: Dư nợ Hội Nông dân nhận ủy thác có tỷ lệ nợ quá hạn từ 7% đến 10% thì Hội được hưởng 50% mức phí dịch vụ ủy thác.

Trường hợp 4: Dư nợ Hội Nông dân nhận ủy thác có tỷ lệ nợ quá hạn trên 10% thì Hội không được hưởng phí dịch vụ ủy thác.

2. Cơ chế chi trả hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn:

Tiền hoa hồng tổ tiết kiệm và vay vốn được hưởng theo kết quả thu lãi thực tế của từng tổ viên trong tổ.

Hiện nay, Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn không được ủy nhiệm thu lãi 0,075%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi; tổ được ủy nhiệm thu lãi là 0,085%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi.

Phương pháp tính hoa hồng cụ thể theo công thức sau:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Mức phí dịch vụ ủy thác}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trong đó: Lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng chương trình cho vay.

Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi Ngân hàng Chính sách xã hội thu được tương ứng với lãi suất cho vay.

Câu hỏi 16: Hiện nay việc phân bổ mức hưởng phí dịch vụ ủy thác được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc phân bổ mức phí ủy thác cho các cấp hội được thực hiện theo Văn bản thỏa thuận số 664/VBTT ngày 30-3-2009 giữa Hội Nông dân Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội. Mức phí dịch vụ ủy thác 0,045% được coi là 100% mỗi cấp hội sẽ được hưởng như sau:

- Hội Nông dân cấp xã là 84%.
- Hội Nông dân cấp huyện là 8%.
- Hội Nông dân cấp tỉnh là 5%.
- Trung ương Hội là 3%.

Câu hỏi 17: Phí dịch vụ ủy thác do Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả Hội Nông dân được quản lý và sử dụng như thế nào?

Trả lời:

1. Phí dịch vụ ủy thác do Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả các cấp Hội Nông dân Việt Nam là tài chính của Hội. Hoạt động thu, chi phí ủy thác đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Trung ương Hội và sự quản lý, điều hành của Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp.

2. Phí dịch vụ ủy thác của Hội được sử dụng trên tinh thần thiết thực, hiệu quả, công khai. Việc thu, chi phí ủy thác phải được theo dõi và

quyết toán hằng năm theo quy định chung về quản lý tài chính và hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Phí dịch vụ ủy thác được sử dụng cho những nội dung sau:

- Chi cho công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện và quản lý: tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, hội thảo, tuyên truyền, hướng dẫn, tham quan trao đổi kinh nghiệm; phụ cấp cho cán bộ hội được phân công trực tiếp quản lý, chỉ đạo phụ trách công tác ủy thác; chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong chỉ đạo thực hiện ủy thác; mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác chỉ đạo, theo dõi...

- Chi hỗ trợ các hoạt động của Hội và phong trào nông dân.

Căn cứ hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và kết quả thực hiện ở từng đơn vị, Ban Thường vụ các cấp hội xây dựng quy chế quản lý và sử dụng phí ủy thác của cấp mình, đơn vị mình.

Câu hỏi 18: Hoa hồng dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả tổ tiết kiệm và vay vốn được quản lý và sử dụng như thế nào?

Trả lời:

Hoa hồng do Ngân hàng Chính sách xã hội

chi trả tổ tiết kiệm và vay vốn là tài chính của tổ tiết kiệm và vay vốn. Việc quản lý, sử dụng hoa hồng của tổ do tổ quyết định trên cơ sở hướng dẫn chung của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Hoa hồng của tổ tiết kiệm và vay vốn chủ yếu được sử dụng để chi phụ cấp cho ban quản lý tổ và tổ trưởng, phần còn lại được sử dụng chung cho hoạt động của tổ.

Tổ có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi, ghi chép đầy đủ hoạt động thu, chi hoa hồng của tổ và thực hiện công khai tài chính theo định kỳ.

Câu hỏi 19: Hiện nay Hội Nông dân Việt Nam đã nhận ủy thác cho vay bao nhiêu chương trình tín dụng chính sách?

Trả lời:

Đến tháng 10-2009, Hội Nông dân Việt Nam đã nhận ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội 11 chương trình tín dụng là:

- Chương trình cho vay hộ nghèo.
- Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
- Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường.
- Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.
- Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn (mức vay đến 30 triệu đồng/hộ).

- Cho vay giải quyết việc làm.
- Cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.
- Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.
- Cho vay làm nhà trả chậm.
- Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010.
- Các dự án nhỏ (lâm nghiệp, CNMT, RIPD, IAFT, CWPD...).

V- VỀ TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN

Câu hỏi 20: Việc thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn nhằm mục đích gì?

Trả lời:

- Tổ tiết kiệm và vay vốn được thành lập nhằm mục đích: Tập hợp các hộ nghèo và đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống; cùng tương trợ giúp nhau trong sản xuất và đời sống; cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc vay vốn và trả nợ Ngân hàng.

- Các tổ viên trong tổ giúp đỡ nhau, từng bước có thói quen dành tiết kiệm để tạo lập nguồn vốn tự có và quen dần với sản xuất hàng hóa, hoạt động dịch vụ và tài chính.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ viên trong việc vay vốn và trả nợ ngân hàng.

Câu hỏi 21: Trình tự thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn?

Trả lời:

Trình tự thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn, gồm bốn bước:

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban xóa đói, giảm nghèo cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã giải thích, vận động người vay gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ chức chính trị - xã hội đứng ra thành lập tổ, lập danh sách tổ viên, xây dựng quy ước hoạt động của tổ.

Bước 2: Tổ chức họp tổ để:

- Thông qua danh sách tổ viên.
- Thông qua quy ước hoạt động của tổ.
- Bầu ban quản lý tổ. Tùy theo số lượng tổ viên mà ban quản lý tổ có từ 1 đến 3 người (đối với những tổ có từ 15 tổ viên trở xuống không thành lập ban quản lý tổ mà chỉ có một người làm tổ trưởng, đối với những tổ có trên 15 thành viên thì bầu ban quản lý tổ có từ 2 đến 3 người).
- Cuộc họp thành lập tổ phải được lập biên bản để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận cho phép hoạt động.

Bước 3: Khi tổ được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận cho phép hoạt động phải thông báo cho ngân hàng bằng cách gửi 01 biên bản thành lập tổ (theo Mẫu 10/TD).

Bước 4: Ngân hàng Chính sách xã hội và tổ

tiết kiệm và vay vốn ký hợp đồng ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm (Mẫu số 11/TD) đối với những tổ có tín nhiệm với ngân hàng và được các thành viên trong tổ nhất trí.

Câu hỏi 22: Điều kiện thành lập và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn?

Trả lời:

Điều kiện thành lập và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn như sau:

- Có tối thiểu 5 thành viên và tối đa 50 thành viên cư trú trên cùng một địa bàn thôn, ấp, bản, làng, xã, phường, thị trấn.
- Có quy ước nêu rõ nội dung hoạt động của tổ.
- Việc thành lập tổ và nội dung quy ước hoạt động của tổ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận.

Câu hỏi 23: Quy ước hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn gồm những nội dung gì?

Trả lời:

1. Tổ trưởng là người đại diện cho tổ tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của tổ.
2. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh.

3. Gửi tiền tiết kiệm hàng tháng/quý (có quy định cụ thể mức tối thiểu cho 01 thành viên tùy theo tổ quyết định).

4. Tất cả các thành viên tham gia sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thỏa thuận.

5. Mỗi thành viên của tổ cam kết cùng cộng đồng trách nhiệm, nếu trong tổ có thành viên gặp khó khăn, rủi ro trong quá trình sử dụng vốn vay, khi đến hạn không trả được nợ, các thành viên khác có trách nhiệm giúp đỡ để trả nợ gốc và lãi tiền vay kịp thời như đã cam kết với ngân hàng.

6. Nếu tổ được ngân hàng tín nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm của các thành viên thì toàn bộ các thành viên trong tổ hoàn toàn nhất trí để tổ trưởng thu lãi, thu tiết kiệm nộp ngân hàng.

7. Các thành viên tương trợ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trao đổi kinh nghiệm sản xuất kinh doanh; cùng nhau cam kết thực hiện đúng quy ước này và chấp hành các quy định của ngân hàng.

Câu hỏi 24: Tổ tiết kiệm và vay vốn do ai thành lập? Thành viên của tổ gồm những người như thế nào?

Trả lời:

Tổ tiết kiệm và vay vốn do các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (hiện nay có bốn tổ

chức là: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) thành lập theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội. Tổ tiết kiệm và vay vốn hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết tương trợ và cùng có lợi.

Thành viên trong tổ là những người nghèo, đối tượng chính sách khác sinh sống trên cùng địa bàn (thôn, ấp, bản, làng, xã, phường, thị trấn); cùng có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống; cùng tương trợ, giúp đỡ nhau và cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc vay vốn và trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 25: Tổ tiết kiệm và vay vốn do Hội Nông dân thành lập, các thành viên của tổ có nhất thiết là hội viên của Hội Nông dân không?

Trả lời:

Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã đã ký hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội đều có thể đứng ra thành lập các tổ tiết kiệm và vay vốn; một tổ chức chính trị - xã hội có thể thành lập nhiều tổ tiết kiệm và vay vốn, số tổ viên của mỗi tổ tiết kiệm và vay vốn có từ 5 đến 50 tổ viên. Tổ viên của tổ tiết kiệm và vay vốn không nhất thiết chỉ là hội viên của một tổ chức chính trị - xã hội mà có thể là hội viên của nhiều

tổ chức chính trị - xã hội và cả những người chưa là hội viên của tổ chức chính trị - xã hội nào. Chẳng hạn tổ tiết kiệm và vay vốn do Hội Nông dân đứng ra thành lập có thể tiếp nhận thành viên là hội viên của Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhưng phải trên cơ sở các thành viên đó có đơn tự nguyện và thực hiện đầy đủ những quy định của tổ tiết kiệm và vay vốn.

Câu hỏi 26: Nhiệm vụ và quyền hạn của ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn?

Trả lời:

Ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Triển khai thực hiện quy ước hoạt động của tổ. Tuyên truyền, giải thích cho các tổ viên về chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước, thủ tục vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội. Tuyên truyền vận động các tổ viên gửi tiền tiết kiệm.

- Tiếp nhận đơn xin vay vốn của tổ viên gửi đến. Tổ chức họp tổ để bình xét công khai. Sau bình xét, tổ trưởng lập danh sách (theo Mẫu số 03/TD) gửi Ban xóa đói, giảm nghèo để Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và đề nghị ngân hàng cho vay.

- Nhận kết quả phê duyệt cho vay của ngân hàng, thông báo cho tổ viên biết lịch giải ngân.

Chứng kiến việc ngân hàng phát tiền vay cho hộ. Lập sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm của các thành viên.

- Đôn đốc tổ viên sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Nếu tổ viên gặp khó khăn thì có biện pháp giúp đỡ để tổ viên trả nợ ngân hàng.

- Đối với những tổ được ngân hàng ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm: tiến hành thu của tổ viên theo định kỳ, tiền thu được phải nộp vào ngân hàng đầy đủ, kịp thời.

- Kiểm tra, xác minh và có ý kiến về việc tổ viên đề nghị gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, xử lý nợ bị rủi ro khi phát sinh.

- Phối hợp với chính quyền, Ban xóa đói, giảm nghèo, các tổ chức chính trị - xã hội đôn đốc và có biện pháp thu hồi nợ đối với trường hợp tổ viên có điều kiện trả nợ đến hạn, quá hạn nhưng không trả.

- Thông báo kịp thời cho ngân hàng, chính quyền địa phương những trường hợp tổ viên sử dụng vốn sai mục đích, thay đổi chỗ ở ngoài địa bàn xã.

- Trực tiếp xem xét việc sử dụng vốn vay, sản xuất kinh doanh, thu nhập và trả nợ của tổ viên.

- Đề xuất, kiến nghị và khiếu nại với chính quyền, ngân hàng và các cơ quan liên quan về việc thực hiện chủ trương cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Câu hỏi 27: Hãy cho biết quan hệ của tổ tiết kiệm và vay vốn với Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Với Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chỉ đạo trực tiếp, chấp thuận việc thành lập tổ và cho phép tổ hoạt động; xét duyệt và chấp thuận danh sách hộ đề nghị vay vốn; chỉ đạo, kiểm tra, giúp đỡ các tổ và tổ viên sử dụng tiền vay đúng mục đích; giám sát và xử lý các vi phạm của tổ và mỗi tổ viên tạo điều kiện cho tổ hoạt động có hiệu quả.

Tổ tiết kiệm và vay vốn có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định của Ủy ban nhân dân xã liên quan đến việc vay vốn, trả nợ; thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân xã tình hình hoạt động của tổ, các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện quy ước của tổ viên.

Với các tổ chức chính trị - xã hội: Các tổ chức chính trị - xã hội là cơ quan trực tiếp thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn. Các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm vận động hội viên của mình thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách tín dụng được ưu đãi gia nhập tổ, thực hành tiết kiệm, tương trợ nhau trong sản xuất, đời sống, trả nợ ngân hàng đúng hạn, mang lại lợi ích cho các thành viên và cộng đồng. Thực hiện kiểm tra hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn.

Tổ tiết kiệm và vay vốn có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức sinh hoạt tổ với sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội.

Với Ngân hàng Chính sách xã hội: là mối quan hệ trong việc hướng dẫn tổ viên gửi tiền tiết kiệm và vay vốn, kiểm tra việc sử dụng vốn vay và trả nợ ngân hàng, hướng dẫn các hình thức huy động tiết kiệm, cách ghi chép, thống kê, báo cáo.

Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức nhận ủy thác có trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của tổ về sinh hoạt, thực hiện quy ước, đồng thời tổ chức thực hiện việc đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, hoạt động của tổ.

Tổ tiết kiệm và vay vốn cùng chịu trách nhiệm với tổ viên trong việc vay vốn và trả nợ ngân hàng.

Câu hỏi 28: Hãy cho biết việc kết nạp tổ viên mới và cho tổ viên ra khỏi tổ tiết kiệm và vay vốn được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Hộ nghèo hoặc đối tượng chính sách khác khi vay vốn theo phương thức ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội đều phải làm đơn gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn.

Tổ viên có thể xin ra khỏi tổ khi không còn nợ ngân hàng và nợ tổ, được ban quản lý tổ gạch tên khỏi danh sách thành viên của tổ.

Tổ viên bắt buộc phải ra khỏi tổ khi không thực hiện đúng các cam kết với tổ, vi phạm chế độ gửi tiền tiết kiệm và vay vốn làm thiệt hại đến tài chính của tổ và vốn vay ngân hàng. Trong trường hợp này bắt buộc phải trả hết khoản nợ vay ngân hàng, nợ tổ, kể cả bằng nguồn vốn tiền gửi tiết kiệm ban đầu và tiền tiết kiệm định kỳ của tổ viên đó.

Câu hỏi 29: Tổ tiết kiệm và vay vốn có thể phải giải thể không? Nếu có thì áp dụng đối với các trường hợp nào?

Trả lời:

Tổ tiết kiệm và vay vốn có thể phải giải thể. Các trường hợp giải thể tổ:

- Tổ tự nguyện giải thể khi các tổ viên không còn thuộc diện được vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc không còn nhu cầu vay vốn.

- Tổ hoạt động kém hiệu quả, có nhiều thành viên vi phạm cam kết, nội bộ mất đoàn kết kéo dài, theo đề nghị của trưởng thôn hoặc các tổ chức chính trị - xã hội.

- Theo đề nghị của ngân hàng vì không đủ tin cậy trong việc vay vốn và trả nợ.

Việc giải thể tổ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi công nhận và cho phép hoạt động) chấp thuận cho giải thể. Trước khi giải thể, các tổ viên trong tổ phải trả hết các khoản nợ (gốc và lãi) cho ngân hàng.

VI- VỀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY VỐN ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC HỘI NÔNG DÂN ĐÃ NHẬN ỦY THÁC

6.1. Áp dụng chung cho tất cả các chương trình cho vay

Câu hỏi 30: Người vay phải làm thủ tục vay, nhận tiền vay, trả nợ, trả lãi cũng như thực hiện các giao dịch khác với Ngân hàng Chính sách xã hội ở đâu?

Trả lời:

Đối với người vay ở các xã cách trụ sở Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có bán kính trong khoảng 3 km thì giao dịch tại trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với người vay ở các xã cách trụ sở Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có bán kính trên 3 km thì giao dịch tại điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội đặt tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu hỏi 31: Khi vay vốn, người vay cần phải tuân thủ những nguyên tắc gì?

Trả lời:

Khi vay vốn, người vay phải tuân thủ hai nguyên tắc sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (còn gọi là số vay vốn).

Câu hỏi 32: Thời hạn cho vay được xác định dựa vào những căn cứ nào? Thời hạn cho vay cụ thể là bao lâu?

Trả lời:

1. Thời hạn cho vay được xác định theo những căn cứ sau:

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh của đối tượng đầu tư (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).
- Khả năng trả nợ của người vay.
- Nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội quy định theo từng loại cho vay.

2. Thời hạn cho vay cụ thể theo các loại sau:

- Loại cho vay ngắn hạn là các loại cho vay có thời hạn đến 12 tháng. Đối với loại cho vay ngắn hạn thì ngân hàng có thể thực hiện thu nợ một lần khi đến hạn cả gốc và tiền lãi vay.

- Loại cho vay trung hạn là các khoản cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng.

- Loại cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 60 tháng. Đối với hai loại cho vay trung và dài hạn, khoản vay có thể được phân chia từ hai đến nhiều kỳ hạn trả nợ theo sự thỏa thuận của ngân hàng với người vay.

Câu hỏi 33: Khoản vay trung và dài hạn được phân chia thành nhiều kỳ trả nợ. Như vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội có chuyển nợ quá hạn khi đến kỳ trả nợ mà người vay chưa trả được nợ không? Và người vay có phải làm thủ tục gì không?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc thu nợ theo phân kỳ trả nợ mà người vay đã thỏa thuận với Ngân hàng Chính sách xã hội khi vay vốn. Đến kỳ trả nợ theo phân kỳ trả nợ, nếu người vay chưa trả được nợ thì chuyển vào kỳ hạn tiếp theo do cán bộ kế toán ngân hàng tự động chuyển khi đến hạn, ghi vào hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) để theo dõi và người vay không phải làm thủ tục gì với ngân hàng.

Câu hỏi 34: Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay mà người vay gặp khó khăn do những nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay mà người vay gặp khó khăn do những nguyên nhân khách quan như: thiên tai, dịch bệnh, thanh toán, giá cả và nguyên nhân khách quan khác, người vay phải có giấy đề nghị gia hạn nợ (được tổ tiết kiệm và vay vốn xác nhận đối với các

chương trình cho vay thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn) thì được ngân hàng xem xét cho gia hạn nợ. Người vay có thể được gia hạn một lần hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng không quá 12 tháng đối với khoản vay ngắn hạn và không quá một phần hai thời hạn cho vay ghi trên sổ vay vốn đối với khoản vay trung hạn (riêng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thời gian gia hạn nợ tối đa là một phần hai thời hạn trả nợ đối với loại cho vay thông qua hộ gia đình và 2 năm tính từ thời điểm trả nợ cuối cùng đối với loại cho vay trực tiếp học sinh, sinh viên).

Trường hợp người vay có nhu cầu gia hạn nợ vượt thời gian gia hạn nợ tối đa kể trên do nguyên nhân khách quan thì ngân hàng nơi cho vay phải báo cáo Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định.

Câu hỏi 35: Người vay bị chuyển nợ quá hạn trong những trường hợp nào? Biện pháp xử lý đối với những trường hợp chuyển nợ quá hạn?

Trả lời:

Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Người vay sử dụng vốn sai mục đích.
- Người vay có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến hạn trả nợ cuối cùng không được Ngân hàng Chính sách xã hội

cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư sang nợ quá hạn.

- Người vay là hộ nghèo đã thoát ngưỡng nghèo theo tiêu chí được Nhà nước công bố đến hạn trả nợ cuối cùng nhưng không trả.

Biện pháp xử lý đối với những trường hợp chuyển nợ quá hạn: Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngân hàng phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp tích cực thu hồi nợ. Trường hợp người vay có khả năng trả nợ, nhưng cố tình chây ì không trả thì phối hợp với các cơ quan pháp luật để có biện pháp xử lý thu hồi, kể cả biện pháp cưỡng chế hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật xử lý theo luật định.

Câu hỏi 36: Việc kiểm tra, kiểm soát vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc kiểm tra, kiểm soát vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện như sau:

- Kiểm tra trước khi cho vay: đối với các chương trình tín dụng ngân hàng cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ tiết kiệm và vay vốn, cán bộ ngân hàng cơ sở khi nhận hồ sơ vay vốn, tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, danh sách người vay sau khi tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét và đề nghị Ủy ban nhân dân xã

phê duyệt (theo Mẫu số 03/TD), đơn xin vay, mục đích xin vay,... theo quy định. Đối với các chương trình tín dụng ngân hàng cho vay trực tiếp, cán bộ ngân hàng cơ sở cần thẩm định các điều kiện vay vốn, mục đích xin vay,... theo quy định.

- Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra chữ ký nhận tiền vay, chứng minh thư nhân dân của người vay phải khớp đúng với người đứng tên vay hoặc người được ủy quyền trên hồ sơ vay vốn.

- Kiểm tra sau khi cho vay: đối với các chương trình tín dụng cho vay theo phương thức ủy thác, Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay theo định kỳ, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các tổ chức nhận ủy thác tiến hành kiểm tra khi cần thiết. Đối với các chương trình cho vay trực tiếp, cán bộ ngân hàng cơ sở thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay đối với người vay.

Câu hỏi 37: Để các tổ viên trong tổ tiết kiệm và vay vốn nhận được tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội thì ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn phải làm những công việc gì và lập các loại giấy tờ gì?

Trả lời:

Ban quản lý tổ nhận giấy đề nghị vay vốn của tổ viên. Sau đó, tổ chức họp để bình xét những hộ đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách

theo Mẫu số 03/TD kèm giấy đề nghị vay vốn của các tổ viên gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ tiết kiệm và vay vốn có trách nhiệm gửi danh sách theo Mẫu số 03/TD tới Phòng giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để phê duyệt cho vay.

Sau khi nhận thông báo kết quả phê duyệt cho vay từ ngân hàng gửi đến, ban quản lý tổ có trách nhiệm thông báo đến từng hộ vay biết về thời gian và địa điểm giải ngân, đôn đốc tổ viên đến nhận tiền vay và chứng kiến việc giải ngân của ngân hàng.

6.2. Các quy định, thủ tục cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội

6.2.1. Chương trình cho vay vốn đối với hộ nghèo

Câu hỏi 38: Một hộ như thế nào được xác định là một hộ nghèo?

Trả lời:

Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người theo tiêu chí quy định, được Chính phủ công bố từng thời kỳ.

Cụ thể, giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010, tiêu chí quy định như sau:

- Đối với khu vực thành thị: hộ nghèo là

những hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng dưới 260.000 đồng.

- Đối với khu vực nông thôn: hộ nghèo là những hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng dưới 200.000 đồng.

Trong thực tế, việc giải ngân vốn cho vay hộ nghèo được căn cứ vào danh sách hộ nghèo do Ban xóa đói, giảm nghèo lập và được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt (danh sách theo Mẫu số 03/TD) mà không phải thẩm định lại danh sách hộ nghèo theo chuẩn đói nghèo công bố từng thời kỳ.

Câu hỏi 39: Để được vay vốn, hộ nghèo cần phải có điều kiện gì?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay khi hộ nghèo có đủ các điều kiện sau:

1. Có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương cho vay.

2. Có tên trong danh sách hộ nghèo ở xã (phường, thị trấn) sở tại theo tiêu chuẩn hộ nghèo được Nhà nước công bố từng thời kỳ.

3. Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét lập danh sách đề nghị, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ hộ hoặc người thừa kế được ủy quyền giao dịch là người đại diện hộ gia đình chịu trách

nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội, là người trực tiếp ký nợ và chịu trách nhiệm trả nợ ngân hàng.

Câu hỏi 40: Có trường hợp nào là hộ nghèo nhưng không thuộc đối tượng được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Có một số trường hợp là hộ nghèo nhưng không thuộc đối tượng được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm:

- Hộ nghèo không còn sức lao động, hộ nghèo thuộc diện chính sách xã hội như già cả neo đơn, tàn tật, thiếu ăn. Những hộ này được ngân sách nhà nước trợ cấp.

- Những hộ có người mắc các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, lừa đảo, không chịu lao động, hộ độc thân đang trong thời gian thi hành án.

Câu hỏi 41: Hộ nghèo vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội được sử dụng vào mục đích gì?

Trả lời:

Hộ nghèo vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để sử dụng vào các mục đích sau:

1. Để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Mua sắm các loại vật tư, giống cây trồng,

vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, gia cầm... phục vụ cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi.

- Mua sắm các loại công cụ lao động nhỏ như cày, bừa, cuốc, thuổng, bình phun thuốc trừ sâu...

- Các chi phí thanh toán cung ứng lao vụ như thuê làm đất, bơm nước, dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật...

- Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: mua nguyên, vật liệu sản xuất, công cụ lao động thủ công, máy móc nhỏ...

- Chi phí nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy, hải sản như đào đắp ao, hồ, mua sắm các phương tiện ngư, lưới cụ...

- Góp vốn thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh do cộng đồng người lao động sáng lập và được chính quyền địa phương cho phép thực hiện.

2. Để sửa chữa nhà ở:

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà ở đối với hộ nghèo khi nhà ở bị hư hại, đột nát. Vốn vay chủ yếu sử dụng vào việc mua nguyên, vật liệu xây dựng, chi trả tiền công lao động phải thuê ngoài.

3. Để lắp đặt điện sinh hoạt:

- Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay chi phí lắp đặt đường dây dẫn điện từ mạng chung của thôn, xã tới gia đình người vay như cột, dây dẫn, các thiết bị thấp sáng...

- Cho vay góp vốn xây dựng thủy điện nhỏ, các dự án điện dùng sức gió, năng lượng mặt trời; máy phát điện cho một nhóm hộ gia đình ở nơi chưa có điện lưới quốc gia.

4. Để xây dựng công trình nước sạch:

- Góp vốn xây dựng dự án cung ứng nước sạch đến từng hộ gia đình.

- Những nơi chưa có dự án tổng thể phát triển nước sạch thì cho vay làm giếng khơi, giếng khoan, xây bể lọc nước, bể chứa nước...

5. Để hỗ trợ con em đi học ở các cấp học phổ thông:

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay các chi phí cho việc học tập như: nộp tiền học phí, mua sắm các thiết bị phục vụ học tập (sách, vở, bút mực, trang phục) của con em hộ nghèo đang theo học tại các trường phổ thông.

Câu hỏi 42: Căn cứ để xác định mức cho vay cụ thể từng hộ nghèo và một hộ nghèo được vay với mức tối đa là bao nhiêu tiền?

Trả lời:

Việc xác định mức cho vay đối với từng hộ nghèo được căn cứ vào:

- Nhu cầu vay vốn của từng hộ nghèo.
- Vốn tự có của hộ tham gia vào phương án sản xuất, kinh doanh.
- Khả năng trả nợ của người vay.

- Khả năng nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Mức cho vay tối đa đối với một hộ quy định từng thời kỳ. Hiện nay, mức cho vay tối đa đối với một hộ nghèo cho từng loại đối tượng đầu tư như sau:

- Đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/hộ.

- Đầu tư cho sửa chữa nhà ở, mức cho vay tối đa 3 triệu đồng/hộ.

- Đầu tư cho nhu cầu điện thắp sáng, mức cho vay tối đa 1,5 triệu đồng/hộ.

- Đầu tư cho xây dựng công trình nước sạch, vệ sinh môi trường, mức cho vay tối đa là 4 triệu đồng/công trình.

- Đầu tư cho chi phí học tập cho con em theo học các cấp học phổ thông, mức cho vay tối đa không vượt quá 4 khoản chi phí học tập gồm: tiền học phí phải nộp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kinh phí xây dựng trường, tiền mua dụng cụ học tập và sách giáo khoa, tiền mua trang phục học đường.

Câu hỏi 43: Để được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, hộ nghèo cần phải làm thủ tục gì? Thủ tục đó gửi cho ai, ở đâu?

Trả lời:

Hộ nghèo liên hệ với các tổ chức chính trị - xã

hội tại cơ sở, gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn, bản, ấp. Hộ nghèo viết giấy đề nghị vay vốn theo mẫu in sẵn do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành thông qua ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn, bản (hoặc gửi đến Ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn) để được tổ bình xét cho vay. Hộ nghèo điền đầy đủ các yếu tố theo mẫu giấy đề nghị vay vốn trước khi gửi ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn hoặc tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

Câu hỏi 44: Hộ nghèo vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội phải hoàn trả nợ gốc và lãi như thế nào? Trả lãi cho ai, ở đâu?

Trả lời:

1. Đối với trả nợ gốc:

- Hộ nghèo cùng Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận kế hoạch trả nợ cụ thể theo quy định sau:

+ Đối với món vay ngắn hạn: người vay được trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

+ Đối với món vay trung hạn: người vay thỏa thuận phân kỳ trả nợ nhiều lần theo định kỳ 6 tháng hoặc một năm một lần.

+ Người vay được quyền trả nợ trước hạn.

- Khi đến hạn trả nợ gốc theo kế hoạch đã thỏa thuận, người vay trả nợ trực tiếp do Ngân hàng Chính sách xã hội tại trụ sở ngân hàng, hoặc trả nợ trực tiếp tại điểm giao dịch của Ngân

hàng Chính sách xã hội tại Ủy ban nhân dân cấp xã vào ngày trực cố định.

2. Đối với trả lãi tiền vay:

- Đối với khoản nợ trong hạn: Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay thỏa thuận trả lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý. Đối với khoản vay từ 6 tháng trở xuống thu lãi và gốc một lần khi đến hạn. Lãi chưa thu được của kỳ trước chuyển sang thu vào kỳ hạn kế tiếp:

+ Trường hợp nợ vay phải chuyển sang nợ quá hạn thì trả nợ gốc đến đâu thì trả lãi đến đó.

+ Khi người vay có nợ bị rủi ro bất khả kháng do những nguyên nhân khách quan làm cho người vay thực sự khó khăn hoặc người vay có hoàn cảnh thực sự khó khăn dẫn đến nợ khó đòi thì ưu tiên trả nợ gốc trước, trả lãi sau.

+ Đối với những tổ tiết kiệm và vay vốn được Ngân hàng Chính sách xã hội tín nhiệm ký hợp đồng ủy nhiệm thu lãi cho ngân hàng thì người vay nộp tiền lãi hằng tháng (quý) cho ban quản lý tổ để ban quản lý tổ nộp cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại điểm giao dịch của Ngân hàng theo quy định.

Trường hợp tổ tiết kiệm và vay vốn không được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm thu lãi của tổ viên thì người vay đem tiền trả lãi nộp trực tiếp cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội tại điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách

xã hội tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

Câu hỏi 45: Hộ nghèo có trách nhiệm gì trong quá trình sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Trách nhiệm của hộ nghèo trong sử dụng vốn vay như sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận.

- Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh quy ước hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Chịu sự kiểm tra và giám sát của tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, chính quyền địa phương và Ngân hàng Chính sách xã hội.

6.2.2. Chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Câu hỏi 46: Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được quy định như thế nào?

Trả lời:

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn gồm:

1. Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng những người còn lại không có khả năng lao động.

2. Học sinh, sinh viên là con (con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp) của hộ gia đình, thuộc một trong các đối tượng:

- Hộ nghèo theo quy định của pháp luật (Chính phủ công bố từng thời kỳ).

- Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo theo quy định của luật pháp.

Câu hỏi 47: Những học sinh, sinh viên nào thuộc đối tượng được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội là học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được theo học và đang theo học hệ chính quy tập trung tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước (sau đây gọi chung là các trường đào tạo), có thời gian đào tạo từ một năm trở lên.

Câu hỏi 48: Trường hợp nào là học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng không được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

nhưng không được vay vốn là học sinh, sinh viên bị các cơ quan xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, hoặc là học sinh, sinh viên đang bị các trường học kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Câu hỏi 49: Điều kiện nào để học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Để được vay vốn, học sinh, sinh viên phải có đủ các điều kiện sau:

1. Học sinh, sinh viên đang sinh sống trong hộ gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại địa phương nơi Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

2. Học sinh, sinh viên được theo học và đang theo học hệ chính quy tập trung tại các trường đào tạo có thời hạn từ đào tạo một năm trở lên.

3. Là học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hộ gia đình của học sinh, sinh viên sinh sống xác nhận.

Câu hỏi 50: Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng phương thức cho vay như thế nào đối với học sinh, sinh viên?

Trả lời:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện

cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua hộ gia đình của học sinh, sinh viên. Chủ hộ gia đình là người đại diện cho học sinh, sinh viên trực tiếp vay vốn, trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội và có nghĩa vụ, quyền lợi theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là người vay).

Chủ hộ gia đình có thể là cha hoặc mẹ hoặc người đại diện cho hộ gia đình nhưng đã thành niên (đủ 18 tuổi) được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Nơi cư trú hợp pháp của người vay vốn là nơi người đó thường xuyên sinh sống. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của người vay vốn theo quy định thì nơi cư trú là nơi người đó đang sinh sống được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Người vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn tại nơi sinh sống, được tổ bình xét cho vay, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chi phí học tập cho học sinh, sinh viên được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

3. Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho vay từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở thành lập các tổ tiết kiệm và vay vốn được tổ chức và hoạt động theo Quyết

định số 783/QĐ-HĐQT ngày 29-7-2003 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn. Nếu hộ gia đình chưa ai là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn tại nơi sinh sống thì phải gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ kết nạp thành viên mới và lập danh sách thành viên bổ sung có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã để gửi Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trường hợp học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không đủ khả năng lao động được trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhà trường đóng trụ sở (không phải tham gia tổ tiết kiệm và vay vốn).

Câu hỏi 51: Người vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên phải liên hệ với cơ quan nào và phải làm thủ tục gì?

Trả lời:

Khi người vay có nhu cầu vay vốn để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên cần liên hệ với tổ chức chính trị - xã hội cấp xã để được gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn tại nơi cư trú.

Người vay viết giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu in sẵn do Ngân hàng phát hành, ghi rõ mục

đích xin vay, số tiền xin vay, thời hạn xin vay,...) kèm giấy xác nhận của nhà trường hoặc giấy báo nhập học gửi cho tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức họp bình xét và tổng hợp danh sách vay vốn trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Câu hỏi 52: Vốn cho học sinh, sinh viên vay được sử dụng vào việc gì?

Trả lời:

Vốn vay được sử dụng vào việc nộp học phí, chi phí để mua sắm sách vở, phương tiện học tập, nghiên cứu và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập của học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại trường.

Câu hỏi 53: Mức cho vay tối đa để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên là bao nhiêu?

Trả lời:

Mức cho vay tối đa đối với một hộ gia đình phụ thuộc vào số lượng học sinh, sinh viên của hộ gia đình đó có nhu cầu sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội để chi phí học tập, mức cho vay tối đa của Ngân hàng Chính sách xã hội và số tháng từng học sinh, sinh viên còn phải theo học tại trường kể từ ngày có nhu cầu vay.

Hiện nay mức cho vay tối đa để chi phí cho học tập cho một học sinh, sinh viên theo

quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội là 8.600.000 đồng/năm.

Trường hợp học sinh, sinh viên được miễn giảm học phí theo chế độ quy định của Nhà nước thì vẫn vay theo mức tối đa do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội công bố.

Câu hỏi 54: Lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được quy định như thế nào?

Trả lời:

Các khoản cho vay từ ngày 01-10-2007 trở đi được áp dụng lãi suất cho vay 0,5%/tháng.

Các khoản cho vay từ ngày 30-9-2007 trở về trước còn dư nợ đến ngày 30-9-2007 vẫn được áp dụng mức lãi suất cho vay đã ghi trên hợp đồng tín dụng hoặc sổ tiết kiệm và vay vốn hoặc kế ước nhận nợ (gọi chung là kế ước) cho đến khi thu hồi hết nợ.

Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.

Câu hỏi 55: Người vay được vay vốn để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên với thời hạn bao lâu?

Trả lời:

1. Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận khoản tiền

vay đầu tiên cho đến ngày trả nợ hết gốc và lãi được thỏa thuận trong kế ước nhận nợ. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ:

a) Thời hạn phát tiền vay: là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận khoản tiền vay đầu tiên cho đến ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học, kể cả thời gian học sinh, sinh viên được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

Trong thời hạn phát tiền vay, người vay chưa phải trả nợ gốc và lãi tiền vay; lãi tiền vay được tính từ ngày người vay nhận khoản tiền vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

b) Thời hạn trả nợ: là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả nợ khoản tiền nợ đầu tiên đến hết ngày trả nợ gốc và lãi. Người vay và ngân hàng thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo đến 1 năm, thời gian trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay.

Ví dụ: học sinh, sinh viên được phát tiền vay trong thời gian học ở trường là 1 năm thì thời gian trả nợ tối đa là 2 năm; thời hạn cho vay tối đa là 3 năm (thời hạn phát tiền vay 1 năm + thời hạn trả nợ 2 năm).

- Đối với các chương trình đào tạo trên 1 năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

Ví dụ: học sinh, sinh viên được phát tiền vay trong thời gian học ở trường là 3 năm thì thời gian trả nợ tối đa là 3 năm; thời hạn cho vay tối đa là 6 năm (thời hạn phát tiền vay 3 năm + thời hạn trả nợ 3 năm).

2. Trường hợp trong một hộ gia đình vay vốn cho nhiều học sinh, sinh viên một lúc nhưng thời hạn ra trường của từng học sinh, sinh viên khác nhau thì thời hạn cho vay được xác định theo học sinh, sinh viên có thời gian còn phải theo học tại trường dài nhất.

Câu hỏi 56: Người vay vốn chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thực hiện trả nợ ngân hàng như thế nào?

Trả lời:

1. Định kỳ hạn trả nợ:

Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay cùng người vay thỏa thuận việc định kỳ trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên khi học sinh, sinh viên có việc làm, có thu nhập nhưng không

quá 12 tháng kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học. Số tiền cho vay được phân kỳ trả nợ tối đa 6 tháng một lần, phù hợp với khả năng trả nợ của người vay do ngân hàng và người vay thỏa thuận ghi vào kế ước nhận nợ.

Trường hợp người vay vốn chi phí học tập cho nhiều học sinh, sinh viên một lúc thì việc định kỳ hạn trả nợ của người vay được thực hiện khi giải ngân số tiền cho vay học kỳ cuối của học sinh, sinh viên sau cùng.

2. Trả nợ gốc:

Việc trả nợ gốc thực hiện theo phân kỳ đã thỏa thuận trong kế ước nhận nợ.

Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

3. Trả lãi tiền vay:

Lãi tiền vay được tính từ ngày người vay nhận khoản tiền vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với người vay trả lãi theo định kỳ tháng hoặc quý trong thời gian trả nợ.

Người vay có thể trả lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc quý trong thời hạn phát tiền vay nếu có nhu cầu.

Nhà nước có chính sách giảm lãi suất đối với trường hợp người vay trả nợ trước hạn.

Đối với những khoản nợ đã chuyển sang quá hạn thì tùy từng trường hợp cụ thể có thể xem xét thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó, trường hợp người vay thực sự khó khăn thì có thể ưu tiên thu gốc trước, trả lãi sau.

6.2.3. Cho vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Câu hỏi 57: Hộ gia đình như thế nào thì được vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường?

Trả lời:

Các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn chưa có công trình nước sạch hoặc đã có công trình nước sạch nhưng chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia và chưa có công trình vệ sinh đảm bảo chuẩn vệ sinh môi trường nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì thuộc đối tượng được vay vốn chương trình này của Ngân hàng Chính sách xã hội (không phân biệt hộ nghèo hay không nghèo).

Câu hỏi 58: Thế nào là khu vực nông thôn?

Trả lời:

Khu vực nông thôn bao gồm:

- Các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Các xã thuộc thị xã và thành phố thuộc tỉnh.

Câu hỏi 59: Người vay vốn chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường cần phải có các điều kiện gì?

Trả lời:

Người vay phải có đủ các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn tại khu vực nông thôn nơi chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đóng trụ sở.

- Chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ vay không mắc phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét lập danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu hỏi 60: Vốn vay được sử dụng vào những việc gì?

Trả lời:

Mua nguyên, vật liệu, trả công xây dựng và các chi phí cần thiết khác cho việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch và vệ sinh bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn.

Câu hỏi 61: Một hộ được vay vốn cho mấy loại công trình? Là loại công trình gì?

Trả lời:

Mỗi hộ được vay vốn cho hai loại công trình, là công trình nước sạch và công trình vệ sinh.

- Công trình nước sạch như: lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước từ đầu nguồn (đường ống chung chạy dọc theo đường trục chính hoặc bể chứa công cộng...); giếng khoan, giếng đào, lu hoặc bể chứa nước mưa...

- Công trình vệ sinh như: hố xí hoặc hố xí kèm bể sử dụng công nghệ khí sinh học, chuồng trại chăn nuôi, rãnh thoát nước thải khu vực làng nghề nông thôn.

Câu hỏi 62: Mức cho vay cụ thể từng hộ được xác định như thế nào và mức cho vay tối đa là bao nhiêu? Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay?

Trả lời:

Mức cho vay cụ thể của từng hộ được xác định căn cứ vào giá trị dự toán công trình do người vay lập nhưng không vượt quá giá trị dự toán công trình theo thiết kế mẫu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định từng thời kỳ và không được vượt mức cho vay tối đa đối với mỗi loại công trình theo quy định dưới đây.

Mức cho vay đối với mỗi loại công trình tối đa là 4 triệu đồng. Nếu một hộ gia đình đủ điều

kiện vay vốn và có nhu cầu vay cho cả hai loại công trình (công trình nước sạch và công trình vệ sinh) thì được vay tối đa đến 8 triệu đồng.

- Thời hạn vay tối đa là 60 tháng, trong 6 tháng đầu người vay chưa phải trả nợ gốc và lãi tiền vay.

- Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi vay.

Câu hỏi 63: Quy trình, thủ tục cho vay và giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội như thế nào?

Trả lời:

Hộ gia đình viết giấy đề nghị vay vốn kiêm dự toán công trình theo mẫu in sẵn do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành, gửi ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn.

Tổ tiết kiệm và vay vốn cùng tổ chức chính trị - xã hội tổ chức họp để bình xét những hộ gia đình đủ điều kiện vay vốn, lập thành danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn kèm giấy đề nghị vay vốn của các tổ viên trình Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ tiết kiệm và vay vốn gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn tới Ngân hàng Chính sách xã hội.

Cán bộ tín dụng nhận hồ sơ vay vốn của tổ gửi lên, tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp

của bộ hồ sơ vay vốn trình Ban giám đốc phê duyệt cho vay.

Ngân hàng nơi cho vay thông báo danh sách các hộ được vay vốn cho tổ tiết kiệm và vay vốn để tổ thông báo đến từng người vay biết về thời gian và địa điểm giải ngân.

Tùy theo hình thức thi công, Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức giải ngân như sau:

- Đối với công trình của từng hộ riêng biệt do hộ tự làm hoặc thầu khoán, Ngân hàng Chính sách xã hội có thể tổ chức giải ngân trực tiếp cho người vay hoặc giải ngân theo phương thức thanh toán tay ba (người vay ký nhận tiền vay và số tiền vay này được chuyển thẳng cho đơn vị nhận thầu khoán xây dựng công trình). Căn cứ vào tình hình thực tế, Ngân hàng Chính sách xã hội có thể giải ngân một lần hoặc nhiều lần số tiền cho vay được duyệt.

- Đối với công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung (các hộ cùng góp vốn để xây dựng và được sử dụng chung): việc giải ngân thực hiện theo phương thức thanh toán tay ba, hộ nhận nợ Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển tiền cho đơn vị nhận thầu. Việc giải ngân thực hiện làm hai đợt: đợt một ứng tối đa 70% số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng, đợt hai giải ngân số tiền cho vay còn lại sau khi công trình đã nghiệm thu bàn giao của các bên có liên quan (Trung tâm nước

sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đơn vị xây dựng, các hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã).

Câu hỏi 64: Người vay trả nợ gốc và lãi như thế nào?

Trả lời:

Người vay trả nợ gốc theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận với Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 6 tháng một lần và ghi vào hợp đồng tín dụng.

Trả nợ gốc: Việc trả nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận nêu trên. Trường hợp người vay chưa trả được số nợ của kỳ hạn trước có thể được chuyển trả vào kỳ hạn tiếp theo mà không chuyển nợ quá hạn.

Trả lãi: Trả lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc quý do ngân hàng và người vay thỏa thuận.

Câu hỏi 65: Người vay có được bán công trình cấp nước và vệ sinh môi trường được xây dựng bằng nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Trong thời gian chưa trả hết nợ:

- Hộ dân không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cấp nước và vệ sinh môi trường cho người khác.

- Trường hợp các hộ dân bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ, được Ủy ban nhân dân cấp xã và Ngân hàng Chính sách xã hội xác nhận, với nguyên tắc người bán phải trả được nợ hoặc người mua phải thừa kế số nợ này.

6.2.4. Cho vay đối với các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài

Câu hỏi 66: Những đối tượng khách hàng nào được vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài?

Trả lời:

Các đối tượng chính sách được vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, gồm:

1. Vợ (chồng), con của liệt sĩ.
2. Thương binh (kể cả thương binh loại B được xác nhận từ ngày 31-12-1993 trở về trước, nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động), người hưởng chính sách như thương binh, mất sức lao động 21% trở lên (gọi chung là thương binh).
3. Vợ (chồng), con của thương binh.
4. Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; con của người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng được thưởng huân, huy chương kháng chiến; con của cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

5. Người lao động thuộc hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

Câu hỏi 67: Để được vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, người vay phải có các điều kiện gì?

Trả lời:

Người vay phải có đủ các điều kiện sau:

1. Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

2. Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vay cư trú về việc người vay thuộc đối tượng chính sách. Trường hợp đối tượng chính sách không thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì người vay xuất trình giấy tờ để chứng minh (như thẻ thương binh, giấy chứng nhận...) để Ủy ban nhân dân cấp xã có cơ sở xác nhận.

3. Được bên tuyển dụng chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

Câu hỏi 68: Người thuộc đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được sử dụng vốn vay vào mục đích gì?

Trả lời:

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các chi phí, lệ phí hợp pháp cần thiết để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đã ký kết giữa bên tuyển dụng và lao động, gồm:

- Phí đào tạo;
- Phí tư vấn hợp đồng;
- Phí đặt cọc;
- Vé máy bay một lượt từ Việt Nam đến nước mà người lao động tới làm việc;
- Chi phí cần thiết khác tại hợp đồng lao động.

Câu hỏi 69: Mức cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được xác định như thế nào và mức cho vay tối đa là bao nhiêu? Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay?

Trả lời:

Mức cho vay cụ thể đối với từng người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn của người vay để chi phí đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng tuyển dụng, khả năng trả nợ của người vay và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

Thời hạn cho vay được căn cứ vào: thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng tuyển dụng và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 10% lãi suất khi cho vay.

Câu hỏi 70: Phương thức cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Người vay (bao gồm cả cho vay thông qua hộ gia đình và cho vay trực tiếp đối với lao động là độc thân) không phải thế chấp tài sản nhưng phải gia nhập và là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn tại nơi hộ gia đình đang sinh sống, được tổ bình xét đủ điều kiện vay vốn, lập thành danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội theo cơ chế ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 71: Để được vay vốn, người vay phải làm những thủ tục gì?

Trả lời:

1. Người vay tự nguyện gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn (trường hợp cho vay thông qua hộ gia đình: chủ hộ là người đại diện hộ gia đình trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội là cha hoặc mẹ hoặc người đại diện hộ gia đình nhưng đã có thành viên gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn).

2. Chủ hộ gia đình hoặc người lao động (đối với trường hợp người lao động là độc thân) viết giấy đề nghị theo mẫu có sẵn do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.

3. Có hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động với bên tuyển dụng:

- Trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động cá nhân do người lao động trực tiếp ký kết với người sử dụng lao động ở nước ngoài thì hợp đồng cá nhân phải được chứng nhận đã đăng ký tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động cư trú.

- Trong khi chưa có hợp đồng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào thông báo hoặc giấy xác nhận của bên tuyển dụng về việc người lao động được tuyển dụng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để xem xét và làm các thủ tục cho vay. Tiền vay chỉ được phát ra khi Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được bản gốc hợp đồng lao động.

Câu hỏi 72: Việc giải ngân cho vay đối với người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khi nhận được thông báo kết quả phê duyệt cho vay, người vay đến trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để làm thủ tục chuyển tiền vay trả thẳng cho bên tuyển dụng lao động.

Trong trường hợp bên tuyển dụng có đề nghị bằng văn bản, thì Ngân hàng Chính sách xã hội có thể phát tiền vay trực tiếp cho người vay tại điểm giao dịch quy định. Nếu người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được ủy quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã.

Mỗi lần giải ngân, cán bộ ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định.

Câu hỏi 73: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc định kỳ trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay đối với người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài như thế nào?

Trả lời:

1. Định kỳ trả nợ:

Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay thỏa thuận về việc định kỳ trả nợ gốc 6 tháng hoặc một năm một lần và lãi tiền vay trả theo định kỳ hàng tháng hoặc quý được ghi vào kế ước nhận nợ. Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam được phép đưa người lao động đi nước ngoài quản lý thu nhập của người lao động do bên nước ngoài trả thì Ngân hàng Chính sách xã hội, người lao động và doanh nghiệp Việt Nam có thể thỏa thuận việc doanh nghiệp Việt Nam trả nợ trực tiếp cho Ngân hàng Chính sách xã hội từ thu nhập của người lao động.

2. Thu nợ gốc, thu lãi:

- Việc thu nợ gốc, thu lãi được thực hiện theo định kỳ trả nợ gốc, trả lãi đã thỏa thuận trong kế ước nhận nợ. Trường hợp người vay trả nợ bằng đôla Mỹ thì Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển đổi theo tỷ giá quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm trả nợ.

- Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Đối với các khoản nợ quá hạn, thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó; trường hợp người vay thực sự khó khăn có thể ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau.

6.2.5. Cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05-3-2007 của Thủ tướng Chính phủ

Câu hỏi 74: Để được vay vốn sản xuất kinh doanh, các hộ gia đình thuộc vùng khó khăn phải có điều kiện gì?

Trả lời:

1. Người vay vốn phải có dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân xã nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh xác nhận.

2. Người vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Người vay vốn cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh.

Câu hỏi 75: Năng lực hành vi dân sự của người vay vốn là gì?

Trả lời:

Năng lực hành vi dân sự của người vay vốn là khả năng của người đó bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội.

Người mất năng lực hành vi dân sự: khi một người do mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định (theo Điều 22 Bộ luật dân sự).

Người bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự: người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự (theo Điều 23 Bộ luật dân sự).

Câu hỏi 76: Người vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn được sử dụng vốn vay vào những mục đích nào?

Trả lời:

1. Mua sắm vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất; cây trồng, vật nuôi; sửa chữa, xây dựng mới nhà, xưởng sản xuất kinh doanh; xây dựng, cải tạo đồng ruộng, trang trại chăn nuôi; các nhu cầu về vệ sinh môi trường; thanh toán thuê nhân công và các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Góp vốn thực hiện các phương án sản xuất, kinh doanh.

3. Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng và đào tạo tay nghề có liên quan mật thiết đến dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh.

Câu hỏi 77: Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn được vay mức tối đa và lãi suất là bao nhiêu?

Trả lời:

1. Mức cho vay:

- Mức cho vay đối với một hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tối đa là 30 triệu đồng. Trong một số trường hợp cụ thể, mức vay có thể trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng.

- Công thức xác định mức cho vay:

Mức cho vay = (bằng) nhu cầu vốn của phương án sản xuất – (trừ đi) vốn tự có tham gia vào phương án sản xuất.

- Hộ có phương án sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay cao hơn mức quy định trên, thì hộ vay vốn tự huy động thêm phần vốn còn thiếu theo cơ chế hiện hành của Nhà nước.

2. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay bằng 0,9%/tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

- Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 78: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với hộ sản xuất kinh doanh theo phương thức nào?

Trả lời:

Đối với mức cho vay đến 30 triệu đồng được thực hiện theo phương thức ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội như cơ chế ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đối với những nơi đã có tổ tiết kiệm và vay vốn hoạt động thì tổ trưởng tổ chức kết nạp người vay vào tổ để họ có đủ điều kiện vay vốn ngân hàng.

Đối với những nơi chưa có tổ tiết kiệm và vay vốn thì ngân hàng nơi cho vay thỏa thuận với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương chỉ đạo thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn tạo điều kiện cho người vay làm thủ tục vay vốn ngân hàng.

Đối với mức cho vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay tại Hội sở Ngân hàng cấp tỉnh, cấp huyện.

Câu hỏi 79: Thời hạn cho vay và trả nợ đối với hộ gia đình thuộc vùng khó khăn được Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo các thể loại: ngắn hạn (đến 12 tháng); trung hạn (trên 12 tháng đến 60 tháng) và dài hạn (trên 60 tháng).

2. Thời hạn cho vay và định kỳ hạn trả nợ cụ thể được Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và người vay thỏa thuận, căn cứ vào:

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn thu hồi vốn của phương án sản xuất;
- Khả năng trả nợ của người vay;
- Nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Định kỳ trả nợ gốc, lãi:

- Đối với cho vay ngắn hạn thì không phải định kỳ trả nợ, trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung bình và dài hạn phải định kỳ trả nợ, mỗi kỳ hạn trả nợ là 6 tháng hoặc 1 năm. Đối với cho vay dài hạn thì thời gian ân hạn tối đa là 2 năm. Thời gian ân hạn do giám đốc ngân hàng nơi cho vay quyết định.

- Giám đốc ngân hàng nơi cho vay và người vay thỏa thuận kỳ hạn trả lãi tiền vay hàng tháng hoặc hàng quý.

Câu hỏi 80: Hộ gia đình thuộc vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất kinh doanh phải thực hiện bảo đảm tiền vay như thế nào?

Trả lời:

Mức vay đến 30 triệu đồng thì không phải thực hiện bảo đảm tiền vay nhưng người vay phải là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn do các tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

Mức vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, thì người vay phải có vốn tự có tham gia vào phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu bằng 20% và phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật.

6.2.6. Chương trình cho vay hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006-2010 theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg, ngày 9-6-2008 của Thủ tướng Chính phủ

Câu hỏi 81: Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg được thực hiện tại những tỉnh, thành phố nào?

Trả lời:

Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg được thực hiện tại 13 tỉnh, thành phố: Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, Long An và Cần Thơ.

Câu hỏi 82: Điều kiện để hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long được vay vốn tín dụng hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm?

Trả lời:

- Là hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg, có tên trong danh sách hộ dân tộc thiểu số nghèo được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể được chính quyền cấp xã và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã hỗ trợ lập.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn do một tổ chức chính trị - xã hội đứng ra thành lập, được tổ bình xét cho vay công khai, dân chủ.

- Đối với hộ có nhu cầu vay vốn để chuyển đổi hoặc mở thêm ngành nghề ở địa phương thì phải có thêm điều kiện là có lao động trong độ tuổi (là người ít nhất đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động). Riêng vay vốn đi lao động nước ngoài thì người đi lao động nước ngoài phải trong độ tuổi từ 16 đến 35 tuổi.

Câu hỏi 83: Vốn vay được sử dụng vào các việc gì?

Trả lời:

Mỗi hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thuộc diện được thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội một lần để sử dụng vào một trong hai việc sau:

1. Đối với hộ có nhu cầu về đất sản xuất: tiền vay được dùng mua đất sản xuất.

2. Đối với hộ không tìm được hoặc không có nhu cầu về đất sản xuất mà có lao động trong độ

tuổi, có nhu cầu chuyển đổi hoặc mở thêm ngành nghề, thì được Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để:

- Mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ cho các hộ sản xuất nông nghiệp trong vùng và các chi phí để chuyển đổi hoặc mở thêm ngành nghề tại địa phương.

- Chi phí cho việc đi xuất khẩu lao động theo hợp đồng lao động như tiền đặt cọc, vé máy bay lượt đi, chi phí khám sức khỏe...

Câu hỏi 84: Hạn mức cho vay tối đa của chương trình này thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Cho vay bằng nguồn vốn của Trung ương:

- Đối với hộ vay để có đất sản xuất, mức cho vay tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ.

- Đối với hộ vay để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ và các chi phí để chuyển đổi hoặc mở thêm ngành nghề tại địa phương, mức cho vay tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ. Đối với hộ có lao động đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, mức cho vay tối đa không quá 20 triệu đồng/một lao động đi xuất khẩu.

2. Trường hợp địa phương có nguồn ngân sách hỗ trợ thêm để cho vay trên mức quy định

thì thực hiện theo quyết định của chính quyền địa phương.

3. Trường hợp hộ có nhu cầu, thuộc đối tượng thụ hưởng và đủ điều kiện vay vốn theo các chương trình tín dụng hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay theo các quy định hiện hành của từng chương trình.

Câu hỏi 85: Thời hạn cho vay đối với các đối tượng theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thời hạn cho vay cụ thể đối với từng hộ được xác định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không vượt quá thời hạn cho vay tối đa quy định sau:

- Đối với cho vay để có đất sản xuất: không quá 5 năm (60 tháng).

- Đối với cho vay mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ và các chi phí để chuyển đổi hoặc mở thêm ngành nghề tại địa phương: không quá 3 năm (36 tháng).

- Đối với lao động đi xuất khẩu: không quá thời gian đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

6.2.7. Chương trình cho vay đối với hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, ngày 12-12-2008 của Thủ tướng Chính phủ

Câu hỏi 86: Những đối tượng nào được thụ hưởng chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở?

Trả lời:

- Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08-7-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010), đang cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

- Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở.

- Hộ không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20-7-2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và theo các chính sách hỗ trợ nhà ở khác.

Câu hỏi 87: Việc bình xét và phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Cơ sở thôn, bản tổ chức bình xét đối tượng

và phân loại ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách số hộ được hỗ trợ, đồng thời lập danh sách các hộ có nhu cầu vay vốn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Trong quá trình bình xét và phê duyệt có xếp loại ưu tiên cho vay như sau:

- Hộ gia đình có công với cách mạng;
- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số;
- Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai;
- Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...);
- Hộ gia đình đang sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn;
- Các hộ gia đình còn lại.

Câu hỏi 88: Quy định về mức cho vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay hộ nghèo về nhà ở?

Trả lời:

Hộ dân thuộc đối tượng được thụ hưởng sau khi nhận nguồn vốn hỗ trợ từ Nhà nước, cộng đồng, nếu có nhu cầu, được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở.

Mức cho vay theo đề nghị của người vay nhưng tối đa không quá 8 triệu đồng/hộ.

Lãi suất cho vay 3%/năm.

Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay là 10 năm kể từ thời điểm hộ dân nhận khoản tiền vay đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm đầu. Trong thời gian ân hạn, hộ dân chưa phải trả nợ, trả lãi, hộ dân bắt đầu trả nợ tiền vay từ năm thứ sáu trở đi. Mức trả nợ mỗi năm tối thiểu bằng 20% tổng số vốn đã vay. Hộ dân có thể trả nợ trước hạn.

Câu hỏi 89: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với hộ nghèo về nhà ở theo phương thức nào?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội. Cơ chế ủy thác tương tự như cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Trường hợp người vay thuộc đối tượng vay vốn của chương trình này đã là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn đang vay vốn của các chương trình khác, nếu có nhu cầu vẫn được tiếp tục vay vốn từ chương trình này.

Trường hợp người vay chưa là thành viên của tổ tiết kiệm và vay vốn thì phải gia nhập vào tổ tiết kiệm và vay vốn và được tổ kết nạp để người vay đủ điều kiện làm thủ tục vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 90: Việc trả phí dịch vụ ủy thác và hoa hồng cho tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và tổ tiết kiệm và vay vốn của chương trình cho vay đối với hộ nghèo về nhà ở được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc trả phí dịch vụ ủy thác và hoa hồng được thực hiện một quý một lần tính trên số dư nợ bình quân theo quy định:

- Phí dịch vụ ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 0,03%/tháng.

- Hoa hồng trả cho tổ tiết kiệm và vay vốn là 0,05%/tháng.

6.2.8. Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất tại 62 huyện nghèo

Câu hỏi 91: Những đối tượng nào thuộc 62 huyện nghèo được áp dụng chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất?

Trả lời:

1. Là hộ gia đình nghèo đang sinh sống và cư trú hợp pháp tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc 62 huyện nghèo và phải có trong danh sách hộ nghèo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố, được tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập danh sách có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ hộ (hoặc người được ủy quyền) có năng lực, hành vi dân sự đầy đủ là người đại diện cho hộ gia đình trong quan hệ tín dụng với ngân hàng.

Câu hỏi 92: Mức cho vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay được Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04-10-2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản liên quan khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành. Ngoài ra, hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo còn được hưởng các chính sách sau đây của Ngân hàng Chính sách xã hội:

1. Được vay ưu đãi 1 lần số tiền tối đa 5 triệu đồng với lãi suất 0% trong thời gian 2 năm để mua giống gia súc (trâu, bò, dê) hoặc giống gia cầm chăn nuôi tập trung hoặc giống thủy sản.

2. Đối với hộ nghèo không có điều kiện chăn nuôi mà có nhu cầu phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tạo thu nhập được vay ưu đãi 1 lần số tiền tối đa 5 triệu đồng với lãi suất 0% trong thời hạn 2 năm.

Việc cho vay hỗ trợ lãi suất theo điểm 1 và 2 trên đây áp dụng đối với khoản tiền cho vay mới

kể từ ngày văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành. Trường hợp hộ nghèo vay mức trên 5 triệu đồng, thời gian vay trên 2 năm thì số tiền vay 5 triệu đồng và thời hạn vay trên 2 năm được áp dụng cho vay đối với hộ nghèo hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội tại thời điểm cho vay. Đồng thời, hộ nghèo vay vốn đến ngày 31-12-2009 vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất tại Quyết định số 578/QĐ-TTg ngày 06-5-2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp hộ vay thời hạn dưới 2 năm nhưng phải gia hạn nợ hoặc chuyển nợ quá hạn vẫn được hưởng lãi suất 0% trong thời hạn 2 năm đó.

Trường hợp người vay đã vay vốn chương trình hộ nghèo, kể cả trường hợp đã vay đến mức tối đa 30 triệu đồng, nếu có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào các mục đích nêu tại điểm 1 và 2 trên đây thì vẫn được vay thêm tối đa đến 5 triệu đồng với lãi suất 0% trong 2 năm.

Câu hỏi 93: Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng mức trả phí dịch vụ ủy thác cho Hội và hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn đối với chương trình cho vay này như thế nào?

Trả lời:

Việc trả phí dịch vụ cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn được thực hiện một quý một lần tính trên số dư nợ bình quân quý theo quy định:

- Phí dịch vụ ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 0,03%/tháng.

- Hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn là 0,05%/tháng.

VII- XỬ LÝ NỢ VAY NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ RỦI RO

Câu hỏi 94: Đối tượng nào được xem xét xử lý nợ bị rủi ro?

Trả lời:

Các đối tượng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản dẫn đến gặp khó khăn về tài chính đều được xem xét xử lý nợ. Bao gồm:

1. Hộ nghèo;
2. Hộ gia đình vay và học sinh, sinh viên vay vốn chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;
3. Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm;
4. Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;
5. Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa;

6. Các hộ nghèo được cho vay hỗ trợ về nhà ở;
7. Các đối tượng vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
8. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;
9. Hộ được vay chương trình làm nhà trả chậm;
10. Hộ thương nhân vùng khó khăn;
11. Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
12. Ngoài ra, còn có các đối tượng chính sách khác theo chỉ định của Chính phủ, các địa phương và theo yêu cầu góp vốn cho các chương trình của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có áp dụng phương thức xử lý nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 95: Thế nào là rủi ro do nguyên nhân khách quan?

Trả lời:

Các rủi ro sau được gọi là rủi ro do nguyên nhân khách quan:

- Thiên tai, bao gồm: bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, mất mùa, động đất, sét đánh, mưa đá, sạt lở đất, lốc xoáy, sóng thần...
- Dịch họa, chiến tranh.
- Hoả hoạn, cháy rừng.
- Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh

hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người vay như: không còn nguồn cung cấp nguyên, vật liệu, mặt hàng sản xuất kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc người vay phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Do biến động chính trị, kinh tế, xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người đi lao động có thời hạn tại nước ngoài như doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể, người lao động bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mất việc làm, người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài.

Câu hỏi 96: Thế nào là rủi ro xảy ra trên diện rộng và diện đơn lẻ, cục bộ?

Trả lời:

1. Rủi ro xảy ra trên diện rộng là rủi ro do các nguyên nhân khách quan xảy ra đối với đa số người vay từ 5 (năm) xã, phường trở lên (không phân biệt theo địa bàn hành chính tỉnh, huyện).

2. Rủi ro xảy ra trên diện đơn lẻ, cục bộ là rủi ro do các nguyên nhân khách quan xảy ra đối với người vay không thuộc diện rộng thì được coi là rủi ro xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ.

Câu hỏi 97: Để được xử lý nợ bị rủi ro, người vay phải đảm bảo những điều kiện gì?

Trả lời:

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro chỉ được thực hiện khi người vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (được trả lời tại câu hỏi số 95).

Ngoài ra, người vay phải có các điều kiện sau:

- Người vay là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đã sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

- Người vay bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản.

- Người vay gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho người vay được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của người vay, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự.

Câu hỏi 98: Nhà nước có những chính sách gì để hỗ trợ người vay sau khi bị rủi ro do nguyên nhân khách quan?

Trả lời:

Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, người vay có nợ vay mà bị

rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại đến vốn và tài sản của người vay, làm cho người vay gặp khó khăn trong việc trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội thì được Nhà nước hỗ trợ bằng những biện pháp sau:

- Cho gia hạn nợ;
- Tùy theo mức độ thiệt hại và gia cảnh cụ thể của người vay, được xem xét giảm lãi hoặc miễn lãi tiền vay, hoặc khoan nợ gốc hoặc xóa nợ cả gốc và lãi tiền vay;
- Được xem xét cho vay bổ sung để khôi phục sản xuất nếu người vay có nhu cầu vay (mức vốn cho vay bổ sung không tính dư nợ cũ).

Câu hỏi 99: Trường hợp nào thì người vay được miễn lãi tiền vay? Số tiền được miễn là bao nhiêu?

Trả lời:

1. Người vay đang sử dụng vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan dẫn đến khó khăn về tài chính và chưa trả được nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội, nhưng vẫn còn khả năng trả nợ thì sẽ được xem xét miễn lãi tiền vay. Việc miễn lãi tiền vay được căn cứ vào mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng. Cụ thể như sau:

- Đối với người vay vốn là hộ nghèo, người vay vốn giải quyết việc làm; người vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; người vay vốn

mua nhà trả chậm hoặc tự làm nhà ở; người vay vốn chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do nguyên nhân khách quan từ 80% trở lên so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của người vay.

- Đối với người vay vốn để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của gia đình học sinh, sinh viên chưa xin được việc làm do nguyên nhân khách quan từ 80% trở lên so với tổng số vốn vay của người vay.

- Đối với người vay là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: mức độ thiệt hại về thu nhập của người lao động do nguyên nhân khách quan từ 80% trở lên so với tổng số thu nhập dự kiến của người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Khi được miễn lãi thì số lãi được miễn tính như sau:

- Trường hợp người vay có số nợ lãi tại ngân hàng đến ngày xử lý thấp hơn hoặc bằng số tiền tương đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì được miễn toàn bộ số tiền lãi còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp người vay có số nợ lãi tại ngân hàng đến ngày đề nghị xử lý lớn hơn số tiền tương đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì chỉ được miễn số nợ lãi tương

đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn.

Câu hỏi 100: Trường hợp nào thì người vay được giảm lãi tiền vay? Số tiền được giảm lãi là bao nhiêu?

Trả lời:

1. Người vay đang sử dụng vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan dẫn đến khó khăn về tài chính và chưa trả được nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội, nhưng vẫn còn khả năng trả nợ thì sẽ được xem xét giảm lãi tiền vay. Việc giảm lãi tiền vay căn cứ vào mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng, cụ thể như sau:

- Đối với người vay vốn là hộ nghèo, người vay vốn giải quyết việc làm; người vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; người vay vốn để mua nhà trả chậm hoặc tự làm nhà ở; người vay vốn chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do nguyên nhân khách quan từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của người vay.

- Đối với người vay vốn để chi phí học tập cho học sinh, sinh viên: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của gia đình học sinh, sinh viên chưa xin được việc làm do nguyên nhân khách quan từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn vay chi phí cho việc học tập của học sinh, sinh viên.

- Đối với người vay là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: mức độ thiệt hại về thu nhập của người lao động do nguyên nhân khách quan từ 40% đến dưới 80% so với tổng số thu nhập dự kiến của người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Khi được giảm lãi, thì số tiền lãi được giảm tính như sau:

- Trường hợp người vay có số nợ lãi tại ngân hàng đến ngày xử lý thấp hơn hoặc bằng số tiền tương ứng với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì được giảm toàn bộ số tiền lãi còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp người vay có số nợ lãi tại ngân hàng đến ngày đề nghị xử lý lớn hơn số tiền tương ứng với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì chỉ được giảm số nợ lãi tối đa tương đương với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn.

Câu hỏi 101: Trường hợp nào thì người vay được xóa nợ? Số tiền được xóa nợ là bao nhiêu?

Trả lời:

1. Việc xóa nợ cho người vay chỉ được áp dụng trong trường hợp người vay bị rủi ro do các nguyên nhân:

- Người vay là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau thường xuyên phải điều trị dài ngày, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa, chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích mà không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho người vay.

- Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn vốn và tài sản để trả nợ cho ngân hàng.

2. Số tiền xóa nợ cho người vay bằng số tiền của người vay còn phải trả cho ngân hàng (cả gốc và lãi) sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu.

Câu hỏi 102: Khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, người vay cần phải làm gì để được xem xét xử lý nợ?

Trả lời:

1. Khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, tùy từng chương trình cho vay, người vay cần thông báo ngay cho người, đơn vị có trách nhiệm, cụ thể:

- Đối với các chương trình cho vay thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn và ủy thác thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, người vay thông báo đến ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn hoặc tổ chức chính trị - xã hội cấp xã để thông báo cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay lập biên bản xác định nợ vay bị rủi ro.

- Đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm, người vay thông báo đến ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn chủ dự án (đối với những trường hợp thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác), chủ dự án hoặc thông báo đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để Ngân hàng Chính sách xã hội cùng người vay và các thành phần liên quan lập biên bản xác định nợ vay bị rủi ro.

- Đối với các chương trình Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay trực tiếp đến người vay, người vay thông báo đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để Ngân hàng Chính sách xã hội cùng người vay lập biên bản xác định nợ vay bị rủi ro.

2. Người vay viết đơn đề nghị xử lý nợ theo mẫu có sẵn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay cùng với biên bản xác định nợ vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan để được xem xét xử lý theo chế độ quy định của Chính phủ.

VIII- HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM CỦA NGƯỜI NGHÈO THÔNG QUA TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN

Câu hỏi 103: Việc huy động tiền gửi tiết kiệm của người nghèo thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức huy

động tiền gửi tiết kiệm của người nghèo nhằm từng bước tạo cho người nghèo ý thức dành tiền tiết kiệm để tạo vốn tự có và quen dần với hoạt động tín dụng và tài chính; đồng thời, bổ sung thêm nguồn vốn để mở rộng cho vay trên địa bàn, góp phần giảm nghèo ở địa phương.

Câu hỏi 104: Những đối tượng nào được Ngân hàng Chính sách xã hội huy động gửi tiền tiết kiệm?

Trả lời:

Tất cả các thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn đều là đối tượng huy động gửi tiền tiết kiệm vào Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 105: Việc gửi tiền tiết kiệm của các thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện theo các nguyên tắc nào? Hình thức gửi tiền tiết kiệm?

Trả lời:

1. Việc gửi tiền tiết kiệm của các thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện theo các nguyên tắc:

- Gửi tiền tự nguyện theo quy ước đã cam kết tại tổ tiết kiệm và vay vốn;

- Gửi tiền tiết kiệm bằng đồng tiền Việt Nam, số tiền gửi chẵn theo đơn vị nghìn đồng;

- Người gửi tiền được gửi và rút tiền tiết kiệm theo nhu cầu.

2. Hình thức gửi tiền tiết kiệm được áp dụng là hình thức được gửi tiền không kỳ hạn, bao gồm hai loại sau:

- Tiết kiệm ban đầu: Là số tiền tiết kiệm mà mỗi tổ viên gửi lần đầu khi gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Tiết kiệm định kỳ: Là số tiền mỗi tổ viên gửi vào tổ định kỳ hàng tháng.

Câu hỏi 106: Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng phương pháp nào để huy động tiền gửi tiết kiệm của người nghèo?

Trả lời:

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của người nghèo thông qua ủy nhiệm cho tổ tiết kiệm và vay vốn.

Điều kiện để tổ tiết kiệm và vay vốn được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm:

- Tổ tiết kiệm và vay vốn phải được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 783/QĐ-HĐQT ngày 29-7-2003 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Tổ tiết kiệm và vay vốn có quy ước về việc gửi tiền tiết kiệm của các tổ viên đã ghi trong biên bản

hợp tổ (Mẫu số 10/TD, Văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22-3-2007 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội). Mức gửi thực hiện theo quy ước của các tổ viên trong tổ phù hợp với khả năng kinh tế của các tổ viên, điều kiện kinh tế của mỗi vùng.

- Ban quản lý tổ được ngân hàng đào tạo, tập huấn nghiệp vụ huy động tiền gửi tiết kiệm, có kỹ năng ghi chép sổ sách, được ngân hàng tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi tiền vay.

Câu hỏi 107: Người nghèo gửi tiết kiệm qua tổ tiết kiệm và vay vốn được hưởng lãi suất hàng tháng là bao nhiêu?

Trả lời:

Ngân hàng áp dụng một loại lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn đối với tiền gửi của người nghèo qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Mức lãi suất cụ thể giao cho Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thành phố quyết định căn cứ vào mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của các ngân hàng thương mại trên địa bàn.

Câu hỏi 108: Thủ tục và quy trình gửi, rút tiền tiết kiệm qua tổ tiết kiệm và vay vốn được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Việc gửi tiền tiết kiệm của tổ viên:

Hàng tháng, căn cứ quy ước gửi tiền tiết kiệm của các thành viên trong tổ, tổ trưởng thực hiện nhận tiền gửi của tổ viên.

Khi thu tiền tiết kiệm của tổ viên, tổ trưởng hoặc đại diện ban quản lý tổ được tổ trưởng ủy quyền kiểm đếm và ghi số tiền tổ viên gửi vào bảng kê (theo mẫu quy định của ngân hàng), đồng thời yêu cầu tổ viên ký vào bảng kê.

Người thu tiền phải ghi rõ số tiền gửi vào Phiếu theo dõi tiền gửi của tổ viên, ký vào cột người thu tiền, sau đó giao lại Phiếu cho tổ viên giữ. Phiếu theo dõi tiền gửi của tổ viên do Ngân hàng Chính sách xã hội in theo mẫu thống nhất. Phiếu này được sử dụng lâu dài để theo dõi số tiền gửi của tổ viên cho đến khi tổ viên rút hết tiền tiết kiệm.

Tổ trưởng gửi Ngân hàng số tiền tiết kiệm của tổ viên tại điểm giao dịch cố định hàng tháng tại xã.

2. Việc rút tiền tiết kiệm của tổ viên:

Khi tổ viên có nhu cầu rút tiền tiết kiệm hoặc sử dụng tiền gửi tiết kiệm để trả nợ, trả lãi Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ viên báo cáo cho tổ trưởng số tiền cần rút. Tổ trưởng căn cứ số dư tiền gửi tiết kiệm của tổ viên để làm căn cứ chi trả cho người rút.

Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn được Ngân hàng ủy nhiệm thu tiền lãi vay, thu tiền tiết kiệm

được sử dụng số tiền thu được trong kỳ để chi trả tiền tiết kiệm của tổ viên. Cụ thể là:

- Trường hợp tổng số tiền thu được trong kỳ (bao gồm cả thu tiền gửi tiết kiệm và thu lãi tiền vay) đủ để chi trả, thì tổ trưởng thực hiện chi trả cho tổ viên.

- Trường hợp tổng số tiền thu được trong kỳ không đủ để chi trả, thì tổ trưởng thực hiện chi trong phạm vi số tiền hiện có, số tiền còn thiếu tổ trưởng phải lập danh sách người đề nghị rút tiền, số tiền phải chi trả. Đến ngày giao dịch cố định của ngân hàng, tổ trưởng làm thủ tục rút tiền từ ngân hàng để chi trả số tiền còn thiếu cho người gửi.

- Khi chi trả tiền tiết kiệm cho tổ viên, tổ viên phải ký xác nhận vào bảng kê do tổ trưởng giữ. Tổ trưởng phải rút số dư và ký vào Phiếu theo dõi tiền gửi của tổ viên theo đúng hướng dẫn của ngân hàng.

Câu hỏi 109: Ngân hàng phải chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn theo cơ chế nào?

Trả lời:

1. Chi trả lãi tiền gửi:

- Ngân hàng thực hiện chi trả lãi theo định kỳ vào các ngày 30-6 và 31-12 hằng năm hoặc khi tổ tất toán tiền gửi tiết kiệm theo phương thức

nhập lãi vào sổ gốc trên sổ tiết kiệm và vay vốn của tổ. Số tiền lãi được làm tròn đến 1.000 đồng, từ 500 đồng trở lên được làm tròn đến 1.000 đồng, dưới 500 đồng không tính lãi.

- Thời gian tính lãi: tính từ ngày tổ trưởng nộp tiền vào Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Phương pháp tính lãi: theo tích số hàng tháng.

Vào kỳ giao dịch trong tháng 1 và tháng 7 hàng năm, khi tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn đến giao dịch, ngân hàng căn cứ số tiền nhập lãi ghi trên thẻ lưu (tại ngân hàng) để ghi số tiền lãi nhập gốc vào sổ tiết kiệm của tổ, đồng thời gửi cho tổ trưởng bảng kê tính lãi nhập gốc định kỳ để tổ trưởng làm căn cứ nhập lãi vào Phiếu theo dõi tiền gửi tiết kiệm của tổ viên.

2. Chi hoa hồng:

- Ngân hàng thực hiện chi trả hoa hồng cho các tổ tiết kiệm và vay vốn được ngân hàng ủy nhiệm thu tiết kiệm của tổ viên theo mức phí 0,1%/tháng tính trên tích số dư hàng tháng tiền gửi tiết kiệm của tổ.

- Định kỳ trả hoa hồng thu tiết kiệm: Ngân hàng thực hiện chi trả hoa hồng cho ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn theo định kỳ vào các ngày 30-6 và 31-12 hàng năm hoặc khi tổ tất toán tiền gửi tiết kiệm.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
Kinh nghiệm làm giàu của nhà nông	7
I- Kinh nghiệm làm giàu từ trang trại tổng hợp	7
II- Kinh nghiệm làm giàu từ trồng trọt	48
III- Kinh nghiệm làm giàu từ chăn nuôi	73
IV- Kinh nghiệm làm giàu từ nuôi trồng thủy, hải sản	91
V- Kinh nghiệm sử dụng vốn vay hiệu quả	101
VI- Kinh nghiệm xây dựng thương hiệu kinh doanh hiệu quả	119
<i>Phần thứ hai</i>	
Hỏi - đáp về nghề nông	146
I- Về sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	146
II- Về chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp	151
III- Về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp	156
IV- Về quỹ hỗ trợ nông dân	159

V- Về tổ tiết kiệm và vay vốn	175
VI- Về một số chương trình cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác Hội Nông dân đã nhận ủy thác	185
VII- Xử lý nợ vay Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro	237
VIII- Huy động tiền gửi tiết kiệm của người nghèo thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn	246

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
TRIỆU THỊ LỮ
TRẦN TRUNG THÀNH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: LÊ MINH ĐỨC
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRẦN TRUNG THÀNH

TÌM ĐỌC

- Kỹ năng lập và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, phường, thị trấn

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN

(Chủ biên)

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011 - 2020

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TS. ĐẶNG KIM SƠN

- Tài cơ cấu nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng giá trị gia tăng cao



8935211121928